

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần (tiếng Việt):	Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh
1.2. Tên học phần (Tiếng Anh):	Ethics and social responsibility in business
1.3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4. Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5. Mã học phần:	
1.6. Số tín chỉ:	2
1.7. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20
- Bài tập, thảo luận:	10
- Thực hành:	
- Tự học:	60
1.8. Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị kinh doanh
1.9. Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của học phần là giúp học viên có được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh của các doanh nghiệp của một nhà nghiên cứu, đồng thời, có kỹ năng, thái độ và nhận thức với việc nghiên cứu nghiêm túc vấn đề đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh của các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra vô cùng khẩn trương và

cạnh tranh gay gắt, đặc biệt ở các khu vực nền kinh tế mới nổi như VN. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp học viên nghiên cứu và phát hiện ra những vấn đề khoa học liên quan, phát triển các luận điểm, khái niệm, các mô hình và khung lý thuyết về vấn đề đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh vào hoạt động điều hành doanh nghiệp một cách hiệu quả.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức: Nắm bắt được kiến thức chuyên sâu và đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh như đạo đức kinh doanh và hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường, các quan điểm tiếp cận về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xây dựng và phát triển lý luận khoa học trên nền tảng hành vi kinh doanh có trách nhiệm v.v.
- Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp dữ liệu, thông tin, tri thức nhằm phát triển được hệ thống tư duy khoa học của một nhà nghiên cứu.
- Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc, nhận thức đúng đắn, hoàn thiện chuẩn mực của một nhà nghiên cứu. Hình thành tinh thần đổi mới, sáng tạo trong khoa học.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1. Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
CLO2	Cập nhật kiến thức về các mô hình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
CLO3	Phát triển tư duy phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn của các chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh trên cơ sở khoa học.
CLO4	Tổng hợp kiến thức để hình thành nên những khung lý luận, các mô hình nghiên cứu mới về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
CLO5	Phát triển các lý luận, mô hình mới về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
Về kỹ năng	

CLO6	Phân tích, đánh giá một cách khoa học các kiến thức đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh để áp dụng vào thực tiễn quản lý doanh nghiệp.
CLO7	Phân tích bối cảnh doanh nghiệp các quyết định chiến lược trung và dài hạn.
CLO8	Nhận diện, đánh giá và giải quyết vấn đề phát sinh trong chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.
CLO9	Làm việc nhóm
CLO10	Lãnh đạo và dẫn dắt đội nhóm
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO11	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh trong doanh nghiệp.
CLO12	Khát vọng trưởng thành trong nghề quản trị với việc tuân thủ chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh trong doanh nghiệp.
CLO13	Trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc để nâng cao giá trị cuộc sống thông qua chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh trong doanh nghiệp..
CLO14	Nhận thức sự thay đổi, hình thành năng lực học tập nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi trong môi trường doanh nghiệp

3.2 *Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):*

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.*

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO 2		R								
CLO 3			I							
CLO 4			R							
CLO 5			M							
CLO 6				I						
CLO 7					I					
CLO 8						I				

CLO 9					R	R				
CLO 10					R	M				
CLO 11								I		
CLO 12									R	
CLO 13										M
CLO 14										M
Tổng hợp học phần	I	R	M	I	R	M		I	R	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

1.1. Nội dung và kế hoạch giảng dạy:						
Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1: Từ: tiết 1 đến tiết 5	Chuyên đề 1: Tổng quan về đạo đức kinh doanh, hành vi kinh doanh có trách nhiệm trong nền kinh tế thị trường và trách nhiệm xã hội - Khái niệm đạo đức. - Khái niệm đạo đức kinh doanh. - Sự phát triển của nền KTTT. - Doanh nghiệp trong nền KTTT. - Trách nhiệm của cấp quản lý. - Khái niệm Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Các quan điểm tiếp cận về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	4	1	10	- Thuyết giảng - Thảo luận	Đọc tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của học phần

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Tự học, tự nghiên cứu		
	Các cách tiếp cận để thực thi Vai trò của trách nhiệm xã hội.					
Tuần 2: Từ: tiết 1 đến tiết 5	Chuyên đề 2: Doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm và lý luận cơ bản về xây dựng chiến lược hành vi kinh doanh có trách nhiệm - Lý luận về xây dựng và phát triển doanh nghiệp trên nền tảng hành vi kinh doanh có trách nhiệm - Lý thuyết nền về tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội - Bản chất của thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. - Nền tảng lý luận của một doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm. - Cấu trúc hệ thống và các thành phần của chương trình. - Tính khoa học của kế hoạch chiến lược và chương trình đạo đức kinh doanh. - Quy trình thiết kế, đánh giá và phê chuẩn.	3	2	10	- Thuyết giảng - Thảo luận	<i>Đọc tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của học phần</i>
Tuần 3:	Chuyên đề 3: Thiết lập chương trình đạo đức kinh doanh	3	2	10	- Thuyết giảng	<i>Đọc tài liệu về</i>

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Tự học, tự nghiên cứu		
Từ: tiết 1 đến tiết 5	- Hoạch định chương trình - Mô hình lý luận của chương trình - Nghiên cứu bối cảnh liên quan - Nghiên cứu nội bộ doanh nghiệp				- Thảo luận - Làm việc nhóm	<i>những vấn đề liên quan đến nội dung của học phần</i>
Tuần 4: Từ: tiết 1 đến tiết 5	Chuyên đề 4: Chương trình đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội - Tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh - Quy trình đạo đức kinh doanh - Quản trị có trách nhiệm. - Bộ quy tắc đạo đức tiêu biểu. - Cơ sở hạ tầng đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội	3	2	10	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm việc nhóm	<i>Đọc tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của học phần</i>
Tuần 5: Từ: tiết 1 đến tiết 5	Chuyên đề 5: Truyền thông về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh và triển khai đạo đức - trách nhiệm xã hội trong kinh doanh - Các khái niệm và mô hình cơ bản về truyền thông về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh - Khung chương trình đảm bảo nhân viên tuân thủ theo các tiêu chuẩn và đáp ứng mong đợi	3	2	10	- Thuyết giảng - Thảo luận - Làm việc nhóm	<i>Đọc tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của học phần</i>

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Tự học, tự nghiên cứu		
	- Tạo lập hành vi và văn hóa kinh doanh có trách nhiệm - Đánh giá chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội					
Tuần 6: Từ: tiết 1 đến tiết 5	Học viên báo cáo một khung Chương trình/Mô hình dự kiến nghiên cứu về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh của doanh nghiệp Ôn tập	5	Báo cáo tổng hợp bài thực hành tổng hợp	10	Thuyết trình	Xem lại toàn bộ vấn đề đã học tập và soạn câu hỏi cần trao đổi, làm rõ trước

4.2. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO9	CLO9	CLO9	CLO9	CLO1
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X				
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				

5. HỌC LIỆU:

Ao Thu Hoài (2021). Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh. Đại học Tài chính marketing.

5.1 Tài liệu chính:

Bộ thương mại Mỹ (2007). *Đạo đức kinh doanh: Cẩm nang quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm trong các nền kinh tế thị trường mới nổi*. Nhà xuất bản trẻ.

Hartman, L.P., DesJardins, J., MacDonald, C. (2022). *Business Ethics: Decision Making for Personal Integrity & Social Responsibility, 5th Edition*. The McGraw–Hill.

5.2 Tài liệu tham khảo:

Gasmi, N. (2020). *Corporate Innovation Strategies: Corporate Social Responsibility and Shared Value Creation*. Wiley-ISTE

James, L. (2015) *Sustainability Footprints in SMEs: Strategy and Case Studies for Entrepreneurs and Small Business*. Wiley

Anderson, V., Garavan, T. & Sadler-Smith, E. (2014). Corporate social responsibility, sustainability, ethics and international human resource development. *Human Resource Development International*, Volume 17, 2014 - Issue 5. Pp.497-498.

Luu Trong Tuan (2012). Corporate social responsibility, ethics, and corporate governance. *Social Responsibility Journal*, Vol. 8 No. 4, pp. 547-560.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thảo luận nhóm Mỗi nhóm thực hiện một đề tài cụ thể trong phạm vi học phần. Theo thời gian phân bố, nhóm có:	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên các nhóm	CLO1,2,3,4,5	10%
		Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm,	CLO 6,7,8,9,10	10%

	20 phút để thảo luận 10 phút thuyết trình 10 phút tranh luận Giảng viên cho điểm chung cả nhóm và điểm thưởng cho từng thành viên theo mức độ tham gia vào công việc (căn cứ vào bảng đánh giá của nhóm và thực tiễn quan sát) Mỗi nhóm tối đa 3 học viên.	trình bày, thuyết trình, quản lý thời gian v.v...		
		Đánh giá thái độ nghiêm túc, hợp tác, chia sẻ trong học tập, làm việc	CLO 11,12,13,14	10%
	Bài thuyết trình tổng hợp	Chương trình đạo đức và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh của doanh nghiệp X	CLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,11,12,13,14	70 %
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI TIỂU LUẬN CÁ NHÂN Mỗi học viên thực hiện một chương trình/mô hình nghiên cứu về đạo đức và trách nhiệm xã hội trong Kinh doanh cụ thể Theo thời gian phân bố, cá nhân có: - 60 giờ tự học	- Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên. - Đánh giá khả năng nghiên cứu. - Đánh giá sự sáng tạo trong hoạt động tư duy	CLO1,2,3,4,5	40%

- 15 phút thuyết trình - 10 phút tranh luận Bài báo cáo giao nộp giảng viên bao gồm: 1 tệp văn bản	- Đánh giá kỹ năng nghiên cứu, trình bày văn bản, thuyết trình, quản lý thời gian v.v.	CLO 6,7,8,9,10	30%
	- Đánh giá thái độ nghiêm túc, hợp tác, chia sẻ, tương tác trong học tập, làm việc.	CLO 11,12,13,14	30%
Tổng			100%

7.HOLISTIC RUBRIC

7.1 Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70- dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ đúng tiến độ cho nhóm trưởng/giảng viên Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ cho nhóm trưởng/giảng viên Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài nhưng chưa đầy đủ Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không chuẩn bị bài. Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

7.2 Rubric đánh giá bài thuyết trình tổng hợp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng	40%	Đáp ứng 80%-	Đáp ứng 70%-	Đáp ứng 50%-	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

sản phẩm		100% yêu cầu	dưới 80% yêu cầu	dưới 70% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

7. 3. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Nắm vững lý thuyết	50%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Phân tích và nhận định	50%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS.Ao Thu Hoài

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Triết học
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Phylosophi
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	4
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	32
- Bài tập, thảo luận:	28
- Thực hành:	0
- Tự học:	120
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Lý luận chính trị
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh, kinh tế; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.
- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.
- Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức:

- Có kiến thức khái quát về lịch sử triết học, các giá trị, hạn chế của các trường phái triết học trong lịch sử
- Có kiến thức khái quát về nội dung thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, quan điểm về triết học chính trị và con người trong triết học Mác-Lênin.
- ❖ Về kỹ năng:
 - Đánh giá được việc tiếp thu, kế thừa các trường phái triết học đặc biệt triết học Mác-Lênin ở Việt Nam.
 - Phân tích được sự vận dụng các học thuyết triết học, đặc biệt triết học Mác-Lênin ở Việt Nam.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - Sử dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác-Lênin để đánh giá, nhận định, đánh giá một cách khách quan, toàn diện các vấn đề liên quan đến hoạt động thực tiễn.
 - Chủ động, tích cực và có tinh thần nhân văn trong hoạt động thực tiễn

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phân tích những giá trị và hạn chế của các trường phái triết học lớn, đặc biệt các trường phái triết học có ảnh hưởng đến văn hóa, tư tưởng Việt Nam trước khi tiếp nhận triết học Mác-Lênin
CLO2	Phân tích nội dung thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, quan điểm về triết học chính trị và con người, về giải phóng con người trong triết học Mác-Lênin.
Về kỹ năng	
CLO3	Đánh giá được sự ảnh hưởng của một số trường phái triết học đặc biệt triết học Mác-Lênin đến chủ trương, chính sách, tư tưởng, văn hóa và đời sống tinh thần của người Việt Nam
CLO4	Lựa chọn được những giá trị cốt lõi của một số trường phái triết học tiêu biểu, đặc biệt triết học Mác-Lênin để có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc hàng ngày cũng như trong cuộc sống.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO5	Sử dụng các triết lý, giá trị nhân văn của các trường phái triết học trong lịch sử vào việc xây dựng triết lý trong quản lý, điều hành công việc hàng ngày.
CLO6	Có tư duy biện chứng và tinh thần nhân văn trong hoạt động nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống hàng ngày

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO 2		R								
CLO 3				R						
CLO 4					R					
CLO 5							R			
CLO 6									R	
Tổng hợp học phần	I	R		R	R		R		R	

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ: Tiết 1 Đến tiết 10	CHƯƠNG 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1.1 Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2 Sự hình thành, phát triển tư	5	5		18	Phân tích và so sánh các trường phái triết học trong lịch sử Phân tích sự kế thừa và vận dụng của Chủ Tịch	Đọc trước chương 1 của sách tham khảo số 1 Từ trang 1 đến trang 56.	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	tưởng triết học trong lịch sử 1.3 Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 1.4 Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam					Hồ Chí Minh và Đảng CSVN đối với triết học Mác - Lênin	Chuẩn bị nội dung thuyết trình	
Từ: tiết 11	CHƯƠNG 2. BẢN THỂ LUẬN 1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học	4	3		16	Phân tích, giảng giải và vận dụng các nguyên lý của bản	Đọc trước tài liệu 1, trang 57 -100	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Đến tiết 17	phương Đông, phương Tây 2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin 3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay					thể luận vào trong đời sống và kinh doanh	Chuẩn bị nội dung của các tình huống GV nêu	
Từ tiết 18 Đến tiết 26	CHƯƠNG 3. PHÉP BIỆN CHỨNG 1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử 2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản	5	4		16	Phân tích, giảng giải và vận dụng các nguyên lý của phép biện chứng vào trong đời sống và kinh doanh	Đọc trước tài liệu 1, trang 101-130 Chuẩn bị nội dung thuyết trình	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn							
Từ tiết 27 đến tiết 32	CHƯƠNG 4: NHẬN THỨC LUẬN 1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức 2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội 4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	3	3		14	Phân tích, giảng giải và vận dụng các nguyên lý của nhận thức luận vào trong đời sống và kinh doanh	Đọc trước tài liệu 1, trang 131-164 Chuẩn bị nội dung thuyết trình	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ tiết 33 đến tiết 41	CHƯƠNG 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại 2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	5	4		14	Phân tích, giảng giải và vận dụng học thuyết hình thái kinh tế - xã hội vào trong đời sống và kinh doanh ở nước ta	Đọc trước tài liệu 1, trang 165-223 Chuẩn bị nội dung thuyết trình	
Từ tiết 42 đến	CHƯƠNG 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ	3	3		14	Phân tích, giảng giải và vận dụng các	Đọc trước tài liệu 1	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
tiết 47	1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay					quan điểm chính trị vào trong đời sống xã hội nước ta	trang 224-326 Chuẩn bị trả lời những tình huống GV nêu	
Từ tiết 48 đến tiết 53	CHƯƠNG 7. Ý THỨC XÃ HỘI 1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội 2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	3	3		14	Phân tích, giảng giải và vận dụng các quan điểm ý thức xã hội vào trong đời sống xã hội nước ta	Đọc trước tài liệu 1 trang 327-359 Chuẩn bị trả lời những tình huống GV nêu	
Từ tiết 54	CHƯƠNG 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	4	3		14	Phân tích, giảng giải và vận	Đọc trước tài liệu 1,	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
đến tiết 60	1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người 3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh 4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay					dụng các quan điểm về con người vào trong đời sống xã hội nước ta	trang 360-393 Chuẩn bị nội dung thuyết trình	

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X				
Phân tích tình huống, liên hệ, vận dụng	X	X	X	X	X	X
Thuyết trình, thảo luận	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

- Bộ Tài chính, Trường Đh Tài chính-Marketing(215), Triết học(Chương trình sau đại học), Nxb ĐH Quốc gia Tp.HCM,
- ĐH Quốc gia Hà Nội, Giáo trình triết học(Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn) Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2018
- Bộ GD&ĐT (2010): Giáo trình triết học Mác – Lênin (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học), Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Hợp tuyển triết học thế giới(1980), Tập 1, Nxb. Khoa học, Mátcova.
- Doãn Chính(1992), Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- Doãn Chính(1998), Đại cương lịch sử triết học Ấn Độ Cổ đại, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- Từ điển Triết học, Nxb. Tiên bộ, Máxcova, 1986.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần	Đi học đầy đủ, tích cực tham gia phát biểu ý kiến trong giờ học	CLO1,2	10%
2	Thuyết trình, bài tập nhóm	- Đánh giá khả năng phân tích và tổng hợp kiến thức từ các tài liệu thu thập. - Đánh giá khả năng tự vận dụng các kiến thức triết học vào sản xuất kinh doanh - Đánh giá nhận thức, thái độ, quan điểm đối với quá trình lãnh đạo của Đảng ta	CLO1,2,3,4,5,6	30%
3	Viết tiểu luận	-Đánh giá khả năng trình bày tiểu luận - Đánh giá khả năng phân tích và tổng hợp kiến thức từ các tài liệu thu thập.	CLO1,2,3,4,5,6	60%

		- Đánh giá khả năng tự vận dụng các kiến thức triết học vào sản xuất kinh doanh		
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Câu hỏi thi với thời gian 120 phút, học viên được sử dụng tài liệu khi làm bài. Có 2 câu hỏi trong một đề thi, mỗi câu hỏi về các trường phái triết học trước Mác, một câu về những nguyên lý của triết học Mác -Lênin	<i>Đánh giá về kiến thức</i> - - Đánh giá những kiến thức cơ bản của triết học - Hiểu được sự vận dụng sáng tạo Đảng CS Việt Nam chủ nghĩa Mác -Lênin vào hoàn cảnh cụ thể Việt Nam	CLO1,2	40%
	<i>Đánh giá về kỹ năng:</i> - Kỹ năng so sánh, đánh giá để khẳng định sự đúng đắn của triết học Mác – Lênin và sự vận dụng đúng đắn của Đảng Cs Việt Nam	CLO3,4,	30%
	<i>Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i> - Vận dụng những kiến thức triết học vào trong đời sống, sản xuất kinh doanh, - Xây dựng được niềm tin vào Chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng CS Việt Nam	CLO 5,6	30%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt

		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70 - dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Bảng 2. Rubric đánh giá sản phẩm làm việc nhóm, thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Đặt vấn đề ngắn gọn, nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, thu hút người nghe	Đặt vấn đề ngắn gọn, nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng	Đặt vấn đề ngắn gọn, nêu rõ được vấn đề nghiên cứu	Đặt vấn đề ngắn gọn, nêu được vấn đề nghiên cứu
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

Bảng 3. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Trình bày theo đúng quy định(Chương, mục, đánh số trang, biểu đồ, trích dẫn tài liệu tham khảo...) Đặt vấn đề ngắn gọn, nêu rõ được vấn đề nghiên cứu, viết mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng quát được cơ sở lý luận, các nội dung lý luận liên quan đến chủ đề	40%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung

nghiên cứu của tiểu luận					
Vấn đề vận dụng gắn với phân lý luận đã được trình bày trong tiểu luận Phân tích diễn giải logic, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu	30%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Phân phân tích, đánh giá của cá nhân về việc vận dụng lý luận vào thực tiễn logic, chặt chẽ Các số liệu, tài liệu trích dẫn có nguồn gốc, có độ tin cậy khoa học Các kiến nghị, đề xuất, đánh giá về việc vận dụng lý luận một cách khoa học, thuyết phục	30%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Bảng 4. Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm

Phân tích khái quát được cơ sở lý luận, các nội dung lý luận liên quan đến câu hỏi	40%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Vấn đề vận dụng gắn với phân lý luận đã trình bày, có phân tích, đánh giá về việc vận dụng lý luận vào thực tiễn logic, chặt chẽ	30%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Các số liệu, tài liệu trích dẫn có nguồn gốc, có độ tin cậy khoa học/ Các kiến nghị, đề xuất, đánh giá về việc vận dụng lý luận thể hiện được sự sáng tạo, đúng với nội dung khoa học và đường lối, chủ trương	30%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS LẠI VĂN NAM

TS.GVC Phạm Lê Quang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị Kinh doanh Quốc tế
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	International Business Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	12
- Bài tập, thảo luận:	33
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Thương mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Học viên hoàn thành học phần Quản trị học
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Quản trị chiến lược

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu chính của học phần Quản trị kinh doanh quốc tế nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức về kinh doanh quốc tế; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Làm chủ kiến thức về quản trị kinh doanh quốc tế; có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia thực tiễn ứng dụng trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế; có tư duy phản biện; có

kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và trách nhiệm xã hội liên quan đến quản trị kinh doanh quốc tế hướng đến phát triển bền vững.

❖ Về kỹ năng:

Có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng quản lý, đặc biệt là kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng phân tích chính sách để lập kế hoạch kinh doanh, hoạch định chính sách trong quá trình quản trị doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và có kỹ năng ra quyết định chiến lược trung và dài hạn. Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong phân tích dữ liệu;

Có kỹ năng ngoại ngữ trong công việc quản trị kinh doanh quốc tế: có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể sử dụng và ứng dụng liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các giải pháp quản trị bằng ngoại ngữ.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh quốc tế và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc quốc tế và năng lực ứng dụng kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh hiệu quả; đưa ra được những kết luận ứng dụng về các vấn đề phức tạp; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch kinh doanh quốc tế; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Mô tả được các bước hình thành chiến lược kinh doanh quốc tế và phân tích sự tác động của những khác biệt trên từng thị trường ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chiến lược của doanh nghiệp;
CLO2	Phân tích và vận dụng được các chiến lược quản trị nhân sự, điều hành, marketing quốc tế sao cho phù hợp với môi trường kinh doanh của từng khu vực, từng quốc gia cụ thể;
CLO3	Vận dụng các kỹ năng phân tích để hoạch định các chiến lược kinh doanh quốc tế hợp lý;

CLO4	Giải quyết được các tình huống phức tạp trong kinh doanh quốc tế và đưa ra được các quyết định quản trị hiệu quả phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, văn hoá của thị trường doanh nghiệp hoạt động;
Về kỹ năng	
CLO5	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành: có thể đọc hiểu báo cáo về hầu hết các chủ đề trong công việc có liên quan đến ngành đào tạo, có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường, có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn, trình bày được các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật một cách rõ ràng.
Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO6	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và luôn trách nhiệm trong công việc, vì công việc;
CLO7	Thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác với cộng sự trong quá trình làm việc, tôn trọng sự đa dạng của văn hoá.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO 2							R			
CLO 3					M					
CLO 4	R		R			M				
CLO 5							I			
CLO 6				R						
CLO 7	M									
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	M	M	R			

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1	Chuyên đề 1: Tổng quan về kinh doanh quốc tế	2	2		8	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận	Đọc tài liệu 1, 4	
Tuần 2	Chuyên đề 2: Thương mại quốc tế	1	3		8	Thuyết giảng; vấn đáp, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1, 2, 4; Thảo luận nhóm	
Tuần 3	Chuyên đề 3: Đầu tư quốc tế và các hình thức KDQT khác	1	3		8	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận	Đọc tài liệu 1, 2, 4; Thảo luận nhóm	
Tuần 4	Chuyên đề 4: Quản trị chiến lược quốc tế	2	2	0	8	Thuyết giảng; làm bài tập nhóm	Đọc tài liệu 1, 2, 6; Thảo luận nhóm	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 5	Chuyên đề 5: Phương thức thâm nhập thị trường quốc tế	1	3	0	8	Thuyết giảng; thảo luận nhóm	Đọc tài liệu1, 2, 6; thảo luận nhóm	
Tuần 6	Thuyết trình về kết quả nghiên cứu chiến lược kinh doanh quốc tế; lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường quốc tế (một số doanh nghiệp cụ thể)	0	4	0	8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc tài liệu 1, 2, 3; chuẩn bị bài báo cáo theo nhóm	
Tuần 7	Chuyên đề 6: Liên minh chiến lược quốc tế	2	2	0	8	Thuyết giảng; vấn đáp; thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1, 2, 3; thảo luận nhóm	
Tuần 8	Chương 6: Thiết kế và	2	2	0	8	Thuyết giảng;	Đọc tài liệu 1, 3	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	kiểm soát tổ chức quốc tế					làm bài tập và thảo luận nhóm	5; thảo luận nhóm	
Tuần 9	Chuyên đề 7: Quản trị điều hành quốc tế	1	3	0	8	Thuyết giảng; vấn đáp; thảo luận	Đọc tài liệu 1,2 và 6; thảo luận nhóm	
Tuần 10	Báo cáo tiểu luận cuối kỳ	0	4	0	8	Thuyết trình; thảo luận	Chuẩn bị bài báo cáo	
Tuần 11	Báo cáo tiểu luận cuối kỳ (tiếp theo)	0	5	0	10	Thuyết trình, thảo luận	Chuẩn bị báo cáo	
Tổng		12	33	0	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	X	X	X	X			
Vấn đáp	X	X	X			X	
Thảo luận nhóm	X	X	X				X
Thuyết trình					X	X	X
Bài tập	X	X	X				

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

1. Hà Nam Khánh Giao. (2017). *Giáo trình Cao học Quản trị Kinh doanh quốc tế*. NXB Kinh tế TP HCM.
2. Vyuptakesh Sharan (2012). *International Business Management*. Pearson

5.2 Tài liệu tham khảo:

3. Charles W.I. Hill and Arun Kumar Jain (2010). *International Business*. 6th edition. Mc Graw Hill.
4. Charles W.L. Hill. (2015). *International Business: Competing in the global marketplace*. McGraw-Hill.
5. K. Aswathappa (2012). *International Business*, 5th Edition. Mc Graw Hill.
6. John D. Daniels. Lee H. Radebaugh. Daniel P. Sullivan. (2015). *International Business – Environments and Operations*. Pearson.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: (tỉ trọng 50%, bao gồm: Điểm chuyên cần, thảo luận)

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. Điểm chuyên cần và tích cực, chủ động (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp và số lần phát biểu.	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân trên lớp và hoạt động nhóm.	CLO6 CLO7	50%
2. Bài tập nhóm (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Mỗi các nhóm (3-6 học viên) phải hoàn thành các bài tập ứng dụng của các chương của học phần. Nội dung các bài tập được trình bày file Power point (thuyết trình trên lớp có phản biện của các nhóm khác). Giảng viên căn cứ vào chất lượng bài làm trên file Power point, kỹ năng tương tác, phản biện trong quá trình thuyết trình để đánh giá điểm chung của cả nhóm và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.	Đánh giá khả năng nhận diện tiếp thu lý thuyết và sử dụng lý thuyết để phân tích đánh giá các nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%
	Đánh giá thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia trình bày, phản biện các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế	CLO7 CLO6	
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài tiểu luận cá nhân	- Trình bày được cơ sở lý thuyết của đề tài; + Xu hướng toàn cầu hoá và bối cảnh kinh doanh quốc tế hiện nay; + Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản trị kinh doanh quốc tế + Các nền tảng lý thuyết ...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6 CLO7	30%
	- Phân tích thực trạng quản trị kinh doanh quốc tế của một đơn vị cụ thể; - Nhận xét đánh giá	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	40%
	Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoặc rút ra những bài học kinh nghiệm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	30%
	Tổng		100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1.Thang điểm đánh giá chuyên cần và tích cực, chủ động trong quá trình học

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5
----------------------	--------------	--------------	---------------	----------

Tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu (chuẩn bị bài tập) trước khi đến lớp và số lần phát biểu ý kiến xây dựng bài	Đáp ứng đủ 3 điều kiện: - Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ; - Chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 03 lần phát biểu ý kiến trở lên	- 01 lần vắng mặt không có lý do chính đáng - Hoặc 01 lần chưa chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 02 lần phát biểu ý kiến	- 02 lần vắng mặt, không có lý do chính đáng - Hoặc 02 lần chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Và có 01 lần phát biểu ý kiến	- 03 lần trở lên vắng mặt, hoặc chưa nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp - Hoặc 03 lần trở lên chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Hoàn toàn không phát biểu ý kiến
---	---	--	--	---

7.2.Thang điểm đánh giá kết quả bài tập nhóm/thuyết trình

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: < 5
Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai 1 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%
Hình thức (15%)	Đạt 4 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; thuyết trình lôi cuốn	Không đạt 1 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc tất cả đều ở mức trung bình
Mức độ tham gia (15%)	Có sự tham gia đầy đủ và đồng đều của các thành viên	Có sự tham gia đầy đủ nhưng không đồng đều của các thành viên không tham gia	Có 1 thành viên không tham gia trở lên	Có hơn 1 thành viên không tham gia
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 2 phút	Trễ thời gian qui định 2 - 4 phút	Trễ thời gian qui định > 4 phút

7.3.Thang điểm đánh giá kết quả tiểu luận kết thúc học phần

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5
Nội dung (70%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70- < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%

Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình
--------------------	---	---	---	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Hiệp

TS. Lê Thị Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1.Tên học phần tiếng Việt	Quản trị Marketing toàn cầu
1.2.Tên học phần Tiếng Anh	Global marketing management
1.3.Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4.Định hướng đào tạo:	Định hướng nghiên cứu
1.5.Mã số học phần:	
1.6.Số tín chỉ:	3
1.7.Phân bổ thời gian:	
Số giờ lý thuyết:	22,5
Số giờ thực hành tích hợp:	22,5
Số giờ tự học:	90
1.8.Bộ môn/Khoa phụ trách:	Khoa Marketing
1.9.Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1.Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần này là để phát triển kiến thức và kỹ năng, năng lực tự chủ của người học về lĩnh vực quản trị marketing trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay, đồng thời, học viên phát triển năng lực và khả năng ra quyết định quản trị marketing toàn cầu đem lại thành công cho doanh nghiệp/tổ chức.

2.2.Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Tranh luận được các kiến thức chuyên sâu về marketing toàn cầu, như tổng quan, môi trường, nghiên cứu, các chiến lược, chiến lược thâm nhập, sản phẩm và thương hiệu, chiến lược giá, phân phối và logistics toàn cầu, truyền thông với người tiêu dùng toàn cầu.

Về kỹ năng:

Giải thích được về marketing toàn cầu, vai trò của nó đối với các doanh nghiệp/tổ chức và những thách thức của nó trong giai đoạn hiện nay.

Áp dụng được qui trình được quản trị marketing toàn cầu để xây dựng được chiến lược thâm nhập thị trường toàn cầu và quản trị marketing toàn cầu cho doanh nghiệp/tổ chức.

Phân tích, đánh giá được các yếu tố môi trường marketing toàn cầu hiện tại, xu hướng của nó cũng như hoạt động marketing toàn cầu của doanh nghiệp/tổ chức.

Hoạch định, thực thi được chiến lược marketing toàn cầu cho doanh nghiệp/tổ chức.

Sáng tạo trong quản trị marketing của một doanh nghiệp/tổ chức trong môi trường toàn cầu.

Về mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có năng lực phát hiện vấn đề trong lĩnh vực marketing toàn cầu, có khả năng dẫn dắt chuyên môn xử lý các vấn đề thay đổi liên quan đến marketing toàn cầu.

3.CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

3.1. Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Nội dung
Kiến thức	
CLO1	Giải thích được quản trị marketing toàn cầu trong bối cảnh ngày nay.
CLO2	Giải thích được quy trình quản trị marketing toàn cầu và các bước thực hiện.
CLO3	Hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường toàn cầu.
CLO4	Hoạch định, triển khai được chiến lược STP trong môi trường toàn cầu.
Kỹ năng	
CLO5	Thực hiện được chiến lược và kế hoạch 4P/7P trong môi trường toàn cầu.
CLO6	Phát triển được năng lực cá nhân trong quản trị marketing toàn cầu.
CLO7	Phát triển được kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo trong quản trị marketing toàn cầu
Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm	
CLO8	Vận dụng nhuần nhuyễn được các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề và khám phá, phát triển bản thân
CLO9	Nhận thức được trách nhiệm cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong môi trường marketing toàn cầu
CLO10	Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình tự học hỏi suốt đời

3.2. Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLO) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I									
CLO2		R								
CLO3			M							
CLO4			A							
CLO5				R						
CLO6					M					
CLO7						A	A			
CLO8								A		
CLO9									R	
CLO10										M
Tổng hợp học phần	I	R	M	R	M	A	A	A	R	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

4.1. Nội dung lịch và kế hoạch giảng dạy

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu HV chuẩn bị	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Tự học/ nghiên cứu			
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
Buổi 1	Chương 1: Tổng quan về marketing toàn cầu 1.1. Marketing toàn cầu là tất yếu 1.2. Toàn cầu hóa các thị trường toàn cầu. 1.3. Quá trình phát triển của marketing toàn cầu. 1.4. Tương lai của marketing toàn cầu.	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 2	Chương 2: Môi trường marketing toàn cầu 2.1. Môi trường kinh tế. 2.2. Môi trường tài chính. 2.3. Môi trường văn hóa và hành vi người tiêu dùng, người mua. 2.4. Môi trường chính trị, pháp luật.	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 3	Chương 3: Nghiên cứu marketing toàn cầu 3.1. Những vấn đề trong nghiên cứu marketing. 3.2. Nghiên cứu marketing dựa trên dữ liệu thứ cấp. 3.3. Nghiên cứu marketing dựa trên dữ liệu sơ cấp. 3.4. Đánh giá qui mô thị trường. 3.5. Các kỹ thuật thông tin thị trường mới. 3.6. Quản trị nghiên cứu marketing toàn cầu.	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 4	Chương 4: Các chiến lược	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng,	Đọc tài liệu	

	marketing toàn cầu 4.1. Tổng quan về cạnh tranh toàn cầu. 4.2. Chiến lược toàn cầu. 4.3. Chiến lược marketing toàn cầu. 4.4. Phân vùng hóa chiến lược marketing toàn cầu.					thảo luận	chính	
Buổi 5	Chương 5: Chiến lược thâm nhập thị trường toàn cầu 4.1. Lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. 4.2. Các phương thâm nhập thị trường toàn cầu. 4.3. Lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường toàn cầu.	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 6	Chương 6: Sản phẩm và thương hiệu toàn cầu 6.1. Các chiến lược sản phẩm toàn cầu. 6.2. Phát triển sản phẩm mới cho thị trường toàn cầu. 6.3. Các chiến lược thương hiệu toàn cầu. 6.4. Quản trị dòng sản phẩm đa quốc gia. 6.5. Những ảnh hưởng của hiệu ứng xuất xứ. 6.6. Marketing dịch vụ toàn cầu	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 7	Chương 7: Chiến lược giá toàn cầu 7.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược giá ở thị trường nước ngoài. 7.2. Chính sách giá trong điều kiện lạm phát. 7.3. Chuyển giá, Giá trao đổi	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 8	Chương 8: Phân phối và Logistic toàn cầu 8.1. Phân phối và hậu cần	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	

	phân phối toàn cầu. 8.2. Bán lẻ toàn cầu. 8.3. Xuất khẩu và chính sách của các chính phủ đối với xuất khẩu. 8.4. Logistic toàn cầu.							
Buổi 9	Chương 9: Truyền thông với người tiêu dùng toàn cầu 9.1. Quảng cáo toàn cầu và văn hóa. 9.2. Ngân sách và xác định ngân sách quảng cáo toàn cầu. 9.3. Chiến lược sáng tạo và phương tiện quảng cáo. 9.4. Các công cụ truyền thông toàn cầu khác. 9.5. Truyền thông marketing tích hợp toàn cầu.	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 10	Chương 10: Quản trị xuất nhập khẩu 10.1. Xuất khẩu gián tiếp. 10.2. Xuất khẩu trực tiếp. 10.3. Xuất khẩu cơ học. 10.4. Vai trò của chính phủ. 10.5. Quản trị xuất nhập khẩu. 10.6. Cơ chế nhập khẩu. 10.7. Thị trường xám	2,0	1,0	1,0		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Buổi 11	Chương 11: Đo lường và đánh giá hoạt động marketing toàn cầu 11.1. Các yêu cầu đánh giá. 11.2. Các tiêu chí cần đánh giá. 11.3. Phương pháp đánh giá. 11.4. Thời gian đánh giá. 11.5. Người đánh giá.	2,5	1,0	1,5		Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính	
Tổng cộng		15 giờ	22,5 Giờ	11 Giờ	11,5 Giờ	9,0 Giờ		

4.2. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết giảng, nêu vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Mind map, Case study	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính

- Bài giảng của giảng viên biên soạn file Powerpoint
- Giáo trình chính:
 - Kotabe, M. M., & Helsen, K. (2020). *Global marketing management*. John Wiley & Sons.
- Tài liệu tham khảo

5.2. Tài liệu tham khảo

- Green, M. C., & Keegan, W. J. (2020). *Global marketing*. Pearson Education Limited.
- Lee, K., & Carter, S. (2011). *Global marketing management. Strategic Direction*.
- Cateora, P. R., Meyer, R. B. M. F., Gilly, M. C., & Graham, J. L. (2020). *International marketing*. McGraw-Hill Education.
- Doole, I., & Lowe, R. (2012). *International marketing strategy*. Cengage Learning.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong tổng điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Bài tập cá nhân về nhà	1 lần/ giao từ buổi học đầu, nộp vào buổi thứ 9.	Mức độ sáng tạo	10%
2	Bài tập cá nhân trên lớp	3 lần/ giao vào các buổi 3,5,7	Hiểu bài	5%
3	Bài tập về nhà thuyết trình	1 lần/ giao từ buổi học đầu, nộp vào buổi thứ 9.	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	15%
4	Bài tập NHÓM	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết	Nội dung,	10%

		trình từ buổi học thứ 4 trở đi	hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	
	TỔNG			40%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong tổng điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI TIỂU LUẬN	- Đánh giá về kiến thức:	Hiểu, giải thích được, đánh giá được	24%
	- Đánh giá về kỹ năng:	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	36%
TỔNG			60%

7. HOLISTIC RUBRIC

Bảng 7.1; 7.2; 7.3; 7.4; 7.5

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng..... năm 20

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Xuân Trường

TS. Nguyễn Xuân Trường

7.1: Rubric đánh giá bài tập cá nhân về nhà

TIÊU CHÍ/ TIÊU CHUẨN, TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Kết cấu và tính logic của bài viết (15%)	- Kết cấu chặt chẽ. - Có sự liên kết tốt. - Có tính logic cao.	- Kết cấu chặt chẽ. - Có sự liên kết tốt. - Tính logic tương đối cao.	- Kết cấu rõ ràng. - Sự liên kết bình thường, không tốt. - Tính logic chưa cao.	- Kết cấu rõ ràng. - Sự liên kết không chặt chẽ. - Tính logic không cao	- Kết cấu không chặt chẽ. - Thiếu sự liên kết. - Thiếu tính logic.
Phân dịch ra tiếng Việt (20%)	- Dịch tốt. - Dịch đầy đủ bài viết. - Thể hiện được tinh thần của bài viết.	- Dịch tốt. - Dịch đầy đủ bài viết. - Thể hiện được tinh thần của bài viết tương đối tốt.	- Dịch tốt. - Dịch tương đối đầy đủ bài viết. - Thể hiện được tinh thần của bài viết tương đối tốt.	- Dịch khá. - Dịch chưa hết bài viết. - Thể hiện được tinh thần của bài viết mức độ bình thường.	- Dịch chưa tốt. - Dịch chưa hết bài viết. - Chưa thể hiện được tinh thần của bài viết.
Phân liên hệ thực tế (25%)	- Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. - Mức độ đa dạng của các công ty cao. - Sát thực, thông tin còn mới mẻ. - Vấn đề của bài viết có tính thời sự đối với các công ty này.	- Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. - Mức độ đa dạng của các công ty cao. - Sát thực, thông tin còn mới mẻ. - Vấn đề của bài viết không có tính thời sự cao đối với các công ty này.	- Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. - Mức độ đa dạng của các công ty cao. - Chưa sát thực, thông tin ít mới mẻ. - Vấn đề của bài viết không có tính thời sự đối với các công ty này.	- Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. - Mức độ đa dạng của các công ty không cao. - Chưa sát thực, thông tin ít mới mẻ. - Vấn đề của bài viết không có tính thời sự đối với các Cty này.	- Liên hệ chưa đủ 3 công ty hoặc ngành hàng. - Không có sự đa dạng của các công ty liên hệ. - Chưa sát thực, thông tin ít mới mẻ. - Vấn đề của bài viết không có tính thời sự đối với các Cty này.

Phân rút ra bài học (25%)	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi để áp dụng được vào các công ty.	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi tương đối cao để áp dụng được vào thực tế.	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Tương đối phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi tương đối cao để áp dụng được vào thực tế.	• Bài học tương đối sát với chủ đề và nội dung của case study. • Tương đối phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi tương đối cao để áp dụng được vào thực tế.	• Bài học không sát với chủ đề và nội dung của case study. • Ít phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi không cao để áp dụng được vào thực tế.
Hình Thức (10%)	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Có tính thẩm mỹ cao. • Sai lỗi chính tả dưới 5 lỗi.	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Có tính thẩm mỹ cao. • Sai lỗi chính tả từ 5 - < 10 lỗi.	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Có tính thẩm mỹ tương đối cao. • Sai lỗi chính tả từ 10 - < 15 lỗi.	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Tính thẩm mỹ bình thường. • Sai lỗi chính tả 15 - < 20 lỗi.	• Chưa đúng theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Kém thẩm mỹ. • Sai lỗi chính tả trên 20 lỗi.
Thời gian nộp (5%)	• Đúng qui định	• Chậm hơn 24h so với qui định	• Chậm hơn 36h so với qui định	• Chậm hơn 48h so với qui định	• Chậm hơn 72h so với qui định.

BẢNG 7.2: Rubric đánh giá bài tập cá nhân trên lớp

TIÊU CHÍ/ TIÊU CHUẨN, TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung (80%)	• Trả lời rất tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.	• Trả lời tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá.	• Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề tương đối cao.	• Trả lời được yêu cầu đặt ra. • Tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề bình thường.	• Trả lời yêu cầu đặt ra chưa tốt. • Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.
Hình thức trình bày (20%)	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Khá đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Khá dễ đọc. • Bình thường.	• Mức độ logic, hợp lý bình thường. • Không dễ đọc. • Không đẹp mắt.	• Chưa logic, hợp lý. • Khó đọc. • Không đẹp mắt.

7.3 Rubric đánh giá bài tập về nhà thuyết trình

TIÊU CHÍ/ TIÊU CHUẨN, TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Mở rộng kiến thức và kỹ năng (20%)	- Khám phá một chủ đề mới rất rõ ràng. - Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. - Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	- Đề tài không mới. - Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. - Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	- Đề tài quen thuộc. - Sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng, nhưng không mở rộng. - Áp dụng các kiến thức trong việc tạo ra và đánh giá tiêu luận của mình.	- Việc sử dụng kiến thức bề mặt là rõ ràng nhưng không có sâu. - Thể hiện một số khó khăn trong việc áp dụng kiến thức và đánh giá.	Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng cho bài tập như thế nào.
Giải quyết vấn đề đặt ra (20%)	- Vấn đề đặt ra có tính phức tạp, khó khăn. - Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp và khó thích hợp để giải quyết vấn đề đặt ra. - Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian để hoàn thành tốt bài tập. - Giải quyết tốt vấn đề đặt ra. - Trả lời rất tốt các câu hỏi chất vấn.	- Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp, khó khăn. - Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp vừa phải để giải quyết vấn đề đặt ra. - Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian. - Giải quyết khá tốt vấn đề đặt ra. - Trả lời tốt các câu hỏi chất vấn.	- Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp. - Sử dụng các giải pháp có mức độ ít phức tạp để giải quyết vấn đề đặt ra. - Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ. - Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức trung bình. - Trả lời khá tốt các câu hỏi chất vấn.	- Vấn đề đặt ra có mức độ phức tạp trung bình - Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức dưới trung bình. - Trả lời các câu hỏi chất vấn bình thường.	- Vấn đề đặt ra rất bình thường, dễ dàng. - Sử dụng các giải pháp rất bình thường. - Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra. - Chưa trả lời được các câu hỏi chất vấn.
Phối hợp nhóm (20%)	Có sự phân công rất rõ ràng giữa các thành viên	Có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên	Có sự phân công tương đối rõ ràng giữa các	Sự phân công giữa các thành viên nhóm chưa	Sự phân công giữa các thành viên nhóm

	nhóm. • Có sự phối hợp rất tốt giữa các thành viên nhóm. • Có sự tương tác rất tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	nhóm. • Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên nhóm. • Có sự tương tác tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	thành viên nhóm. • Có sự phối hợp khá giữa các thành viên nhóm. • Có sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	rõ ràng. • Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm bình thường. • Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp bình thường.	không tốt. • Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. • Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp kém.
Kết cấu và bố cục của bài viết và bài trình bày Powerpoint (10%)	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết bình thường, không tốt. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục bình thường. • Sự liên kết không chặt chẽ.	• Kết cấu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.
Tính sáng tạo (10%)	• Thể hiện được sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ ràng.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt tương đối rõ.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Đi theo lối mòn. • Không có phong cách riêng.
Hình Thức (10%)	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày file word. • Có sự kết hợp chữ, hình ảnh, video trong trình bày	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày file word. • Không kết hợp đủ phần chữ, hình ảnh, video trong trình bày	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Sự kết hợp không tốt giữa phần chữ, hình ảnh cũng như video. • Tính thẩm mỹ không cao.	• Theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Không có sự kết hợp giữa phần chữ, hình ảnh và video. • Không có tính thẩm mỹ.	• Chưa theo đúng qui định của Bộ giáo dục và đào tạo về trình bày luận văn, luận án. • Thiếu sáng tạo • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày kém thuyết phục.

	powerpoint. • Có tính thẩm mỹ cao. • Trình bày một cách rất thuyết phục.	powerpoint. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày một cách thuyết phục.	• Trình bày một cách tương đối thuyết phục.	• Trình bày một cách bình thường.	
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (5%)	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác. • Phụ lục và tài liệu tham khảo chưa đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.
Thời gian nộp (5%)	• Đúng qui định.	Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 48h so với qui định.	• Chậm hơn 72h so với qui định.

7.4 Bublic đánh giá bài tập nhóm

TIÊU CHÍ/ TIÊU CHUẨN, TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung (35%)	- Đáp ứng rất tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời rất tốt các câu hỏi chất vấn đặt ra.	- Đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời tốt các câu hỏi đặt ra.	- Đáp ứng khá tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời tương đối tốt các câu hỏi đặt ra.	- Đáp ứng yêu cầu đặt ra ở mức độ bình thường. - Trả lời các câu hỏi đặt ra bình thường.	- Chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. - Trả lời chưa tốt các câu hỏi đặt ra.
Mức độ phối hợp trong nhóm (25%)	- Có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	- Có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm tốt.	- Có sự phân công giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm tương đối tốt.	- Có sự phân công nhưng không rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Phối hợp giữa các thành viên trong nhóm bình thường.	- Chưa có sự phân công giữa các thành viên trong nhóm. - Sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm kém.
Thái độ tham gia (20%)	- Tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận rất sôi nổi trong nhóm.	- Tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận khá sôi nổi trong nhóm.	- Khá tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận tương đối sôi nổi trong nhóm.	- Mức độ tích cực, nhiệt tình bình thường. - Thảo luận trong nhóm bình thường.	- Không tích cực, nhiệt tình. - Sự thảo luận trong nhóm kém.
Hình thức trình bày (15%)	- Logic, hợp lý. - Dễ nhìn, dễ đọc. - Trình bày có tính thuyết phục cao.	- Logic, hợp lý. - Dễ nhìn, dễ đọc. - Trình bày có tính thuyết phục khá.	- Logic, tương đối hợp lý. - Mức độ nhìn và đọc bình thường. - Trình bày có tính thuyết phục bình thường.	- Mức độ logic, hợp lý bình thường. - Mức độ nhìn và đọc bình thường. - Trình bày kém thuyết p	- Mức độ logic, hợp lý kém. - Khó nhìn và khó đọc. - Trình bày kém thuyết phục.
Thời gian hoàn thành và mức độ sẵn sàng (5%)	- Một trong 3 nhóm đầu tiên xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác rất tích cực.	- Nằm trong số nhóm 4 – 6 xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác tích cực.	- Nằm trong nhóm 7-8 nhóm xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác khá tích cực.	- Không xung phong nhưng khi yêu cầu sẽ lên trình bày ngay. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác bình thường.	- Không xung phong nhưng khi bị gọi lên thì chậm chạp. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác không tích cực.

7.5 Rubric đánh giá tiểu luận

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN / TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Kết cấu và bố cục (15%)	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết giữa tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết bình thường. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục bình thường. • Thiếu sự liên kết.	• Kết cấu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.
Mở rộng kiến thức và kỹ năng (25%)	• Khám phá một lĩnh vực mới rất rõ ràng. • Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. • Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	• Có phát triển sang lĩnh vực mới nhưng chưa rõ ràng. • Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. • Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	• Chưa có sự mở rộng về kiến thức và kỹ năng. • Việc sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng. • Áp dụng các kiến thức trong việc tạo ra và đánh giá tiểu luận của mình.	• Việc sử dụng kiến thức bề mặt là rõ ràng trong việc tự đánh giá. • Thể hiện một số khó khăn trong việc áp dụng kiến thức và đánh giá.	• Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng cho tiểu luận như thế nào.
Giải quyết vấn đề đặt ra (25%)	• Vấn đề đặt ra có tính phức tạp, khó khăn. • Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp và khó thích hợp để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian để hoàn thành tốt tiểu luận. • Giải quyết tốt vấn đề	• Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp, khó khăn. • Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp vừa phải để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian. • Giải quyết tốt vấn đề đặt ra.	• Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp. • Sử dụng các giải pháp có mức độ ít phức tạp để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không. • Giải quyết khá tốt vấn đề đặt ra.	• Vấn đề đặt ra có mức độ phức tạp trung bình. • Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. • Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức bình thường.	• Vấn đề đặt ra rất bình thường, không có gì phức tạp. • Sử dụng các giải pháp rất bình thường. • Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra.

	đặt ra.				
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (10%)	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.
Tính sáng tạo (15%)	• Thể hiện được sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt tương đối rõ.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Đi theo lối mòn • Không có phong cách riêng.
Hình Thức (7%)	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo cao. • Có tính thẩm mỹ cao.	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo khá. • Có tính thẩm mỹ khá cao.	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo ít. • Tính thẩm mỹ bình thường.	• Theo đúng qui định. • Thiếu sự sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ.	• Chưa theo đúng qui định. • Thiếu sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ.
Thời gian nộp (3%)	• Đúng qui định.	Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 48h so với qui định.	• Chậm hơn 72h so với qui định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị Nguồn nhân lực hiện đại
1.2. Tên học phần (Tiếng Anh):	Modern Human Resource Management
1.3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4. Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5. Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết (cả thảo luận)	30
- Thuyết trình:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	90
1.8. Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị kinh doanh
1.9. Điều kiện tham gia học phần:	Học trực tiếp và trực tuyến
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quản trị Chiến lược
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của học phần giúp học viên nắm vững hệ thống kiến thức về khoa học và nghệ thuật quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức. Cung cấp cho học viên tư duy hoạch định các hoạt động và chính sách quản trị nhân sự; phát triển và phân biện các lý thuyết, mô hình, kỹ thuật và phương pháp QTNNL và vận dụng trong công tác quản trị nguồn vốn nhân lực cho tổ chức; áp dụng kỹ năng quản lý để đạt được hiệu năng công việc trong lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là trong cách quản lý con người và trong các mối quan hệ giữa các cá nhân. Ngoài ra, cung cấp cho người học nền tảng chuyên sâu, hệ thống về QTNNL để có thể tiếp tục học tập và khám phá nâng cao ở bậc tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Hệ thống hóa kiến thức chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực bao gồm cung cấp phương pháp tiếp cận quản lý hiệu quả và các kỹ năng giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc hoạch định và tuyển dụng, đào tạo và phát triển, bố trí và sử dụng, đánh giá năng lực làm việc và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức. Thông qua đó người học hiểu, áp dụng, đánh giá và tổ chức lập kế hoạch hoàn chỉnh về QTNNL và trình bày được những yêu cầu

của các xu hướng, mô hình đương đại về quản nguồn nhân lực trong các tổ chức.

- *Về kỹ năng:* Thiết lập và hoạch định về chương trình nhân sự, phân tích và đánh giá được một hoạt động liên quan đến cách thức triển khai quản trị nguồn nhân lực hiệu quả. Hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản trị xung đột trong tổ chức, kỹ năng khám phá các vấn đề đương đại liên quan đến quản trị nguồn nhân lực.
- *Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:* Năng lực chủ động khám phá các vấn đề mới liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự; có phẩm chất đạo đức trong nghiên cứu và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như trong nghiên cứu học thuật.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1. Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Tiếp cận và hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực tại các tổ chức.
CLO2	Phân tích đặc điểm các đặc điểm, xu hướng, thách thức của quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số.
CLO3	Phát triển tư duy phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn của các hoạt động quản trị nguồn nhân lực nền tảng khám phá và bổ sung khoa học quản trị con người.
CLO4	Khám phá khoa học và nghệ thuật trong quản trị con người để duy trì và phát triển tổ chức gắn kết, hiệu quả thông qua khai thác trí tuệ và lòng nhiệt thành của từng cá nhân trong tổ chức.
CLO5	Thiết lập và tổ chức sáng tạo các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các cấp đơn vị từ bộ phận đến tổng thể.
Về kỹ năng	
CLO6	Phân tích các luận cứ khoa học các kiến thức chuyên sâu về quản trị nguồn nhân lực đương đại tại các tổ chức.
CLO7	Nhận diện và đánh giá bối cảnh để đề ra các quyết định chiến lược nhân sự trung và dài hạn.
CLO8	Kỹ thuật tổ chức, định biên, động viên, đánh giá kết quả thực hiện công việc của người lao động trong tổ chức theo quy trình khoa học.
CLO9	Kỹ năng nhận diện vấn đề toàn diện về xu hướng QTNNL.
CLO10	Kỹ năng sử dụng và khai thác nguồn nhân lực hiệu quả.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO11	Năng lực phát hiện và đề xuất các giải pháp mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực.
CLO12	Đảm nhận vai trò chuyên gia trong nghề quản trị nhân sự trong tất cả các loại hình tổ chức.
CLO13	Phát triển nhận thức về khoa học quản trị con người, về trách nhiệm của nhà quản trị nhân sự trong tổ chức.
CLO14	Nhận thức và sáng tạo trước sự đa dạng- phức tạp trong công tác quản trị nhân sự, hình thành năng lực học tập nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi trong môi trường doanh nghiệp

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R									
CLO 2		M								
CLO 3			M							
CLO 4			M							
CLO 5			A							
CLO 6				R						
CLO 7					M					
CLO 8						M				
CLO 9					M	M				
CLO 10					M	M				
CLO 11								M		
CLO 12									M	
CLO 13									M	R
CLO 14										A
Tổng hợp học phần	R	M	M+	R	M	M		M	M	A-

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chuyên đề 1: Các xu hướng và thách thức của quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh quốc tế hóa. - Một số thuật ngữ: nguồn lực, nguồn nhân lực, NNL chất lượng cao - Bản chất của Quản trị nguồn nhân lực (QTNNL)	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 1; Tài liệu [5] chương 8.

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
	- Các hoạt động của QTNNL Tình huống					
Tuần 2: Từ: Đến...	Chuyên đề 1: Các xu hướng và thách thức của quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh quốc tế hóa. - Các xu hướng hiện đại về QTNNL - Các thách thức trong QTNNL - Các mô hình quản trị nhân sự hiện đại Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 1; Tài liệu [5] chương 8.
Tuần 3: Từ: Đến...	Chuyên đề 2: Quản trị nguồn nhân lực chiến lược - Chiến lược NNL và Chiến lược của tổ chức - QTNNL và mối quan hệ với công việc - QTNNL và mối quan hệ với bố trí sử dụng NNL hiệu quả Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 2,3; Tài liệu [2,3,4]
Tuần 4: Từ: Đến...	Chuyên đề 2: Quản trị nguồn nhân lực chiến lược - QTNNL hướng vào động viên và tạo động lực cho NLĐ - Các lý thuyết về động viên và tạo động lực làm việc -Các mô hình động viên và tạo động lực làm việc của Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 2,3; Tài liệu [2,3,4]
Tuần 5: Từ: Đến...	Chuyên đề 3: Nhà quản trị NNL và các kiểu phong cách lãnh đạo - Lãnh đạo và quản trị - Phong cách lãnh đạo và nghệ thuật vận dụng trong quản trị nguồn nhân lực của tổ chức - Phong cách lãnh đạo và mối quan hệ với văn hoá tổ chức - Các yêu cầu đối với nhà quản trị NNL trong kỷ nguyên 4.0 Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1], [2], [3], [4]
Tuần	Chuyên đề 4: Chức năng và nội dung	4	1	0	- Thảo	Đọc tài

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
6: Từ: Đến...	cốt lõi của Quản trị NNL trong một tổ chức - Bản chất của tổ chức - Đối tượng của QTNNL - Chức năng của QTNNL - Nội dung QTNNL Tình huống				luận - Làm việc nhóm	liệu [1], [2], [5]
Tuần 7: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các chủ đề chọn thuyết trình liên quan đến hoạt động/chức năng của Quản trị NNL tại đơn vị cụ thể - Hoạch định nhân sự - Tuyển mộ và lựa chọn nhân sự - Đào tạo và phát triển nhân sự	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [7] đến [18]
Tuần 8: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các chủ đề chọn thuyết trình liên quan đến hoạt động/chức năng của Quản trị NNL tại đơn vị cụ thể - Vận dụng KPIs đánh giá kết quả thực hiện công việc - Đãi ngộ - Phong cách lãnh đạo	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [7] đến [18]
Tuần 9: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các chủ đề chọn thuyết trình liên quan đến hoạt động/chức năng của Quản trị NNL tại đơn vị cụ thể - Duy trì NNL và Quan hệ LĐ - Tổng kết nội dung về Quản trị Nguồn nhân lực hiện đại Ôn tập Hỏi và giải đáp tình huống thực tế	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [7] đến [18]
Tổng cộng		24	6	15		

4.2. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14

Thuyết giảng	X	X	X	X	X									
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X	X			
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

[1] Decenzo, D.A. and Robbins, S.P. (2013). *Personel/Human Resource Management*, 11th Edition, Prentice Hall, New Jersey.

5.2 Tài liệu tham khảo:

[2] Mathis, R.L. & Jackson, J.S. (2020), *Personel/Human Resource Management*, 16th Edition, West Publishing Company, San Francisco.

[3] Harmon, J.P. (2013). *Giám đốc – Thuật quản trị*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[4] Machiavelli, N. (2013). *Quân vương – Thuật cai trị*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[5] Russel, R.S. and Taylor, B.W. (2014). *Operations and Supply Chain Management*, Chapter 8: Human Resource, Eighth Edition, Wiley Press, Singapore.

[6] Collin, J. (2014). *Từ tốt đến Vĩ đại*, 17th Edition, NXB Trẻ, TP.HCM.

[7] Bashir, U., and Ramay, I. (2010). Impact of stress on Employees Job Performance: A Study On Banking Sector Of Pakistan. *International Journal of Marketing Studies*. Vol. 2, No.1, 2, May 2010, pp. 122-126.

[8] Lizote, S.A.; Verdinelli, M.A; Nascimento, S.d (2017). Organizational commitment and job satisfaction: a study with municipal civil servants. Retrieved on Print version ISSN 0034-7612 On-line version ISSN 1982-3134 Rev. Adm. Pública vol.51 no.6 Rio de Janeiro Dec. <https://doi.org/10.1590/0034-7612156382>

[9] Miao, C., Humphrey, R. H., & Qian, S. (2016). Leader emotional intelligence and subordinate job satisfaction: A meta-analysis of main, mediator, and moderator effects. *Personality and Individual Differences*, 102, 13-24.

[10] Zhou, J., & Hoever, I. (2014). Research on Workplace Creativity: A Review and Redirection, *Annual Review of Organizational Psychology and Organizational Behavior*, 1, 333–359. <https://doi.org/10.1146/annurev-orgpsych-031413-091226>

[11] Astakhova, N. M., (2015). Understanding the work passion–performance relationship: The mediating role of organizational identification and moderating role of fit at work, *The Tavistock Institute of Human Relations*, Vol. 68(8) 1315–1346.

[12] Homberg, F., and Vogel, R., (2016). Human resource management and public service motivation: where are we, and where do we go from here?, *International Journal of Manpower*, 37(5), 746 - 763.

[13] Akgunduz, Y., & Sanli, S. C. (2017). The effect of employee advocacy and perceived organizational support on job embeddedness and turnover intention in hotels. *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 31, 118–125.

<https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2016.12.002>

[14] Book, L., Gatling, A., & Kim, J. (Sunny). (2019). The effects of leadership

satisfaction on employee engagement, loyalty, and retention in the hospitality industry. *Journal of Human Resources in Hospitality and Tourism*, 18(3), 368–393.

<https://doi.org/10.1080/15332845.2019.1599787>

[15] Frempong, L. N., Agbenyo, W., & Darko, P. A. (2018). The Impact of Job Satisfaction on Employees' Loyalty and Commitment: A Comparative Study Among Some Selected Sectors in Ghana. *European Journal of Business and Management*, 10(12), 95–105.

[16] Wen, J., Huang, S. (Sam), & Hou, P. (2019). Emotional intelligence, emotional labor, perceived organizational support, and job satisfaction: A moderated mediation model. *International Journal of Hospitality Management*, 81(December 2018), 120–130.

<https://doi.org/10.1016/j.ijhm.2019.01.009>

[17] Almansour, Y. M. (2012). The relationship between leadership styles and motivation of managers conceptual framework. *Journal of Arts, Science & Commerce*, 3(1), 161–166.

[18] Ahmad, F., Abbas, T., Latif, S., & Rasheed, A. (2014). Impact of Transformational Leadership on Employee Motivation in Telecommunication Sector. *Journal of Management Policies and Practices*, 2(2), 11–25.

<https://doi.org/10.1038/166711a0>

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thảo luận nhóm Mỗi nhóm thực hiện một đề tài cụ thể trong phạm vi học phần. Theo thời gian phân bố, nhóm có: 20 phút thuyết trình 30 phút để thảo luận 10 phút trao đổi Giảng viên cho điểm chung cả nhóm và điểm thưởng cho từng thành viên theo mức độ tham gia vào công việc (căn cứ vào bảng đánh giá của nhóm và thực tiễn quan sát) Mỗi nhóm tối đa 5 học viên.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên các nhóm	CLO1,2,3,4,5	10%
		Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, quản lý thời gian v.v...	CLO 6,7,8,9,10	10%
		Đánh giá thái độ nghiêm túc, hợp tác, chia sẻ trong học tập, làm việc	CLO 11,12,13,14	20%
2	Bài thuyết trình tổng hợp	Theo các chủ đề đã đăng ký liên quan đến các hoạt động/chức năng của QTNL đương đại trong tổ chức	CLO1,2,3,4,5,6,7, 8,9,11,12,13,14	60 %
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài tiểu luận cá nhân cuối kỳ Mỗi cá nhân thực hiện một chủ đề liên quan đến chiến lược, chính sách, chức năng hay mô hình của QTNNL đương đại. Bài báo cáo giao nộp giảng viên bao gồm: - 1 file word version - 1 file PDF version - Tiến độ nộp theo kế hoạch đào tạo do Viện đào tạo SDH công bố.	- Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên. - Đánh giá khả năng nắm bắt và phát triển các nội hàm của QTNNL. - Đánh giá sự sáng tạo tư duy của học viên liên quan đến QTNNL.	CLO1,2,3,4,5	60%
	- Đánh giá kỹ năng trình bày văn bản, quản lý thời gian.	CLO 6,7,8,9,10	20%
	- Đánh giá thái độ nghiêm túc trong học tập, làm việc của học viên.	CLO 11,12,13,14	20%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70- dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ đúng tiến độ cho nhóm trưởng/giảng viên Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ cho nhóm trưởng/giảng viên Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài nhưng chưa đầy đủ Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không chuẩn bị bài. Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

7.2 2. Rubric đánh giá bài thuyết trình tổng hợp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

7.3 3. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Nắm vững lý thuyết	50%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Phân tích và nhận định	50%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị công ty
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Corporate Governance
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	17
- Bài tập, thảo luận:	28
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	QTKD
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của môn học nhằm giúp học viên tiếp cận với lý thuyết và thực tiễn quản trị công ty hiện đại. Người học sẽ hiểu rõ hơn cơ chế và các khuôn khổ quy định cần thiết trong nước và trên thế giới đang áp dụng để thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng quản trị trong việc bảo vệ quyền lợi của các cổ đông. Nguyên nhân và hậu quả của vấn đề đại lý do xung đột lợi ích cổ hữu giữa cổ đông, hội đồng quản trị, ban điều hành và các bên liên quan khác trong quản trị sẽ được phân tích rõ thông qua các bài nghiên cứu cụ thể.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị công ty và hình thành tư duy phản biện, đưa ra đánh giá các vấn đề liên quan như cấu trúc hội đồng quản trị, cơ cấu sở hữu, xung đột đại diện trong điều hành và giám sát hoạt động công ty,...

Hệ thống kiến thức về môi trường quản trị công ty, các hình thức công ty, khuôn khổ công ty, luật pháp và quy định phù hợp cần thiết để đưa ra các nhận định và đánh giá mang tính chuyên môn cao về hoạt động quản trị công ty các doanh nghiệp.

❖ **Về kỹ năng:**

Kỹ năng phân tích chính sách, quy định liên quan đến quản trị công ty thông qua việc nghiên cứu các văn bản pháp quy được công bố trong nước và thế giới.

Thực hiện được các bài nghiên cứu về quản trị công ty thông qua việc đọc hiểu các tài liệu và bài nghiên cứu trong nước và quốc tế trong lĩnh vực này.

❖ **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

Hình thành thái độ đề cao tính minh bạch, trách nhiệm, đối xử công bằng trong hoạt động quản trị công ty.

Tự nghiên cứu và khám phá các vấn đề mới liên quan đến quản trị công ty.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Đánh giá và so sánh các lý thuyết quản trị công ty giữa các nước trên thế giới.
CLO2	Đánh giá và tranh luận các vấn đề liên quan đến hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu, ban giám đốc điều hành, xung đột đại diện... trong các công ty đại chúng ở Việt Nam và trên thế giới
CLO3	Phân tích các chính sách, quy định, thông lệ quản trị công ty đối với các công ty đại chúng.
Về kỹ năng	
CLO4	Kỹ năng phân tích chính sách, quy định, thông lệ liên quan đến quản trị công ty
CLO5	Trình bày báo cáo nghiên cứu và thảo luận về các chủ đề về quản công ty
CLO6	Nghiên cứu chuyên sâu về quản trị công ty thông qua việc đọc hiểu các tài liệu và bài nghiên cứu trong nước và quốc tế.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Tự nghiên cứu và đưa ra những giải pháp để cải thiện môi trường quản trị công ty.
CLO8	Thích ứng với môi trường điều hành quản trị của các loại hình doanh nghiệp
CLO9	Nâng cao thái độ đề cao tính minh bạch, trách nhiệm, đối xử công bằng trong hoạt động quản trị công ty

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M									
CLO2		M								
CLO3			R							
CLO4				R						
CLO5					R					
CLO6					R	M	R			
CLO7								M		R
CLO8									R	
CLO9									R	
Tổng hợp học phần	M	M	R	R	R	M	R	M	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:								
Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ tiết 01 Đến tiết 04	Giới thiệu về Quản trị công ty và lý thuyết nền tảng.	4			12	Thuyết giảng	Đọc trước Part 1 của tài liệu chính 1,2,3	
Từ tiết 05 Đến	Cấu trúc sở hữu của các công ty đại	5	8		26	Phân tích và thảo luận các	Đọc trước part 2	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
tiết 16	chúng - Chuyên đề 1: Các quy định về cơ cấu sở hữu và vấn đề sở hữu chéo - Chuyên đề 2: Chi phí và lợi ích của việc tập trung sở hữu. - Chuyên đề 3: Sở hữu nhà nước, sở hữu nước ngoài, công ty gia đình. - Chuyên đề 4: Xung đột lợi ích giữa các nhóm cổ đông.					bài nghiên cứu đã công bố liên quan đến chủ đề Thuyết trình	của sách tham khảo số 3. Nghiên cứu các bài nghiên cứu theo chủ đề đã được gợi ý trước	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ tiết 17 Đến tiết 28	Cấu trúc hội đồng quản trị và vai trò của ban giám đốc điều hành - Chuyên đề 1: Cấu trúc hội đồng quản trị công ty đại chúng. - Chuyên đề 2: Vai trò của hội đồng quản trị trong việc bổ nhiệm và quyết định mức thù lao cho các giám đốc điều hành - Chuyên đề 3: Thành viên hội đồng quản trị điều hành và	4	8		26	Phân tích và thảo luận các bài nghiên cứu đã công bố liên quan đến chủ đề Thuyết trình	Đọc trước part 3 tài liệu chính 1 Nghiên cứu các bài nghiên cứu theo chủ đề đã được gửi trước	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	không điều hành							
Từ tiết 29 đến tiết 32	Kiểm tra		4					
Từ tiết 33 đến tiết 45	Tối đa hóa lợi ích và trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. - Chuyên đề 1: Vấn đề quản trị công ty và hoạt động huy động vốn. - Chuyên đề 2: Vấn đề quản trị công ty và hoạt động huy động đầu tư. - Chuyên đề 3: Vấn đề quản trị công ty và hiệu quả hoạt	4	8		26	Phân tích và thảo luận các bài nghiên cứu đã công bố liên quan đến chủ đề Thuyết trình	Đọc trước part 4 của tài liệu chính 2,3. Nghiên cứu các bài nghiên cứu theo chủ đề đã được gợi trước	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	động, trách nhiệm xã hội							
Tổng		17	28		90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X		X		X				
Phân tích bài nghiên cứu		X				X	X		
Thảo luận nhóm		X	X	X	X		X	X	X
Thuyết trình		X			X	X	X		

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. Tricker, R. B., & Tricker, R. I. (2015). Corporate governance: Principles, policies, and practices (3rd Ed.). Oxford University Press, USA.
2. Fernando, A. C., Muraleedharan, K. P., & Satheesh, E. K. (2017). Corporate Governance Principles, Policies, and Practices (3rd Ed.). Pearson, India
3. Du Plessis, J. J., Hargovan, A., & Harris, J. (2018). Principles of contemporary corporate governance (4th Ed.). Cambridge University Press.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. ADB (2019). ASEAN corporate governance scorecard country reports and assessments 2019. <https://www.theacmf.org/images/downloads/pdf/asean-cgscorecard-2019.pdf>

2. IFC (2019). Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất.
https://viod.vn/wp-content/uploads/2019/08/Vietnam-CG-Code-of-Best-practices_v1.0_EV.pdf.
3. Monks, R. A. G., & Minow, N. (2011). Corporate governance (5th ed.). Wiley-Blackwell.
4. OECD (2015). G20/OECD Các Nguyên tắc Quản trị Công ty.
<https://www.oecd.org/corporate/g20-oecd-cac-nguyen-tac-quan-tri-cong-ty-c32e9a6e-vi.htm>.
5. To, T. A., Suzuki, Y., Ho, H. T. T., Tran, S. T., & Tran, T. Q. (2020). The risk management role of non-executive directors: from capital expenditure perspective. European Journal of Management and Business Economics.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Phân tích bài nghiên cứu và thuyết trình nhóm	- Đánh giá khả năng phân tích và tổng hợp kiến thức từ các tài liệu thu thập. - Đánh giá khả năng tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức về lý thuyết quản trị công ty tại Việt Nam và trên thế giới. - Đánh giá góc nhìn và quan điểm, thái độ đối với các hoạt động quản trị công ty hiện nay.	CLO1,3,4,5,6,7,9	60%
2	Kiểm tra giữa kỳ	- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết nền tảng, các quy định, chính sách, thông lệ để nhận xét và đưa ra quan điểm đối với vấn đề liên quan đến quản trị công ty	CLO1,3,4,8	30%
3	Điểm tham dự và tranh luận	- Đánh giá khả năng phân tích, suy luận và đối chiếu kiến thức với thực tiễn - Đánh giá góc nhìn và quan điểm, thái độ của học viên đối với các hoạt động quản trị công ty hiện nay.	CLO1,2,5,9	10%
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
TIỂU LUẬN CÁ NHÂN Bao gồm 2 câu hỏi: 1. Câu hỏi liên quan đến khả năng vận dụng kiến thức, vận dụng kiến thức về quản trị công ty để đưa nhận định hoặc đánh giá nhận định. 2. Tổng hợp các công trình nghiên cứu đã được công bố để hoàn thành một chủ đề về quản trị công ty được đề xuất. Đưa ra đề xuất và hàm ý quản trị cho chủ đề được yêu cầu.	- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết nền tảng, các quy định, chính sách, thông lệ về quản trị công ty.	CLO1,2,3	60%
	- Đánh giá khả năng nghiên cứu chuyên sâu về quản trị công ty. - Đánh giá khả năng phân tích và trình bày quan điểm.	CLO4,5,6	20%
	- Đánh giá mức độ tự nghiên cứu và thái độ đối với hoạt động quản trị công ty. - Đánh giá mức độ tích cực trong việc đề xuất giải pháp về quản trị công ty.	CLO7,9	20%
	Tổng		100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá báo cáo sản phẩm làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người

		nghe			nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

Bảng 2. Rubric đánh giá bài thi kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Câu hỏi lý thuyết	30%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Phân tích quan điểm/nhận định	70%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Bảng 3. Rubric đánh giá tham dự và tranh luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm

Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70 - dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Bảng 4. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Câu hỏi lý thuyết	30%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Báo cáo về một chủ đề quản trị công ty	70%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Tô Anh Thơ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị thay đổi
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Change Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	21
- Bài tập, thảo luận:	20
- Thực hành:	4
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Quản trị kinh doanh
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung: Mục tiêu của môn học là cung cấp cho người học tiếp cận cả góc độ lý luận và thực tiễn về quản trị thay đổi của tổ chức theo các vấn đề từ hình thức và mức độ của sự thay đổi, các loại kỹ thuật thay đổi; quản lý các bước của quá trình thay đổi; hiểu và khắc phục những rào cản của sự thay đổi.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức: Tranh luận được sự thay đổi, bản chất và tính tất yếu phải thay đổi để phát triển; Phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức; thiết kế được quy trình quản trị sự thay đổi; các kỹ thuật thay đổi bền vững; cách thức vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi.

- ❖ Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến thức quản trị sự thay đổi vào thực tiễn; có thể đảm nhận được công việc quản trị sự thay đổi của tổ chức; có kỹ năng giải quyết các vấn đề liên quan đến sự thay đổi.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có năng lực phát hiện vấn đề thay đổi, có khả năng dẫn dắt chuyên môn xử lý các vấn đề thay đổi phát sinh.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phân biệt được sự thay đổi và quản trị sự thay đổi
CLO2	Xác định được các rào cản và lựa chọn các giải pháp vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi
CLO3	Tranh luận được các kỹ thuật thay đổi bền vững
Về kỹ năng	
CLO4	Phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức
CLO5	Thiết lập được quy trình quản trị sự thay đổi
CLO6	Đánh giá được hiệu quả của sự thay đổi
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Có ý thức trách nhiệm trong quản trị sự thay đổi của tổ chức
CLO8	Có niềm đam mê với công việc quản trị sự thay đổi

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	R									
CLO 2		R	R							
CLO 3		M	R							
CLO 4				M						
CLO 5					M	R				
CLO 6						M				
CLO 7							M			
CLO 8								M		M
Tổng hợp học phần	R	M	R	M	M	M	M	M		M

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập/thảo luận	Thuyết trình	Tự nghiên cứu			
Tuần 1 (4 tiết)	Chương 1: Tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1]	
Tuần 2 (4 tiết)	Chương 1: Tổng quan về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1]	
Tuần 3 (4 tiết)	Chương 2: Phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1]	
Tuần 4 (4 tiết)	Chương 2: Phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1]	
Tuần 5 (4 tiết)	Chương 3: Nội dung và quy trình quản trị sự thay đổi	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1]	
Tuần 6 (4 tiết)	Chương 3: Nội dung và quy trình quản trị sự thay đổi (tiếp theo)	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập/thảo luận	Thuyết trình	Tự nghiên cứu			
							khảo [1], [2]	
Tuần 7: (4 tiết)	Chương 4: Các kỹ thuật thay đổi bền vững.	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1], [2]	
Tuần 8: (4 tiết)	Chương 4: Các kỹ thuật thay đổi bền vững.	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1], [2]	
Tuần 9: (4 tiết)	Chương 5: Vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1], [2].	
Tuần 10: (4 tiết)	Chương 5: Vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi	2	2		9	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1], [2].	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập/thảo luận	Thuyết trình	Tự nghiên cứu			
Tuần 11: (5 tiết)	Ôn tập	1		4		Thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận		
Tổng		21	20	4	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	x	x	x				x	x
Thảo luận				x	x	x	x	x
Thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

Đào Duy Huân. (2016). *Quản trị sự thay đổi*. HCM: NXB ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

5.2 Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Phúc Nguyên. (2014). *Giáo trình Quản trị sự thay đổi*. Đà Nẵng: Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

Nguyễn Thành Độ & Nguyễn Ngọc Huyền. (2012). *Quản trị kinh doanh*. Hà Nội: NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận nhóm	- Đánh giá về kiến thức: Xác định được các rào cản và lựa chọn các giải pháp vượt rào cản trong quá trình quản trị sự thay đổi; tranh luận được các kỹ thuật thay đổi bền vững	CLO2; CLO3	70%
	- Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá được hiệu quả của sự thay đổi	CLO6	15%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm trong quản trị sự thay đổi của tổ chức và có niềm đam mê với công việc quản trị sự thay đổi	CLO7; CLO8, CLO 9, CLO10	15%
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận cá nhân	- Đánh giá về kiến thức: - Phân biệt được sự thay đổi và quản trị sự thay đổi; Xác định được các rào cản và lựa chọn các giải pháp vượt rào cản trong quản trị sự thay đổi; tranh luận được các kỹ thuật thay đổi bền vững.	CLO1; CLO2; CLO3	70%
	- Phân tích hiện trạng và định hướng sự thay đổi của tổ chức; Thiết lập được quy trình quản trị sự thay đổi; Đánh giá được hiệu quả của sự thay đổi	CLO4; CLO5; CLO6	15%
	Có ý thức trách nhiệm trong quản trị sự thay đổi của tổ chức; Có niềm đam mê với công việc quản trị sự thay đổi	CLO7; CLO8	15%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Rubric đánh giá tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định. 3. Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 5. Nộp trễ hạn 3 ngày.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Các nỗ lực đóng góp dàn trải. 3. Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn

Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1. Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 2. Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3. Nộp đúng quy định.	1. Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 2. Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3. Nộp đúng quy định.	1. Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 2. Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 3. Nộp trễ hạn 3 ngày.	1. Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 2. Nội dung không phù hợp về lý thuyết lẫn thực tiễn 3. Nộp trễ hạn quá 7 ngày

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 202

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Hồ Xuân Tiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Phương pháp nghiên cứu định tính
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Qualitative research methods
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	21
- Bài tập, thảo luận:	20
- Thực hành:	4
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Quản trị kinh doanh
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần này, học viên phân biệt được nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng, xác định được ý tưởng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, biên soạn được tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu có liên quan, liệt kê được tài liệu tham khảo và cách trích dẫn đúng quy chuẩn quốc tế. Sau cùng, là thực hiện được một nghiên cứu định tính.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức: Phân biệt được nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng; xác định được ý tưởng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu; biên soạn được tổng quan lý thuyết và các lý thuyết liên quan; hoàn thành được đề cương nghiên cứu định tính.

- ❖ Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến đã học để thực hiện một nghiên cứu định tính.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Bảo đảm trung thực và liêm chính trong nghiên cứu khoa học.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phát triển được vấn đề nghiên cứu.
CLO2	Đánh giá được các lý thuyết và các nghiên cứu trước
CLO3	Thiết kế được công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu định tính.
Về kỹ năng	
CLO4	Sáng tạo được vấn đề nghiên cứu.
CLO5	Biên soạn được đề cương nghiên cứu định tính.
CLO6	Thực hiện được nghiên cứu định tính.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học.
CLO8	Có thái độ nghiêm túc khi thực hiện nghiên cứu khoa học.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	R									
CLO 2	M	M	R							
CLO 3			M							
CLO 4				R						
CLO 5					M					
CLO 6						R				
CLO 7								M	M	
CLO 8										
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	M	R		M	M	

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1 (4 tiết)	Chương 1: Khái quát chung về nghiên cứu khoa học 1.1. Khái niệm về nghiên cứu khoa học 1.2. Nghiên cứu hàn lâm và ứng dụng 1.3. Suy diễn và quy nạp	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 2 (4 tiết)	Chương 1: Khái quát chung về nghiên cứu khoa học 1.4. Định tính, định lượng và hỗn hợp 1.5. Hệ nhận thức và trường phái nghiên cứu	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 3 (4 tiết)	Chương 2: Vấn đề nghiên cứu 2.1. Ý tưởng nghiên cứu 2.2. Xác định vấn đề nghiên cứu	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 4 (4 tiết)	Chương 2: Vấn đề nghiên cứu 2.3. Đối tượng nghiên cứu 2.4. Phạm vi nghiên cứu 2.5. Tiêu chí đánh giá một ý tưởng phù hợp	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 5 (4 tiết)	Chương 3: Tổng quan nghiên cứu 3.1. Vai trò của tổng kết lý thuyết và nghiên cứu trước 3.2. Quy trình tổng kết lý thuyết và nghiên cứu trước	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 6 (4 tiết)	Chương 3: Tổng quan nghiên cứu 3.3. Minh họa về tổng kết và xác định vấn đề nghiên cứu 3.4. Tài liệu tham khảo, cách trích dẫn và liệt kê	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 7 (4 tiết)	Chương 4: Giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu 4.1. Các thành phần của lý thuyết khoa học 4.2. Các tiêu chuẩn đánh giá một lý thuyết khoa học 4.3. Giả thuyết nghiên cứu	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	
Tuần 8 (4 tiết)	Chương 4: Giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu 4.4. Nghiên cứu, xây dựng và kiểm định giả thuyết	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình	Tự học, tự nghiên cứu			
	4.5. Dữ liệu để xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học 4.6. Mô hình nghiên cứu							
Tuần 9 (4 tiết)	Chương 5: Phương pháp định tính 5.1. Nghiên cứu định tính trong xây dựng lý thuyết khoa học 5.2. Phương pháp GT 5.3. Phương pháp tình huống	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1], tài liệu tham khảo số [1], [2].	
Tuần 10 (4 tiết)	Chương 5: Phương pháp định tính 5.4. Dữ liệu và thu thập dữ liệu định tính 5.5. Phân tích dữ liệu định tính 5.6. Ví dụ minh họa nghiên cứu định tính	2	2		9 tiết	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1], tài liệu tham khảo số [1], [2].	
Tuần 11 (5 tiết)	Chương 5: Phương pháp định tính 5.7. Giá trị của sản phẩm định tính 5.8. Đề cương nghiên cứu định tính	1		4		Thuyết giảng và Thuyết trình		
	TỔNG CỘNG	21	20	4	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	x	x	x				x	x
Thảo luận				x	x	x	x	x
Thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

(1) Nguyễn Đình Thọ (2014). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. HCM: NXB Lao động Xã hội.

5.2 Tài liệu tham khảo:

(1) Cooper, D. R., & Schindler, P. S. (2014). *Business research methods 12th Edition*. NY: McGraw-Hill/Irwin

(2) Lý Thị Minh Châu và Trần Mai Đông (2020). *Phương pháp nghiên cứu định tính: Lý luận và thực hành*. HCM: NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận nhóm	- Đánh giá về kiến thức: Phát triển được vấn đề nghiên cứu; đánh giá được các lý thuyết và các nghiên cứu trước.	CLO1, CLO2	70%
	- Đánh giá về kỹ năng: Sáng tạo được vấn đề nghiên cứu.	CLO4	15%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Có thái độ nghiêm túc khi thực hiện nghiên cứu khoa học.	CLO7; CLO8	15%
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

Tiểu luận cá nhân	- Đánh giá về kiến thức: Phát triển được vấn đề nghiên cứu; đánh giá được các lý thuyết và các nghiên cứu trước; thiết kế được công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu định tính.	CLO1; CLO2; CLO3	70%
	- Đánh giá về kỹ năng: Sáng tạo được vấn đề nghiên cứu; biên soạn được đề cương nghiên cứu định tính; thực hiện được đề cương nghiên cứu định tính	CLO4; CLO5; CLO6	15%
	- Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học; có thái độ nghiêm túc khi thực hiện nghiên cứu khoa học.	CLO7; CLO8	15%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Rubric đánh giá tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định. 3. Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 5. Nộp trễ hạn 3 ngày.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Các nỗ lực đóng góp dàn trải. 3. Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn

Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
------------------	-----------------	-----------------	------------------

1.Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 2.Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3.Nộp đúng quy định.	1.Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 2.Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3.Nộp đúng quy định.	1.Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 2.Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 3.Nộp trễ hạn 3 ngày.	1.Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 2. Nội dung không phù hợp về lý thuyết lẫn thực tiễn 3. Nộp trễ hạn quá 7 ngày
---	---	--	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 2021

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phạm Tiến Đạt

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Hồ Xuân Tiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Phương pháp nghiên cứu định lượng
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Quantitative Business Research Method
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20
- Bài tập, thảo luận:	25
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	QTKD
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể tiến hành xây dựng bảng câu hỏi, thu thập dữ liệu định lượng cần thiết cho bài nghiên cứu qua hình thức phỏng vấn trực tiếp hoặc khảo sát, và vận dụng các kỹ thuật phân tích định lượng qua phần mềm SPSS, AMOS, và SmartPLS để phục vụ cho việc xử lý dữ liệu và trả lời các câu hỏi nghiên cứu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh doanh, từ đó xác định phương pháp nghiên cứu định lượng phù hợp cho các chủ đề nghiên cứu khoa học.

Tổ chức thiết kế nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu định lượng cần thiết để phục vụ cho nghiên cứu.

Đề xuất các giải pháp quản trị dựa trên các phân tích khoa học và lập luận vững chắc.

❖ **Về kỹ năng:**

Có kỹ năng thu thập dữ liệu và sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý dữ liệu định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.

Xây dựng kỹ năng đọc và viết các báo cáo khoa học theo hướng định lượng.

❖ **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

Hình thành thói quen tự học và tự nghiên cứu, khám phá cái mới trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh.

Thái độ nghiêm túc, trung thực và tôn trọng đạo đức nghiên cứu

Xây dựng các giải pháp và đề xuất quản lý dựa trên các căn cứ khoa học vững chắc.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Thiết kế được quy trình nghiên cứu định lượng
CLO2	Tổ chức thu thập và xử lý dữ liệu định lượng cần thiết để phục vụ cho nghiên cứu.
CLO3	Đánh giá và tranh luận các vấn đề nghiên cứu, từ đó điều tra và nghiên cứu các kiến thức mới, đề xuất các hàm ý quản trị.
Về kỹ năng	
CLO4	Nhận diện và linh hoạt vận dụng phương pháp phân tích định lượng phù hợp theo chủ đề nghiên cứu.
CLO5	Có khả năng thu thập dữ liệu và sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý dữ liệu định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh.
CLO6	Có khả năng trình bày và đánh giá được các công trình nghiên cứu định lượng về khoa học quản trị.
CLO7	Có khả năng nghiên cứu độc lập và sáng tạo trong phương pháp nghiên cứu
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO8	Hình thành thói quen và năng lực tự học suốt đời, khám phá nhân tố mới
CLO9	Có thái độ nghiêm túc khi thực hiện nghiên cứu định lượng khoa học.
CLO10	Có ý thức tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu định lượng
CLO11	Cẩn trọng và có căn cứ khoa học để đưa ra các đánh giá, nhận định về mặt khoa phương pháp khoa học.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M									
CLO2	M	I								
CLO3		M	M							
CLO4				M						
CLO5				M						
CLO6					M	R	R			
CLO7						R				
CLO8								M		
CLO9									R	
CLO10									R	
CLO11										I
Tổng hợp học phần	M	M	M	M	M	R	R	M	R	I

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Mô hình giảng dạy và học tập hiện đại								
Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1 (4 tiết)	Chuyên đề 1: Giới thiệu về PPNC định lượng 1.1 Tiến trình nghiên cứu định lượng. 1.2 Phân loại thiết kế	2	2		10	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [3]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	nghiên cứu định lượng Các loại dữ liệu và kỹ thuật phân tích phổ biến.							
Tuần 2 - 3 (8 tiết)	Chuyên đề 2: Đo lường khái niệm. 2.1 Cách thức đo lường các nhân tố 2.2 Độ tin cậy và tính giá trị 2.3 Các loại thang đo 2.3 Thang đo bậc cao	4	4		20	Thuyết giảng, thực hành và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1, 2]	
Tuần 4 (4 tiết)	Chuyên đề 3: Bảng câu hỏi và phỏng vấn 3.1 Các loại bảng câu hỏi 3.2 Hướng dẫn thiết kế bảng câu hỏi 3.1 Phỏng vấn cấu trúc và phi cấu trúc 3.2 Cách thức	2	2		15	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1, 2]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	tiến hành phỏng vấn							
Tuần 5 (4 tiết)	Chuyên đề 4: Cách thức lấy mẫu 4.1 Mẫu và tổng thể 4.2 Tiến trình lấy mẫu 4.3 Lấy mẫu xác suất và phi xác suất	2	2		15	Thuyết giảng và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [1, 2]	
Tuần 6 - 11 (25 tiết)	Chuyên đề 5: Kỹ thuật phân tích dữ liệu định lượng 5.1 Lọc và mã hóa dữ liệu 5.2 Phân tích với SPSS và AMOS 5.3 Phân tích với SmartPLS 5.4 Phân tích các trường hợp đặc biệt.	10	15		30	Thuyết giảng, thực hành và thảo luận	Đọc tài liệu chính số [2, 3]	
Tổng		20	25		90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Thuyết giảng	X	X		X	X	X				X	
Thực hành	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm			X	X			X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Thọ (2014). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Nxb Lao động Xã hội.
2. Sekaran, U and Bougie, R. (2016) *Research Methods for Business: A Skill-Building Approach*, 7th ed. Wiley.
3. Singh, K. (2007). *Quantitative social research methods*. Sage.

5.2. Tài liệu tham khảo

- Creswell, J. W. (2009) *Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches*, 3rd ed., Sage, Singapore
- Collis, J. and Hussey, R. (2009) *Business Research: A practical guide for undergraduate and postgraduate students*, 3rd ed., Palgrave, Basingstoke.
- Cooper, D. R., and Schindler, P. S. (2011) *Business Research Methods*, 11th ed., McGrawHill, Boston.
- Zikmund, W.G., Babin, B. J., Carr, J. C. and Griffin, M. (2010) *Business Research Methods*, 8th ed., Thomson/South-Western
- Bajpai, N. (2017). *Business research methods*, 2nd ed, Pearson Education, India.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm chuyên cần	- Đánh giá sự chuyên cần trong học tập. - Đánh giá sự tích cực đóng góp tham gia xây dựng bài học.	CLO8,9	20%

2	Tiểu luận giữa kỳ	- Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần qua báo cáo cá nhân. - Đánh giá khả năng thiết kế nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu. - Đánh giá thái độ tự học, nghiêm túc, trung thực, cẩn trọng	CLO1,2,3,4,5,7,8,9,10,11	80%
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
TIỂU LUẬN CÁ NHÂN Hoàn thiện bài nghiên cứu cho chủ đề đã chọn.	- Đánh giá sự am hiểu và vận dụng thành thạo các kỹ thuật phân tích dữ liệu định lượng và từ đó đề xuất các hàm ý quản trị cho bài nghiên cứu	CLO2,3	60%
	- Đánh giá khả năng phân tích và trình bày báo cáo khoa học	CLO4,5,6,7	20%
	- Đánh giá mức độ đạo đức trong nghiên cứu và thái độ ham học hỏi, tính cẩn trọng.	CLO8,9,10,11	20%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá bài tiểu luận giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	20%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi

					chính tả
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	80%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Bảng 2. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70 - dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Bảng 3. Rubric đánh giá báo cáo tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	20%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Nội dung báo cáo/Chất lượng	80%	Đáp ứng 80%-	Đáp ứng 70%-	Đáp ứng 50%-	Đáp ứng dưới

sản phẩm		100% yêu cầu	dưới 80% yêu cầu	dưới 70% yêu cầu	50% yêu cầu
----------	--	--------------	------------------	------------------	-------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Tô Anh Thơ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	HÀNH VI TỔ CHỨC ĐƯƠNG ĐẠI
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Contemporary organizational behavior
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	45 tiết
- Lý thuyết:	25
- Bài tập, thảo luận:	20
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị kinh doanh
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quản trị nguồn nhân lực
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Hành vi tổ chức đương đại trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng về quản lý và sử dụng một cách hiệu quả nhân sự trong tổ chức. Nội dung học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong tổ chức; những ảnh hưởng của hành vi đến quá trình thực hiện nhiệm vụ trong tổ chức. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức. Kỹ năng nhân sự là một trong những kỹ năng quan trọng nhất quyết định sự thành công của nhà quản trị, nghiên cứu hành vi tổ chức giúp họ hoàn thiện kỹ năng này.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong môn học này, Học viên có thể:

- **Về kiến thức** : Học viên phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ, sự động viên... đến hành vi cá nhân. Phân tích được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm. Phân biệt được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, các đặc tính của văn hóa tổ chức, nhận dạng được văn hoá tổ chức, sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến sự phát triển của một tổ chức.

- **Về kỹ năng** : Chỉ ra được các loại xung đột và chọn chiến lược hợp lý nhằm giải quyết hiệu quả những xung đột trong tổ chức. Vận dụng tốt những kỹ năng của nhà quản trị : kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp và truyền thông, kỹ năng đàm phán thương lượng, kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột. Qua nghiên cứu học phần này, học viên có khả năng tham gia và thích ứng nhanh với môi trường hoạt động tập thể, củng cố và phát triển kỹ năng nghề nghiệp của mình.

- **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm**: Học viên được rèn luyện trong môi trường làm việc nhóm, có thái độ ứng xử đúng mực đối với tổ chức, với những người xung quanh và với bản thân. Thái độ tích cực, hợp tác và có trách nhiệm trong công việc; chấp hành những qui định và nguyên tắc hoạt động tập thể, hoạt động nhóm. Luôn sáng tạo và tự giác cao trong công việc và cuộc sống.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Vận dụng những kiến thức để giải thích, dự đoán và điều chỉnh hành vi của con người trong tổ chức.
CLO2	Áp dụng các kiến thức về hành vi tổ chức vào việc phát triển và phát huy hiệu quả làm việc của con người tại nơi làm việc.
CLO3	Phân tích các tình huống liên quan đến hành vi của con người trong tổ chức, để nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết các tình huống.
Về kỹ năng	
CLO4	Đánh giá kết quả thực hiện các dự án xây dựng/điều chỉnh chính sách nguồn nhân lực đối với tổ chức cụ thể.
CLO5	Thiết lập và xây dựng các chính sách, chiến lược của tổ chức qua 3 cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức
CLO6	Vận dụng tốt những kỹ năng của nhà quản trị : kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp và truyền thông, kỹ năng đàm phán thương

	lượng, kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Chủ động, tự tin khi thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nguồn nhân lực trong tổ chức và nâng cao năng lực làm việc của con người trong tổ chức.
CLO8	Thái độ tích cực, hợp tác và có trách nhiệm trong công việc; chấp hành những qui định và nguyên tắc hoạt động tập thể, hoạt động nhóm.
CLO9	Có thái độ ứng xử đúng mực đối với tổ chức, với những người xung quanh và với bản thân.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO 2		R					R			
CLO 3					M					
CLO 4	R		R	R		M		R		
CLO 5					R					
CLO 6					R				R	
CLO 7					R					M
CLO 8										M
CLO 9										M
Tổng hợp học phần	R	R	R	R	M	M	R	R	R	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1: Từ:1. Đến 5	Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI TỔ CHỨC	3	2		5	Thuyết giảng, thảo luận và giải quyết tình huống.	Đọc tài liệu chương 1 trong tài liệu [1,2]	
Tuần 2: Từ:6. Đến 10	Chuyên đề 2: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CƠ CHẾ LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	3	2		10	Thảo luận và Thuyết giảng	Đọc tài liệu chương 2 trong tài liệu [2]	
Tuần 3: Từ: 11 Đến 15	Chuyên đề 3: ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	3	2	10		Thuyết giảng kết hợp với thảo luận	Đọc tài liệu chương 3 trong tài liệu [1,2]	
Tuần 4:	Chuyên đề 4 : NHỮNG YẾU TỐ	3	2		10	Thuyết giảng kết hợp với tổ	Đọc tài liệu chương	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ: 16 Đến 20	HƯỞNG ĐẾN CƠ CHẾ NHÓM HIỆU QUẢ TRONG TỔ CHỨC					chức thảo luận	4 trong tài liệu [3]	
Tuần 5: Từ: 21 Đến 25	Chuyên đề 5: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CƠ CHẾ HỆ THỐNG TỔ CHỨC	3	2		10	Thảo luận và phân tích tình huống	Đọc tài liệu chương 5 trong tài liệu [1,2]	
Tuần 6: Từ: 26 Đến 30	Chuyên đề 6 : HÀNH VI NHÓM VÀ XUNG ĐỘT	3	2		10	Thảo luận và phân tích tình huống	Đọc tài liệu chương 6 trong tài liệu [1,2,3]	
Tuần 7: Từ: 31 Đến 35	Chuyên đề 7: TRUYỀN THÔNG TRONG TỔ CHỨC	3	2		10	Phương pháp suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ	Đọc tài liệu chương 7 trong tài liệu	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (<i>Bài tập/ Thảo luận</i>)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
							[1,2]	
Tuần 8: Từ:36 Đến 40	Chuyên đề 8: CẤU TRÚC, THIẾT KẾ VÀ VĂN HÓA TỔ CHỨC	2	3		10	Nghiên cứu tình huống điển hình	Đọc tài liệu chương 8 trong tài liệu [1,3]	
Tuần 9: Từ: 41 Đến 45	Chuyên đề 9 : ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC	2	3		10	Thuyết giảng và thảo luận nhóm	Đọc tài liệu chương 9 trong tài liệu [3]	
	Tổng	25	20		90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X								
Thảo luận nhóm		X	X	X					
Thuyết trình				X			X	X	X

Nghiên cứu tình huống			X			X			
Suy nghĩ – Từng cặp – Chia sẻ	X			X			X		

5. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất)

5.1. Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- [1] Stephen. P. Robins & Timothy A. Judge (2018). *Organizational Behavior* (17^{ed}). Pearson Education, Prentice Hall.
- [2] Phạm Thúy Hương & Phạm Thị Bích Ngọc (2019), *Giáo trình Hành vi Tổ chức*, Nxb Đại học Kinh Tế Quốc dân, Hà Nội.
- [3] Colquitt, LePine, Wesson (2018). *Organizational Behavior: Improving Performance and Commitment in the Workplace*, 6th. McGraw-Hill Education.

5.2. Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- [1] James L.Gibson (2011), *TỔ CHỨC: Hành vi, cơ cấu, qui trình (Organizations Behavior, Structure, Processes)* - Nxb TP.HCM.
- [2] Nguyễn Hữu Lam (2008), *Hành vi tổ chức*, Nxb Giáo dục.
- [3] Richard L.Hughes, Robert C.Ginnett & Gordon J.Curphy (2012), *Năng lực lãnh đạo (Leadership)* - Nxb Tổng hợp TP.HCM.
- [4] Subir Chowdhury (2006), *Quản lý trong thế kỷ 21*, Nxb Giao thông vận tải.
- [5] Ikujiro Nonaka, Ryoko Toyama, Toru Hirata (2011), *Quản trị dựa vào tri thức* – Nxb Thời Đại.

5.3. Các bài báo khoa học chuyên ngành liên quan tới học phần

- Raphaella Prugsamat, (2010) "Factors that influence organization learning sustainability in non-profit organizations", *The Learning Organization*, Vol. 17 Issue: 3, pp.243-267, <https://doi.org/10.1108/09696471011034937> Permanent link to this document: <https://doi.org/10.1108/09696471011034937>
- Zheng-long Peng, Hong-dan Zhao, (2012) "Does organization citizenship behavior really benefit the organization?: Study on the compulsory citizenship behavior in China", *Nankai Business Review International*, Vol. 3 Issue: 1, pp.75-92, <https://doi.org/10.1108/20408741211201935> Permanent link to this document: <https://doi.org/10.1108/20408741211201935>
- Bob Norton, (1994),"Organizational cultures and their relevance to the information organization", *Aslib Proceedings*, Vol. 46 Iss 6 pp. 173 - 176 Permanent link to this document: <http://dx.doi.org/10.1108/eb051362>
- Yu Kyoung Park, Ji Hoon Song, Seung Won Yoon, Jungwoo Kim, (2014) "Learning organization and innovative behavior: The mediating effect of work engagement", *European*

Journal of Training and Development, Vol. 38 Issue: 1/2, pp.75-94,
<https://doi.org/10.1108/EJTD-04-2013-0040> Permanent link to this document:
<https://doi.org/10.1108/EJTD-04-2013-0040>

- Titus Oshagbemi, Roger Gill, (2004) "Differences in leadership styles and behaviour across hierarchical levels in UK organisations", Leadership & Organization Development Journal, Vol. 25 Issue: 1, pp.93-106, <https://doi.org/10.1108/01437730410512796> Permanent link to this document: <https://doi.org/10.1108/01437730410512796>

- Donald F. Van Eynde Julie A. Bledsoe, (1990), "The Changing Practice of Organisation Development", Leadership & Organization Development Journal, Vol. 11 Iss 2 pp. 25 - 30 Permanent link to this document: <http://dx.doi.org/10.1108/01437739010135529>

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1. Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân trên lớp và hoạt động nhóm.	CLO1 CLO7 CLO8 CLO9	30%
2	Bài kiểm tra cá nhân giữa kỳ	Đánh giá khả năng tiếp thu lý thuyết và sử dụng lý thuyết để phân tích đánh giá cách thiết lập và xây dựng chính sách của tổ chức hay các đơn vị sản xuất và kinh doanh.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	70%
	TỔNG			100%

6.2. Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận cá nhân (Thu bài tiểu luận sau khi kết thúc học phần 30 ngày)	Đánh giá về Kiến thức: Phân tích được các khái niệm cơ bản của lý thuyết; chỉ ra được các mâu thuẫn xung đột trong tổ chức; phân tích các tình huống liên quan đến hành vi con người...	CLO1 CLO2 CLO3	40%
	Đánh giá về kỹ năng: Đánh giá	CLO4	40%

	chính sách nguồn nhân lực; phân tích các cấp độ hành vi và vận dụng những kỹ năng của nhà quản trị...	CLO5 CLO6	
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Chủ động, tự tin, thái độ tích cực và hợp tác trong công việc...	CLO7 CLO8 CLO9	20%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1. Đánh giá điểm quá trình

(a) Chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Tần suất hiện diện của học viên	40%	Hiện diện giảng đường dưới 40% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 50% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 60% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 70% số buổi học	Hiện diện giảng đường trên 80% số buổi học
Sự tham gia vào quá trình học tập tại giảng đường	60%	không tham gia vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	tham gia thụ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	tham gia chủ động vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	chủ động tham gia tích cực vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt học phần	chủ động tham gia rất tích cực vào quá trình thảo luận về nội dung bài học trong suốt thời học phần

(b) Bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm
-------------------	----------	------------

		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	40%	Không sử dụng lý luận khoa học liên quan	Có sử dụng nhưng chưa đúng lý luận khoa học liên quan	Trình bày lý luận khoa học liên quan, nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về lý luận khoa học liên quan
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	40%	Không có logic trong lập luận; thiếu minh chứng	Lập luận còn lỏng lẻo; minh chứng thiếu tính thuyết phục	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ; minh chứng thuyết phục	Lập luận chặt chẽ; minh chứng thuyết phục
Văn phong bài kiểm tra	20%	Hành văn tối nghĩa ở các phần nội dung chính	Hành văn lủng củng khiến cho người đọc khó có thể hiểu nội dung	Hành văn lủng củng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi có lỗi diễn đạt	Hành văn rõ ràng, mạch lạc

7.2. Đánh giá điểm kết thúc môn học (Tiểu luận)

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Thang điểm				
		Từ 0 đến 3,9	Từ 4,0 đến 5,4	Từ 5,5 đến 6,9	Từ 7,0 đến 8,4	Từ 8,5 đến 10
Cấu trúc của tiểu luận	10%	Tiểu luận thiếu	Tiểu luận thiếu phần	Tiểu luận thiếu phần danh mục	Tiểu luận thiếu mục lục tự	Tiểu luận có đủ tất

		một trong hai phần: phần cơ sở lý luận khoa học liên quan; danh sách tác giả	kết luận	tài liệu tham khảo, danh mục bảng - hình	động	cả các phần theo quy định
Giới thiệu vấn đề	10%	Không trình bày được tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày không đúng về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày được nhưng chưa đủ về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề	Trình bày được về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề nhưng chưa thuyết phục người đọc	Phân tích rõ ràng, rất thuyết phục về tính cấp thiết (tầm quan trọng..) của vấn đề
Cơ sở lý luận (nền tảng/lý thuyết khoa học)	20%	Không sử dụng lý luận khoa học liên quan	Có sử dụng nhưng chưa đúng lý luận khoa học liên quan	Trình bày lý luận khoa học liên quan, nhưng chưa đủ sức thuyết phục	Sử dụng đúng lý luận khoa học liên quan, có sức thuyết phục	Sử dụng chính xác, rất thuyết phục về lý luận khoa học liên quan
Tổ chức lập luận để giải quyết vấn đề	30%	Không có logic trong lập luận; thiếu minh	Lập luận còn lỏng lẻo; minh chứng thiếu tính thuyết phục	Lập luận và minh chứng có thể chấp nhận được	Lập luận tương đối chặt chẽ; minh chứng thuyết	Lập luận chặt chẽ; minh chứng

		chứng			phục	thuyết phục
Văn phong khoa học	10%	Hành văn tối nghĩa ở các phần nội dung chính	Hành văn lủng củng khiến cho người đọc khó có thể hiểu nội dung	Hành văn lủng củng nhưng người đọc vẫn có thể hiểu nội dung	Hành văn tốt, đôi khi có lỗi diễn đạt	Hành văn rõ ràng, mạch lạc
Lỗi đạo văn	10%	Trên 50%	Từ 46%-50%	Từ 31%-45%	Từ 15%-30%	Dưới 15%
Hình thức	10%	Không định dạng theo bất cứ tiêu chí nào	Có lỗi: không căn lề, không thống nhất định dạng đoạn văn, sai khổ giấy	Có lỗi: Không định dạng toàn văn bản, không thống nhất font chữ	Có lỗi: thiếu đánh số trang; thiếu bìa hoặc trình bày bìa sai quy định	Định dạng đúng tất cả các tiêu chí yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Cảnh Chí Hoàng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị Bán hàng hiện đại
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Modern Sales Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Định hướng Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	25 tiết
- Bài tập, thảo luận:	10 tiết
- Thực hành:	10 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Quản trị Kinh doanh
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Quản trị công ty
- Học phần học trước:	Quản trị nguồn nhân lực hiện đại
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng như : Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng hiện đại; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức bán hàng; Kiểm soát bán hàng ; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng và một số kỹ năng quản trị bán hàng cơ bản như : Kỹ năng lập kế hoạch bán hàng ; Kỹ năng tổ chức mạng lưới bán hàng ; Kỹ năng tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng ; Kỹ năng kiểm soát bán hàng ; Kỹ năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức: Học xong học phần này, người học hiểu rõ được
 - Các phương thức bán hàng hiện đại và vận dụng các phương thức bán hàng vào thực tiễn cụ thể của một doanh nghiệp;
 - Các nội dung của công tác quản trị bán hàng trong môi trường kinh doanh hiện đại
 - Các phương thức quản lý kênh và qui trình xây dựng kênh bán hàng cho doanh nghiệp.
 - Nội dung và qui trình quản trị lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp :tuyển dụng, đào tạo huấn luyện, kiểm soát năng suất và chi phí bán hàng.
- ❖ Về kỹ năng: học xong học phần này, người học hình thành được các kỹ năng sau:
 - Kỹ năng lập kế hoạch bán hàng và kế hoạch phát triển thị trường cho những sản phẩm, ngành hàng khác nhau;
 - Kỹ năng thiết lập các kênh bán hàng truyền thống và hiện đại
 - Kỹ năng quản trị lực lượng bán hàng: tuyển dụng, đào tạo, xây dựng chính sách lương thưởng và các chính sách phát triển nguồn nhân lực bán hàng khác.
 - Kỹ năng lập kế hoạch và triển khai các hoạt động chăm sóc khách hàng và phát triển quan hệ khách hàng
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm (thái độ) học xong học phần, người học rèn luyện được năng lực:
 - Tự quản lý thời gian và chi phí trong hoạt động quản trị bán hàng.
 - Có tính kỷ luật, tính trung thực trong công việc
 - Xây dựng được mối quan hệ tích cực trong giao tiếp và làm việc nhóm

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	- Mô tả được các phương thức bán hàng hiện đại và vận dụng các phương thức bán hàng vào thực tiễn cụ thể của một doanh nghiệp;
CLO2	- Trình bày được các nội dung của công tác quản trị bán hàng trong môi trường kinh doanh hiện đại
CLO3...	- Vận dụng được các phương thức quản lý kênh và qui trình xây dựng kênh bán hàng cho doanh nghiệp.

CLO 4	- Phân tích được nội dung và qui trình quản trị lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp: tuyển dụng, đào tạo huấn luyện, kiểm soát năng suất và chi phí bán hàng.
	-
Về kỹ năng	
CLO5	- Biết cách lập kế hoạch bán hàng và kế hoạch phát triển thị trường cho những sản phẩm, ngành hàng khác nhau;
CLO6	- Hình thành được kỹ năng thiết lập các kênh bán hàng truyền thống và hiện đại
CLO7	- Xây dựng được kỹ năng quản trị lực lượng bán hàng: tuyển dụng, đào tạo, xây dựng chính sách lương thưởng và các chính sách phát triển nguồn nhân lực bán hàng khác.
CLO8	- Biết cách lập kế hoạch và triển khai các hoạt động chăm sóc khách hàng và phát triển quan hệ khách hàng
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO9	- Tự quản lý thời gian và chi phí trong hoạt động quản trị bán hàng
CLO10	- Có tính kỷ luật, tính trung thực trong công việc
CLO11	- Xây dựng được mối quan hệ tích cực trong giao tiếp và làm việc nhóm

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M	R								
CLO 2		R	I							
CLO 3		R	I							
CLO 4		R	R							
CLO 5				R	I	R				
CLO6				R		R				
CLO7				R		R				
CLO8				R		R				
CLO9									I	
CLO10									I	I
CLO11									I	I
Tổng hợp học phần	M	R	I	R	I	R			I	I

Trong đó: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp (Đọc tài liệu tham khảo- CB bài)	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
Tuần 1: (buổi 1)	Chương1: <i>Tổng quan về Bán hàng và Quản trị bán hàng...</i>	4	-	-	8		Đọc Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 1 và “Quản trị bán hàng” của James M.Comer (2002)- bản tiếng Việt: chương 3, chương 5.	
Tuần 1: (buổi 2)	Chương1: (Tiếp theo)	-	1	3	8			
Tuần 2: (buổi 3)	Chương 1: (Tiếp theo)	-	-	2	4			
	Chương 2: <i>Dự báo và lập kế hoạch bán hàng</i>	4	-	-	4		Đọc “Bán hàng và Quản trị bán hàng”- Lưu Đan Thọ chương 15 và Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 2	
Tuần 2: (buổi 4)	Chương 2: <i>Dự báo và lập kế hoạch bán hàng</i>	-	2	2	8			
Tuần 3 (buổi 5)	Chương 2: <i>tiếp theo</i>	-	-	3	6			
	Chương 3: <i>Quản trị bán</i>	1	-	-			Đọc Bài giảng Quản trị bán	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp (Đọc tài liệu tham khảo- CB bài)	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
	<i>sỉ và quản trị bán lẻ</i>				2		hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 3	
Tuần 3: <i>(buổi 6)</i>	Chương 3: <i>tiếp theo</i>	1	2	-	6			
Tuần 4: (buổi 7)	<i>Chương 4:</i> Quản trị lực lượng bán hàng: Tuyển dụng và đào tạo	2	2	-	8		Độc “Bán hàng và Quản trị bán hàng”- Trần Đình Hải chương 12,13 và Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 4	
Tuần 4: (buổi 8)	Chương 5: <i>Quản trị lực lượng bán hàng:Kiểm soát năng suất bán hàng</i>	2	2	-	8		Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 5 và Quản trị bán hàng” của James M.Comer (2002)- bản tiếng Việt chương 9	
Tuần 5: (buổi 9)	Chương 6: <i>Quản trị lực lượng bán</i>	4	-	-			Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp (Đọc tài liệu tham khảo- CB bài)	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
	<i>hàng: Đánh giá, trả lương và động viên nhân viên bán hàng</i>				8		– Chương 6; Mark W.Johnston – Greg W.Marshall (2006): “Sales Force Management” Chapter 7,13	
Tuần 5: (buổi 10)	Chương 6: <i>Tiếp theo</i>	-	2	-	4			
	Chương 7: <i>Chăm sóc khách hàng</i>	2			4		Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương	
Tuần 6: (buổi 11)	<i>Chương 7: Chăm sóc khách hàng</i>	2	2	-	8		Bài giảng Quản trị bán hàng- Ts Nguyễn Văn Hiến – Chương 7	
	CỘNG	22	13	10	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
1.Thuyết giảng	X	X		X							

2.Thảo luận tình huống trên lớp		X	X	X	X	X	X	X			X
3.Bài tập thuyết trình nhóm	X		X	X	X	X	X		X	X	X
4.Tiểu luận cá nhân		X	X		X	X	X	X	X		

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. Nguyễn Văn Hiến, “Quản trị bán hàng hiện đại”- Trường Đại học Tài chính – Marketing - NXB Tài chính 2016.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Lưu Đan Thọ - Nguyễn Vũ Quân (2016):”Quản trị bán hàng hiện đại- NXB Tài chính
2. James M.Comer (2002): “Quản trị bán hàng”- Bản dịch tiếng Việt- NXB TPHCM- Nguyên bản tiếng Anh: Sales Management- James M.Comer (2002).
3. Robert J.Calvin (2004),” Nghệ thuật quản trị bán hàng” –Bản dịch tiếng Việt – NXB Thống kê.
4. Lindell Phillip Chew (2019):” Sales Management The Dynamics of Selling and Sales Force Marketing”- McGraw -Hill

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

LOẠI HÌNH ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CHUẨN ĐẦU RA ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
6.1- ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH: (TỈ TRỌNG 40%, gồm Bài tập nhóm và Bài tiểu luận cá nhân - Assignment)			

1. Bài tập NHÓM (Chiếm tỷ trọng 30% điểm quá trình tương đương 12% điểm học phần) Mỗi nhóm được giao chọn một ngành hàng cụ thể của 01 doanh nghiệp. Yêu cầu thu thập dữ liệu và phân tích thực trạng kinh doanh của DN, thực trạng tổ chức, quản lý các kênh bán hàng của DN, các vị trí quản lý bán hàng, các chính sách bán hàng mà công ty đang áp dụng, trên cơ sở đó đưa ra các bình luận, nhận xét về công tác quản trị bán hàng hiện nay của DN và đề xuất những ý tưởng cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả QTBH của DN trong thời gian tới. Theo thời gian phân bổ, các nhóm sẽ có 02 tuần chuẩn bị bao gồm cả nghiên cứu thu thập dữ liệu thực tế và chuẩn bị bài báo cáo trên phần mềm power point. Tại buổi thuyết trình, mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 60 phút tương tác, phản biện trước lớp học- GV sẽ có điểm đánh giá chung của nhóm và điểm đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm. Mỗi nhóm tối đa 7 học viên và tối thiểu 3 học viên.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của sinh viên các nhóm.	Từ CLO1 đến CLO4	20%
	Đánh giá kỹ năng phân tích các kênh bán hàng và kỹ năng xây dựng các chính sách quản trị kênh bán hàng.	Từ CLO5 đến CLO8	60%
	Đánh giá được khả năng tương tác trực tiếp giữa sinh viên với nhau (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, tổ chức công việc), kỹ năng giao tiếp với đám đông và với giảng viên nhằm củng cố kiến thức, đón nhận những phát hiện mới với tinh thần cầu thị.	Từ CLO9 - CLO11	20%

Sau buổi thuyết trình, nhóm phải chỉnh sửa báo cáo theo góp ý và nộp bài viết bằng file word.(Trình bày trước lớp bằng file power point).			
2.Bài tập CÁ NHÂN giữa kỳ (tiểu luận -Assignment) - (Chiếm 70% tỷ trọng điểm quá trình, tương đương 28% điểm HP) Mỗi học viên sẽ đăng ký chọn một nhiệm vụ quản trị bán hàng cụ thể của 01 doanh nghiệp. (ví dụ nhiệm vụ bán hàng cho sản phẩm mới, cho kênh bán hàng mới, cho thị trường mới...), yêu cầu học viên sẽ tự nghiên cứu, thu thập dữ liệu về thị trường, khách hàng, doanh nghiệp để xây dựng một kế hoạch tổng thể để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra. - Bài tiểu luận trình bày bằng file word, dung lượng 20-25 trang theo form mẫu do giảng viên cung cấp.	Đánh giá mức độ hiểu biết và vận dụng kiến thức, kỹ năng trong việc xây dựng chiến lược và kế hoạch bán hàng trong một tình huống thực tế. Hình thành được thái độ tự chủ, tự nghiên cứu và tự quản lý thời gian trong học tập của học viên	CLO2-CLO4 CLO5-CLO8 CLO9- CLO11	80% 20%

- Mỗi cá nhân học viên học viên phải tự thực hiện bài tiểu luận (giữa các HV không được chọn chủ đề giống nhau, nếu cùng chủ đề thì phải khác DN) - Thời gian làm bài tiểu luận là 02 tuần kể từ ngày GV giao đề tài.			
6.2- ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ (TỶ TRỌNG TRONG HỌC PHẦN : 60%)			
BÀI THI TỰ LUẬN Bài thi 90 phút, bao gồm 3 câu hỏi cả lý thuyết và cả vận dụng tình huống thực tế cùng 1 bài tập tình huống. (HV được tham khảo tài liệu khi làm bài) Trong đó: a. Phần lý thuyết (kiểm tra khả năng hiểu và nắm lý thuyết của HV)- <i>Tỷ trọng trong đánh giá điểm thi kết thúc học phần là 40 % (tương đương 24 % điểm tổng kết HP).</i> b. Phần bài tập tình huống (kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế DN của HV)- <i>Tỷ trọng trong đánh giá điểm thi kết thúc học phần là 60 % (tương đương 36 % điểm tổng kết HP).</i>	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học.	CLO1-CLO4	40%
	Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn hoạt động quản trị bán hàng cụ thể ở 01 doanh nghiệp như kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch BH, quản trị lực lượng bán hàng, chăm sóc KH...	CLO5-CLO8	60%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá bài tập nhóm thuyết trình

4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Bài thuyết trình được thực hiện hơn 3 thành viên ; 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 4. Có biên bản ghi lại đầy đủ ý kiến đóng góp của từng thành viên và sự đóng góp của các thành viên là rõ ràng ; 5. Bài thuyết trình trình bày rõ ràng, đầy đủ nội dung 6. Thời gian thuyết trình đúng qui định	1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 3. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 4. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 5. Bài thuyết trình trình bày cơ bản rõ ràng, đầy đủ nội dung 6. Thời gian thuyết trình cơ bản đúng qui định	1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên. 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 3. Biên bản các cuộc họp thường được ghi lại và sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định. 4. Bài thuyết trình trình bày chưa thật sự rõ ràng, còn thiếu một số nội dung. 5. Thời gian thuyết trình cơ bản đúng qui định	1. Dự án được thực hiện bởi hơn 2 thành viên. 2. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 3. Biên bản các cuộc họp hiếm khi được ghi lại và các nỗ lực đóng góp dàn trải và khó xác định. 4. Bài thuyết trình trình bày chưa rõ ràng, còn thiếu nhiều nội dung. 5. Thời gian thuyết trình không đảm bảo qui định

7.2 Rubric đánh giá bài tập tiểu luận cá nhân

4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Bài tiểu luận nộp đúng hạn 2. Bài tiểu luận có dung lượng số trang đúng yêu cầu 3. Bài tiểu luận được trình bày sạch đẹp và đúng qui định	1. Bài tiểu luận nộp đúng hạn 2. Bài tiểu luận có dung lượng số trang đúng yêu cầu 3. Bài tiểu luận được trình bày sạch đẹp và đúng qui định	1. Bài tiểu luận nộp đúng hạn 2. Bài tiểu luận có dung lượng số trang đúng yêu cầu 3. Bài tiểu luận được trình bày còn một số lỗi và chưa đúng qui định	1. Bài tiểu luận nộp đúng hạn 2. Bài tiểu luận có dung lượng số trang đúng yêu cầu 3. Bài tiểu luận được trình bày còn nhiều lỗi và chưa đúng qui định

4. Bài tiểu luận thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu	4. Bài tiểu luận cơ bản thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu	4. Bài tiểu luận chưa thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu	4. Bài tiểu luận chưa thể hiện được đầy đủ nội dung theo yêu cầu
5. Bài tiểu luận thể hiện được sự vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào tình huống thực tế	5. Bài tiểu luận có sự vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào tình huống thực tế	5. Bài tiểu luận có ít sự vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào tình huống thực tế	5. Bài tiểu luận chưa thể hiện được sự vận dụng sáng tạo kiến thức đã học vào tình huống thực tế

7.3 Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
1. Bài thi làm trọn vẹn các câu hỏi	1. Bài thi làm gần như trọn vẹn các câu hỏi	1. Bài thi làm dưới 50 % các câu hỏi	1. Bài thi làm dưới 40 % các câu hỏi
2. Bài thi thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về nội dung câu hỏi	2. Bài thi thể hiện sự hiểu biết khá sâu sắc về nội dung câu hỏi	2. Bài thi thể hiện sự hiểu biết cơ bản về nội dung câu hỏi	2. Bài thi thể hiện sự hiểu biết tối thiểu về nội dung câu hỏi
3. Bài thi thể hiện sự vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học vào thực tiễn	3. Bài thi thể hiện sự vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học vào thực tiễn	3. Bài thi thể hiện sự biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn	3. Bài thi thể hiện sự biết vận dụng một số kiến thức đã học vào thực tiễn
4. Bài thi trình bày rõ ràng, sạch đẹp	4. Bài thi trình bày rõ ràng, sạch đẹp	4. Bài thi trình bày chưa rõ ràng, sạch đẹp, còn một số lỗi chính tả	4. Bài thi trình bày còn nhiều lỗi chính tả, thể hiện sự cẩu thả của người học.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS Huỳnh Thị Thu Sương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	QUẢN TRỊ DỰ ÁN KINH DOANH
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Managing Business Project
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Định hướng nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	22
- Bài tập, thảo luận:	23
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	QTKD/Quản trị chuyên ngành tổng hợp
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị tài chính
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần cung cấp cho các học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc quản trị, điều hành một dự án đầu tư kinh doanh từ việc thiết lập, thẩm định, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư đến việc lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, điều chỉnh tiến độ và đánh giá quá trình thực hiện dự án. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho học viên các phương pháp và công cụ làm nền tảng cho việc nghiên cứu, phân tích và tổng hợp thông tin liên quan đến dự án cũng như nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát hiện cái mới trong quản trị, điều hành dự án

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Có khả năng tổng hợp và đánh giá các thông tin tác động trực tiếp và gián tiếp đến quá trình hình thành và quản lý dự án.
- Hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án
- Có khả năng phân tích, đánh giá, kiểm soát và quản lý một dự án thành công dựa trên nền tảng khoa học công nghệ hiện đại ngày nay.

❖ **Về kỹ năng:**

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án đầu tư.
- Có kỹ năng thẩm định và đánh giá hiệu quả dự án theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Thành thạo trong việc đánh giá và đề xuất các mô hình quản lý dự án một cách khoa học, hiện đại và sáng tạo.
- Có khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện, thuyết trình và làm việc nhóm.

❖ **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

- Có ý thức rèn luyện, học tập, nghiên cứu chuyên sâu và định hướng thành chuyên gia đối với lĩnh vực dự án
- Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện và đúng đắn
- Nâng cao được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Có khả năng tổng hợp và đánh giá các thông tin tác động trực tiếp và gián tiếp đến quá trình hình thành và quản lý dự án.
CLO2	Đánh giá được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro tài chính của một dự án đầu tư

CLO3	Hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án
CLO4	Đề xuất các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án.
Về kỹ năng	
CLO5	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án đầu tư.
CLO6	Có kỹ năng thẩm định và đánh giá hiệu quả dự án theo các tiêu chuẩn quốc tế.
CLO7	Thành thạo trong việc đánh giá và đề xuất các mô hình quản lý dự án một cách khoa học, hiện đại và sáng tạo.
CLO8	Có kỹ năng nghiên cứu, tư duy phản biện, thuyết trình và làm việc nhóm.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO9	Có ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học
CLO10	Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn và chuyên sâu.
CLO11	Nâng cao được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R									
CLO 2		M	R							
CLO 3	R		R							
CLO 4	R	R	M							
CLO 5				R	I					
CLO 6				M	R	R				

CLO 7						M				
CLO 8					M	R				
CLO 9									M	
CLO 10								M		
CLO 11										M
Tổng hợp học phần	R	M	M	M	M	M		M	M	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
Buổi 1	Chương 1: Tổng quan về dự án kinh doanh	4			8	Thuyết giảng	Đọc tài liệu	
Buổi 2	Chương 2: Phân tích dự án kinh doanh	2	2		8	Thuyết giảng Trình bày nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 3	Chương 3: Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án kinh doanh	2	2		8	Thuyết giảng Bài tập cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 4	Chương 3: Thẩm định hiệu quả tài chính của dự án kinh doanh	2		2	8	Thuyết giảng Bài tập cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 5	Chương 4: Thẩm định hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư kinh doanh	2		2	8	Thuyết giảng Trình bày nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
Buổi 6	Chương 5: Tổng quan về dự án và quản lý dự án kinh doanh	2		2	8	Thuyết giảng Trình bày nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 7	Chương 6: Tổ chức dự án	2		2	8	Thuyết giảng Trình bày nhóm	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 8	Chương 7: Lập kế hoạch dự án	2	2		8	Thuyết giảng Bài tập cá nhân	Đọc tài liệu Thảo luận nhóm	
Buổi 9	Chương 7: Lập kế hoạch dự án	2	2		8	Thuyết giảng Bài tập cá nhân	Đọc tài liệu Bài tập cá nhân	
Buổi 10	Chương 8: Kiểm soát dự án	2		2	8	Thuyết giảng Bài tập cá nhân	Đọc tài liệu Bài tập cá nhân	
Buổi 11	Chương 9: Kết thúc dự án	2	3		10	Thuyết giảng Thảo luận toàn lớp	Đọc tài liệu	
Tổng		22	13	10	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11
Thuyết giảng	X	X	X	X							
Bài tập cá nhân			X	X	X	X	X	X	X	X	X
Bài tập nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

Thuyết trình nhóm						X	X	X			X
-------------------	--	--	--	--	--	---	---	---	--	--	---

(Ghi chú: Các phương pháp giảng dạy sẽ hỗ trợ cho việc đạt các CLO. Quý Thầy Cô ghi rõ các phương pháp giảng dạy cụ thể)

5. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

1. HỌC LIỆU

5.1 Tài liệu chính:

1. Project Management Institute, *A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK Guide)* – Sixth Edition, 2017
2. Joseph Heagney, (2012). *Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản*. Bản dịch của NXB Lao động – Xã hội
3. Phước Minh Hiệp (2011). *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB lao động xã hội

5.2 Tài liệu tham khảo:

5.2.1 Sách (tối đa 5 quyển)

1. Eric Verzuh, (2008). *MBA trong tầm tay chủ đề Quản lý dự án*, Sách dịch của nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM
2. Cao Hào Thi và Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, (2011). *Quản lý dự án*. NXB ĐHQG TP.HCM
3. Recharad Newton (2019). *Checklist Thông Minh Cho Mọi Dự Án*, Bản dịch của NXB Lao động – Xã hội
4. Gregory M. Horine, (2013). *Project Management – Absolute Beginner's Guide*, Que Publishing.

5.2.2 Các bài báo khoa học chuyên ngành liên quan học phần (tối thiểu 10 bài)

1. Adler, P. S., Goldoftas, B. , & Levine, D. I. (1999). Flexibility versus efficiency? A case study of model changeovers in the Toyota production system. *Organization Science*, 10(1), 43–68. Google Scholar

2. Alvesson, M., & Sandberg, J. (2013). Constructing research questions. Los Angeles, CA: Sage. Google Scholar
3. Andrew Davies, Mark Dodgson, David Gann 2016), Dynamic Capabilities in Complex Projects: The Case of London Heathrow Terminal 5, *Project management Journal*, Wiley online Library.
4. Brady, T., & Davies, A. (2004). Building project capabilities: From exploratory to exploitative learning. *Organization Studies*, 25(9), 1601–1621.
5. Brady, T., & Davies, A. (2010). From hero to hubris: Reconsidering the project management of Heathrow's Terminal 5. *International Journal of Project Management*, 28, 151–157.
6. Brady, T., & Davies, A. (2014). Managing structural and dynamic complexity: A tale of two projects. *Project Management Journal*, 45(4), 21–38.
7. Brady, T., Davies, A., & Nightingale, P. (2012). Dealing with uncertainty in complex projects: Revisiting Klein and Meckling, special issue: Classics of project management. *International Journal of Managing Projects in Business*, 5(4), 661–679.
8. British Airports Authority (BAA). (1999). The T5 agreement: Delivery team handbook. *BAA Company Document*. Google Scholar
9. Cattani, G, Ferriani, S., Frederiksen, L., & Täube, F. (2011). Project-based organizing and strategic management: A long-term research agenda on temporary organizational forms. *Advances in Strategic Management*, 28, 3–26.
10. Daniel Linman (2011), *Total Project Management Solutions for Project-Thinking Organizations*, January 14, 2011.
11. Mahmoud-Jouini, Christophe Midler and Philippe Silberzahn (2016), Contributions of Design Thinking to Project Management in an Innovation Context, *Project management Journal*, Wiley online Library,
12. Yuan Jianbo, Zhang Qisen (2009), *Theory and Application of Total Project Management*, GeoHunan International Conference, Changsha, Hu-nan, China.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Bài tập cá nhân:	-Đánh giá khả năng tổng hợp và đánh giá các thông tin tác động trực tiếp và gián	CLO1; CLO 2; CLO5;	40%

	Mỗi học viên làm 1 bài tiểu luận cá nhân về xây dựng và thẩm định dự án	tiếp đến quá trình hình thành và quản lý dự án. -Đánh giá khả năng xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và phân tích rủi ro tài chính của một dự án đầu tư -Kiểm tra kỹ năng phân tích, tổng hợp và giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án đầu tư. - Kiểm tra khả năng thẩm định và đánh giá hiệu quả dự án theo các tiêu chuẩn quốc tế. -Kiểm tra quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn và chuyên sâu. -Kiểm tra đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.	CLO6; CLO10; CLO11	
2	Bài tập nhóm: Mỗi nhóm học viên từ 3-4 Học viên làm 1 bài tập nhóm về quản lý dự án	-Đánh giá khả năng hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý khác nhau để quản lý dự án một cách hiệu quả -Kiểm tra việc đề xuất các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án. -Đánh giá sự thành thạo trong việc đánh giá và đề xuất các mô hình quản lý dự án một cách khoa học, hiện đại và sáng tạo. -Kiểm tra ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học	CLO3; CLO 4; CLO7; CLO9; CLO10	30%
3	Thuyết trình nhóm: Bài tập nhóm được thuyết trình, bảo vệ trước lớp	-Đánh giá kỹ năng nghiên cứu, tư duy phản biện, thuyết trình và làm việc nhóm. -Đánh giá ý thức rèn luyện, học tập và nghiên cứu chuyên sâu đối với môn học -Nâng cao được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội.	CLO8; CLO9; CLO11	30%
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% (70% hoặc 60% hoặc 50%) trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

Làm bài thu hoạch cuối khoá: - Mỗi cá nhân làm 1 bài thu hoạch cuối khoá về thiết lập, thẩm định và triển khai 1 dự án kinh doanh.	-Đánh giá khả năng hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý khác nhau để quản lý dự án một cách hiệu quả -Kiểm tra việc đề xuất các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án. -Đánh giá sự thành thạo trong việc đánh giá và đề xuất các mô hình quản lý dự án một cách khoa học, hiện đại và sáng tạo. -Đánh giá khả năng nghiên cứu, tư duy phản biện của học viên -Kiểm tra đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của người học trong quản trị dự án.	CLO3; CLO 4; CLO7; CLO8; CLO11	100%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá bài tập Cá nhân

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	100%	- Phân tích, tổng hợp và đánh giá đầy đủ các thông tin tác động trực tiếp và gián tiếp đến quá trình thiết lập và thẩm định dự án. - Đánh giá được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và nêu được rủi ro tài chính của một dự án đầu tư trên các quan điểm khác nhau	- Phân tích, tổng hợp và đánh giá được các thông tin tác động trực tiếp và gián tiếp đến quá trình thiết lập và thẩm định dự án. - Đánh giá được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và nêu được rủi ro tài chính của một dự án đầu tư	- Nêu được các thông tin về thị trường đầu vào, đầu ra của một dự án đầu tư. - Biết đánh giá được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và nêu được rủi ro tài chính của một dự án đầu tư - Thẩm định hiệu quả của một dự án đầu tư ở một số chỉ tiêu quan trọng.	- Không nêu hoặc nêu 1 cách sơ xài các nội dung về thị trường đầu vào, đầu ra của một dự án đầu tư. - Không biết đánh giá được vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, lãi lỗ, xây dựng ngân lưu, tính toán các chỉ tiêu hiệu quả tài chính và nêu được rủi ro tài chính của một dự án đầu tư - Không biết Thẩm định hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội của một dự án đầu tư

		- Thẩm định đầy đủ hiệu quả của một dự án đầu tư. - Thể hiện quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn và chuyên sâu. - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội trong thẩm định dự án	- Biết Thẩm định hiệu quả của một dự án đầu tư - Thể hiện quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách đầy đủ và đúng đắn. - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội trong thẩm định dự án	- Thể hiện quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách phù hợp. - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội trong thẩm định dự án	- Chưa thể hiện quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách phù hợp và rõ ràng. - Chưa hoặc không thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội trong thẩm định dự án
--	--	---	---	--	---

Bảng 2. Rubric đánh giá bài tập Nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	100%	- Hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý hiện đại để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Đề xuất đầy đủ và chi tiết các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Đánh giá chi tiết hiệu quả của các	- Hệ thống hoá một cách tương đối các lý thuyết và mô hình quản lý hiện đại để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Đề xuất được nhiều phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng,	- Biết liệt kê các lý thuyết và mô hình quản lý hiện đại để làm nền tảng cho quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Biết đề xuất phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng,	- Không liệt kê các lý thuyết và mô hình quản lý hiện đại để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Chưa biết đề xuất phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời gian, quản lý rủi ro

		hoạt động quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Thành thạo trong việc lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn và chuyên sâu.	thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Đánh giá được hiệu quả của các hoạt động quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Tương đối thành thạo trong việc lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn.	thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Biết đánh giá hiệu quả của các hoạt động quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Nêu được kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn.	và quản lý nhân lực dự án. - Chưa biết hoặc chỉ biết 1 phần đánh giá hiệu quả của các hoạt động quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý thời gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Chưa trình bày được kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư chưa toàn diện và đúng đắn.
--	--	---	--	---	--

Bảng 3. Rubric đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	- Đúng quy định, ấn tượng	- Đúng quy định	- Nhiều lỗi kỹ thuật	- Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	20%	- Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	- Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	- Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	- Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe

Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	30%	- Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	- Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	- Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	- Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Trả lời câu hỏi	20%	- Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	- Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	- Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	- Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Thái độ tiếp thu và phản biện	20%	- Nhóm có tinh thần học hỏi, tiếp thu ý kiến khác với tinh thần cầu thị - Có kỹ năng và nghệ thuật phản biện các ý kiến khác	- Nhóm có tinh thần học hỏi, tiếp thu ý kiến khác - Có kỹ năng phản biện các ý kiến khác	- Nhóm có tinh thần học hỏi, tiếp thu ý kiến khác - Nhóm chưa có kỹ năng phản biện các ý kiến khác	- Nhóm chưa có tinh thần học hỏi và tiếp thu ý kiến khác - Nhóm chưa có kỹ năng phản biện các ý kiến khác

Bảng 4. Rubric đánh giá bài thu hoạch cuối khoá

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	100	- Hệ thống hoá các lý thuyết và mô hình quản lý hiện đại để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Đề xuất đầy đủ và chi tiết các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời	- Biết hệ thống hoá các kỹ thuật khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Đề xuất đầy đủ các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời gian, quản lý rủi ro	- Biết tổng hợp một số kỹ thuật khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Đề xuất được các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời gian, quản lý rủi ro và	- Không liệt kê được các kỹ thuật khác nhau để quản lý tích hợp, quản lý phạm vi và quản lý tiến độ dự án. - Chưa đề xuất được các phương pháp và mô hình quản lý hiệu quả các hoạt động của quản lý dự án như quản lý chi phí, chất lượng, thời

		gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Thành thạo trong việc lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn và chuyên sâu. - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội một cách rõ ràng	và quản lý nhân lực dự án. - Biết lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án tương đối đầy đủ - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách toàn diện, đúng đắn. - Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội.	quản lý nhân lực dự án. - Biết lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án. - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một cách phù hợp, có thể chấp nhận. - Có thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội phù hợp.	gian, quản lý rủi ro và quản lý nhân lực dự án. - Chưa biết lập kế hoạch dự án, tổ chức thực hiện và kiểm soát dự án. - Có quan điểm phân tích, đánh giá dự án đầu tư một chưa phù hợp, không có tính khoa học. - Chưa hoặc không thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và trách nhiệm xã hội phù hợp.
--	--	---	---	---	---

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Trần văn Hưng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị chất lượng toàn diện
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Total quality management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	12
- Bài tập, thảo luận:	33
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	QTKD
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần này mang lại những kiến thức chuyên sâu về quản trị chất lượng, gồm: (i) Những nguyên tắc cần quan tâm khi phân tích và đánh giá một hệ thống quản trị chất lượng trong một tổ chức, doanh nghiệp; (ii) Giúp người học phân tích và đánh giá chuyên sâu các tiêu chuẩn quốc tế về quản trị như ISO 9001, ISO 14001, SA 8000, OSHAS 18001, GMP, HACCP...; (iii) Hỗ trợ người học nghiên cứu chiến lược, chính sách chất lượng của tổ chức; (iv) Thúc đẩy người học nghiên cứu đổi mới và hình thành tinh thần cải tiến liên tục trong quản trị chất lượng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Có kiến thức chuyên sâu về quản trị chất lượng và hình thành tư duy phản biện, đưa ra đánh giá các vấn đề liên quan hoạt động quản trị chất lượng của tổ chức. Cập nhật các quan điểm chất lượng, hệ thống chất lượng, phương pháp và công cụ kiểm soát chất lượng, triết lý chất

lượng,... cũng như các quy định về quản lý chất lượng hiện đại trong và ngoài nước để đưa ra các nhận định và đánh giá mang tính chuyên môn cao về hoạt động quản trị chất lượng của các tổ chức.

❖ **Về kỹ năng:**

Kỹ năng phân tích chính sách, quy định liên quan đến quản trị chất lượng thông qua việc nghiên cứu các văn bản pháp quy được công bố trong nước và thế giới.

Thực hiện được các bài nghiên cứu về quản trị chất lượng thông qua việc đọc hiểu các tài liệu và bài nghiên cứu trong nước và quốc tế trong lĩnh vực này.

❖ **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

Tích cực nghiên cứu và khám phá các vấn đề mới liên quan đến quản trị chất lượng để giúp cho các doanh nghiệp đạt được hiệu quả về chất lượng và quản trị.

Hình thành tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động quản trị chất lượng của tổ chức.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phân tích và so sánh các lý thuyết, quan điểm, triết lý, phương thức, hệ thống quản trị chất lượng với kiến thức thực tế tại các doanh nghiệp.
CLO2	Đánh giá và tranh luận các vấn đề liên quan đến các phương pháp quản trị chất lượng ở Việt Nam và trên thế giới
CLO3	Hoạch định chiến lược và chính sách về chất lượng cho các tổ chức và doanh nghiệp.
Về kỹ năng	
CLO4	Tổ chức và lập kế hoạch xây dựng một hệ thống quản trị chất lượng, đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng.
CLO5	Đúc kết các kinh nghiệm và kiến thức về quản lý chất lượng một cách có hệ thống nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu sâu.
CLO6	Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản lý chất lượng.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Năng lực tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới liên quan đến quản trị chất lượng
CLO8	Tích cực đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động quản trị chất lượng
CLO9	Duy trì đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đối với quản lý chất lượng.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	I								
CLO2		M								
CLO3			M							
CLO4				R						
CLO5					R					
CLO6						M				
CLO7								M		
CLO8								M		R
CLO9									R	
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	R	M		M	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Buổi 1	Chuyên đề 1: Các quan điểm về quản lý chất lượng của các học giả	4			8	Thuyết giảng	Đọc chương 1 và 2 trong tài liệu (2)	
Buổi 2	Chuyên đề 2: Hệ thống quản trị chất lượng và các giải thưởng chất lượng quốc	4			8	Thuyết giảng	Đọc chương 3 tài liệu (1, 2)	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	tế							
Buổi 3	Chuyên đề 3: Các công cụ kiểm soát chất lượng	2	2		8	Thuyết giảng Phân tích bài nghiên cứu	Đọc chương 7 trong tài liệu (1), chương 10 tài liệu số (2)	
Buổi 4	Chuyên đề 4: Chuyên đề về Kaizen, 5S, Lean.		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 7 trong tài liệu (1), tìm kiếm thực tiễn nghiên cứu về Kaizen, 5S, Lean tại các DN Việt Nam	
Buổi 5	Chuyên đề 5: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 9 trong tài liệu (1)	
Buổi 6	Chuyên đề 6: Six Sigma		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 8 tài liệu	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
							(1), chương 13 tài liệu số (2)	
Buổi 7	Chuyên đề 7: Quản trị chất lượng dịch vụ		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 4 trong tài liệu (1), chương 8 tài liệu số (2)	
Buổi 8	Chuyên đề 8: Quản lý chất lượng toàn diện TQM		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 5 tài liệu (1), sách tham khảo số (4)	
Buổi 9	Chuyên đề 9: Quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm HACCP		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 10 trong tài liệu (1)	
Buổi 10	Chuyên đề 10: Quản trị chất lượng chuỗi cung ứng		4		8	Trình bày nhóm và thảo luận	Đọc chương 9 trong tài liệu (2)	
Buổi	Chuyên đề 11:	2	3		10	Trình bày	Chủ đề	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
11	Đạo đức và trách nhiệm xã hội trong việc quản lý chất lượng					nhóm và thảo luận	mở rộng, các nhóm liên hệ thực tế để đánh giá trách nhiệm xã hội trong quản trị chất lượng của các DN	
Tổng		12	33		90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng	X	X			X				
Phân tích bài nghiên cứu		X			X	X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X	X	X		X	X	X	X
Thuyết trình	X		X	X	X		X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính

- Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phụng Vương (2010). *Giáo trình Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Thống kê.

- Foster, S. T. (2013). *Managing quality: Integrating the supply chain*, 5th edition, Pearson Education in America.

5.2 Tài liệu tham khảo

5.2.1 Sách

- Tạ Thi Kiều An, Ngô Thị Ánh, Nguyễn Văn Hoá, Nguyễn Hoàng Kiệt, Đinh Phụng Vương, 2010. *Bài tập Quản lý chất lượng trong các tổ chức*, NXB Thống kê.
- Bùi Nguyên Hùng, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, 2010. *Quản lý chất lượng*, NXB Đại học Quốc Gia TP HCM.
- Nguyễn Kim Định, 2010. *Giáo trình quản trị chất lượng và bài tập*, NXB Tài Chính.
- Poornima M. Charantimath, 2017. *Total Quality Management*, Third Edition, Pearson Education in South Asia

5.2.2 Các bài báo khoa học chuyên ngành liên quan học phần

- Gunasekaran, A., Subramanian, N., & Ngai, W. T. E. (2019). Quality management in the 21st-century enterprises: Research pathway towards Industry 4.0.
- Kumar, P., Maiti, J., & Gunasekaran, A. (2018). Impact of quality management systems on firm performance. *International Journal of Quality & Reliability Management*.
- Tigre-O, F., Tubón-Núñez, E. E., Carrillo, S., Buele, J., & Salazar-L, F. (2019, June). Quality management system based on the ISO 9001: 2015: study case of a coachwork company. In *2019 14th Iberian Conference on Information Systems and Technologies (CISTI)* (pp. 1-6). IEEE.
- Kaid, H., Noman, M. A., Nasr, E. A., & Alkahtani, M. (2016). Six Sigma DMAIC phases application in Y company: a case study. *International Journal of Collaborative Enterprise*, 5(3-4), 181-197.
- Eniola, A. A., Olorunleke, G. K., Akintimehin, O. O., Ojeka, J. D., & Oyetunji, B. (2019). The impact of organizational culture on total quality management in SMEs in Nigeria. *Heliyon*, 5(8), e02293.
- Debnath, R. M. (2019). Enhancing customer satisfaction using Kaizen: a case study of Imperial Tobacco Company (ITC). *Journal of Advances in Management Research*.
- Vo, B., Kongar, E., & Barraza, M. F. S. (2019). Kaizen event approach: a case study in the packaging industry. *International Journal of Productivity and Performance Management*.
- Silva, A. S., Medeiros, C. F., & Vieira, R. K. (2017). Cleaner Production and PDCA cycle: Practical application for reducing the Cans Loss Index in a beverage company. *Journal of Cleaner Production*, 150, 324-338.

- Bereskie, T., Rodriguez, M. J., & Sadiq, R. (2017). Drinking water management and governance in Canada: an innovative Plan-Do-Check-Act (PDCA) framework for a safe drinking water supply. *Environmental Management*, 60(2), 243-262.
- Sukdeo, N. (2017, December). The application of 6S methodology as a lean improvement tool in an ink manufacturing company. In *2017 IEEE International Conference on Industrial Engineering and Engineering Management (IEEM)* (pp. 1666-1671). IEEE.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Phân tích chuyên đề và thuyết trình nhóm	- Đánh giá khả năng phân tích và tổng hợp kiến thức từ các tài liệu thu thập. - Đánh giá khả năng tự nghiên cứu và mở rộng kiến thức về lý thuyết quản trị chất lượng tại Việt Nam và trên thế giới. - Đánh giá khả năng phát hiện vấn đề và đưa ra các sáng kiến cho các hoạt động quản trị chất lượng hiện nay.	CLO1,2,4,5,6,7,8	60%
2	Kiểm tra giữa kỳ	- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết nền tảng, các quy định về quản lý chất lượng để nhận xét và đưa ra quan điểm đối với vấn đề liên quan đến chất lượng của tổ chức	CLO1,2,8	30%
3	Điểm tham dự và tranh luận	- Đánh giá khả năng phân tích, suy luận và đối chiếu kiến thức với thực tiễn quản trị chất lượng. - Đánh giá tinh thần tích cực của sinh viên trong việc tranh luận và đưa ra các giải pháp về quản trị chất lượng của tổ chức, thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm trong hoạt động quản trị chất lượng của doanh nghiệp, tinh thần ham học hỏi và nghiên cứu các phương pháp quản trị chất lượng mới.	CLO1,2,3,7,8,9	10%
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

TIỂU LUẬN CÁ NHÂN Bao gồm 2 câu hỏi: 1. Câu hỏi liên quan đến khả năng hệ thống kiến thức, vận dụng kiến thức về quản trị chất lượng để đưa nhận định hoặc đánh giá nhận định. 2. Tổng hợp các công trình nghiên cứu đã được công bố để hoàn thành một chủ đề về quản trị chất lượng. Đưa ra đề xuất và hàm ý quản trị cho chủ đề được yêu cầu.	- Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết nền tảng, các quy định về quản trị chất lượng.	CLO1,2	60%
	- Đánh giá khả năng nghiên cứu chuyên sâu về quản trị chất lượng - Đánh giá khả năng phân tích và trình bày quan điểm về quản trị chất lượng	CLO3,4,5,6	20%
	- Đánh giá mức độ tự nghiên cứu và thái độ đối với hoạt động quản trị chất lượng. - Đánh giá mức độ tích cực trong việc đề xuất giải pháp về quản trị chất lượng	CLO7,8	20%
	Tổng		100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Bảng 1. Rubric đánh giá báo cáo sản phẩm làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định, nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu	Trả lời đúng trên 2/3 số câu	Trả lời đúng trên 1/2 số câu	Trả lời đúng dưới 1/2 số

		hỏi	hỏi	hỏi	câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

Bảng 2. Rubric đánh giá bài thi kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Câu hỏi lý thuyết	30%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Phân tích quan điểm/nhận định	70%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Bảng 3. Rubric đánh giá tham dự và tranh luận

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70 - dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

Bảng 4. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Câu hỏi lý thuyết	30%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Báo cáo về một chủ đề quản trị chất lượng	70%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương TS. Tô Anh Thơ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị rủi ro trong kinh doanh
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Business Risk Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	21
- Bài tập, thảo luận:	20
- Thực hành:	4
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị kinh doanh
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần này, người học sẽ có những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro doanh nghiệp; có khả năng phân biệt & nhận dạng các loại rủi ro trong doanh nghiệp; có khả năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp và đánh giá được mức ảnh hưởng của rủi ro đến các mục tiêu của doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng kế hoạch tài trợ tổn thất do rủi ro gây ra. Môn học cũng giúp người học rèn luyện các kỹ năng về thu thập thông tin, nhận diện, phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề liên quan đến rủi ro trong doanh nghiệp; đồng thời giúp người học có thái độ tích cực hơn trong nhận thức và xử lý rủi ro trong doanh nghiệp.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức: Phân biệt và nhận dạng được các loại rủi ro trong kinh doanh; xây dựng được các biện pháp kiểm soát rủi ro; xây dựng được phương án tài trợ tổn thất do rủi ro gây ra.
- ❖ Về kỹ năng: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan đến rủi ro trong doanh nghiệp; kỹ năng tổng hợp và phân tích để nhận diện các rủi ro trong doanh nghiệp.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm: Có thái độ tích cực trong nhận thức và xử lý rủi ro trong doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Đánh giá các nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp cụ thể
CLO2	Phân tích các thành phần rủi ro và các chuỗi rủi ro
CLO3	Đánh giá các biện pháp kiểm soát rủi ro
Về kỹ năng	
CLO4	Kỹ năng nhận dạng rủi ro trong tổ chức
CLO5	Kỹ năng lập kế hoạch ứng phó các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh
CLO6	Kỹ năng phân tích, dự báo và kiểm soát rủi ro trong các hoạt động quản trị, kinh doanh của tổ chức.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Hành động chuyên nghiệp ứng phó rủi ro phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.
CLO8	Chịu trách nhiệm về quyết định xử lý rủi ro, tuân thủ luật pháp, chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xã hội.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	R									
CLO 2		M	R							
CLO 3			M							
CLO 4				M						
CLO 5					R					
CLO 6						M				
CLO 7								R		
CLO 8										M
Tổng hợp học phần	R	M	M	M	R	M		R		M

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1:	Chương 1: Tổng quan Quản trị rủi ro 1.1.Các khái niệm về phân loại rủi ro 1.2.Sự tồn tại khách quan của rủi ro 1.3.Khái niệm quản trị rủi ro 1.4.Nguyên tắc, mục tiêu và nhiệm vụ của quản trị rủi ro 1.5.Mối quan hệ chức năng giữa quản trị (QT) rủi ro và QTCL, QTHĐ	2	2		9	Thuyết giảng, đặt vấn đề, tình huống	Đọc trước Chương 1 Bài giảng quản trị rủi ro và các tài liệu tham khảo	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	1.6 Tiến trình quản trị rủi ro							
Tuần 2:	Chương 2: Nhận dạng rủi ro 2.1 Khái niệm 2.2 Các thành phần của rủi ro 2.3 Các phương pháp nhận dạng rủi ro	2	2		9	Thuyết giảng, đặt vấn đề, tình huống, bài tập	Đọc trước Chương 2 Bài giảng quản trị rủi ro và các tài liệu tham khảo	
Tuần 3	Chương 2: Nhận dạng rủi ro 2.3 Các phương pháp nhận dạng rủi ro (tiếp theo) 2.4 Phân tích mối hiểm họa	2	2		9	Thuyết giảng, tình huống, bài tập	Đọc trước Chương 2 Bài giảng quản trị rủi ro và các tài liệu tham khảo	
Tuần 4	Chương 3: Đo lường rủi ro 3.1 Khái niệm 3.2 Mục tiêu 3.3 các phương pháp đo lường	2	2		9	Thuyết giảng, tình huống, bài tập	Đọc trước Chương 3 Bài giảng quản trị rủi ro và các tài liệu tham khảo	
Tuần 5	Chương 3: Đo lường rủi ro 3.3 các phương pháp đo lường	2	2		9	Thuyết giảng, Bài tập	Đọc trước Chương 3 Bài giảng quản trị rủi ro và các	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
							tài liệu tham khảo	
Tuần 6	Chương 4: Kiểm soát rủi ro 4.1 Khái niệm và mục tiêu kiểm soát 4.2 Chuỗi rủi ro 4.3 Các kỹ thuật kiểm soát	2	2		9	Đặt vấn đề, Tình huống, Thuyết giảng	Đọc trước Chương 4 và các tài liệu tham khảo	
Tuần 7	Chương 4: Kiểm soát rủi ro 4.3 Các kỹ thuật kiểm soát	2	2		9	Tình huống, thuyết giảng, bài tập	Đọc trước Chương 4 và các tài liệu tham khảo	
Tuần 8	Chương 5: Tài trợ rủi ro 5.1 Khái niệm tài trợ 5.2 Mục đích của tài trợ 5.3 Phân loại 5.4 Tài trợ sau tổn thất	2	2		9	Thuyết giảng, tình huống, bài tập	Đọc trước Chương 5 và các tài liệu tham khảo	
Tuần 9	Chương 6: Quản trị rủi ro chiến lược 6.1 Tổng quan 6.2 Vai trò và nhiệm vụ trong quản trị rủi ro chiến lược	2	2		9	Thuyết trình đặt vấn đề thuyết giảng	Đọc trước Bài giảng Chương 6-9, chương 10 QTRRDN và các tài	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	6.3 Khung quản trị rủi ro chiến lược						liệu tham khảo	
Tuần 10	Chương 7: Rủi ro hoạt động 7.1 Tổng quan 7.2 Nhận diện và phân loại rủi ro 7.3 Trách nhiệm quản trị rủi ro	2	2		9	Thuyết trình đặt vấn đề thuyết giảng	Đọc trước bài giảng chương 6-9, chương 11 QTRRDN và các tài liệu tham khảo	
Tuần 11	Chương 8: Rủi ro tuân thủ 8.1 Tổng quan 8.2 Khung quản trị rủi ro tuân thủ 8.3 Trách nhiệm của các chức năng trong quản trị rủi ro tuân thủ Ôn tập	1		4		Thuyết trình đặt vấn đề thuyết giảng	Đọc trước bài giảng chương 6-9 Bài giảng, chương 10 QTRRDN và các tài liệu tham khảo	
Tổng		21	20	4				

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	x	x	x				x	x
Thảo luận				x	x	x	x	x
Thuyết trình	x	x		x	x	x	x	x

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

Nguyễn Thị Liên Diệp, Võ Tấn Phong, Ngô Quang Huân, Trần Anh Minh. (2018), *Quản trị rủi ro doanh nghiệp*. HCM: NXB Hồng Đức.

5.2 Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Quang Thu. (2011). *Quản trị rủi ro và bảo hiểm trong doanh nghiệp*: HCM: NXB Lao Động.

Đoàn Thị Hồng Vân. (2005). *Quản trị rủi ro khủng hoảng*. Hà Nội: NXB Thống Kê.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận nhóm	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá các nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp cụ thể; đánh giá các biện pháp kiểm soát rủi ro.	CLO1; CLO3	70%
	- Đánh giá về kỹ năng: Kỹ năng nhận dạng rủi ro trong tổ chức	CLO4	15%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Hành động chuyên nghiệp ứng phó rủi ro phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.	CLO7	15%
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận cá nhân	- Đánh giá về kiến thức: Đánh giá các nguy cơ rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp cụ thể; Phân tích các thành phần rủi ro và các chuỗi rủi ro; Đánh giá các biện pháp kiểm soát rủi ro.	CLO1; CLO2; CLO3	70%

	- Đánh giá về kỹ năng Kỹ năng nhận dạng rủi ro trong tổ chức; Kỹ năng lập kế hoạch ứng phó các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Kỹ năng phân tích, dự báo và kiểm soát rủi ro trong các hoạt động quản trị, kinh doanh của tổ chức.	CLO4; CLO5; CLO6	15%
	- Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm Hành động chuyên nghiệp ứng phó rủi ro phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp; Chịu trách nhiệm về quyết định xử lý rủi ro, tuân thủ luật pháp, chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp và có trách nhiệm xã hội.	CLO7; CLO8	15%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Rubric đánh giá tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định. 3. Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 5. Nộp trễ hạn 3 ngày.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Các nỗ lực đóng góp dàn trải. 3. Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn

Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1.Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 2.Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3.Nộp đúng quy định.	1.Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 2.Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 3.Nộp đúng quy định.	1.Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 2.Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 3.Nộp trễ hạn 3 ngày.	1.Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 2. Nội dung không phù hợp về lý thuyết lẫn thực tiễn 3. Nộp trễ hạn quá 7 ngày

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Hồ Xuân Tiến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần (tiếng Việt):	Nghệ thuật lãnh đạo
1.2. Tên học phần (Tiếng Anh):	Leadership
1.3. Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4. Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5. Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7. Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết (cả thảo luận)	30
- Thuyết trình:	15
- Thực hành:	0
- Tự học:	90
1.8. Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị kinh doanh
1.9. Điều kiện tham gia học phần:	Học trực tiếp và trực tuyến
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Quản trị Chiến lược hiện đại, Quản trị Nguồn nhân lực hiện đại
- Học phần song hành:	Hành vi tổ chức đương đại

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong môn học này, người học sẽ nắm vững kiến thức về bản chất con người, cách thức vận dụng các kỹ năng lãnh đạo (Phong cách, Quyền hạn, Động viên, Tâm lý) làm phương tiện để đạt được mục tiêu trong quản lý. Cụ thể hơn, người học hiểu đúng và tương tác thảo luận những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những khái niệm lãnh đạo của chính bản thân mình. Nhận ra những mô hình lãnh đạo khác nhau, sự giống và khác nhau của chúng, đồng thời đánh giá được bản thân trên cơ sở các mô hình lãnh đạo này. Học phần này quan tâm đến việc cung cấp các yếu tố quan trọng trong đánh giá và phản ánh những điểm cốt lõi của lãnh đạo trong lý thuyết và thực tiễn. Điều này

đạt được thông qua việc xem xét đánh giá các lý thuyết lãnh đạo khác nhau, thảo luận cởi mở, tự đánh giá cá nhân và phản ánh những thực tiễn lãnh đạo. Những thảo luận cởi mở về lãnh đạo trên phương diện lý thuyết và thực tiễn còn giúp cho người học phát triển các kỹ năng cốt yếu của lãnh đạo trong môi trường hiện đại là hình thành tầm nhìn, truyền đạt tầm nhìn đến các thành viên trong tổ chức, tạo ra khả năng, điều kiện thuận lợi để đạt được tầm nhìn chung.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Hệ thống hóa kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo bao gồm cung cấp phương pháp tiếp cận lãnh đạo hiệu quả và các kỹ năng dẫn dắt, truyền cảm hứng, giải quyết các vấn đề có liên quan đến xung đột giữa các cá nhân trong tổ chức, động viên và tạo động lực, khai thác và phát triển đội ngũ nhân lực hướng đến xoay chuyển các hành vi tích cực phục vụ cho tổ chức. Thông qua đó người học hiểu, áp dụng, đánh giá và giả định làm nhà lãnh đạo trong các tình huống và lại hình tổ chức.

- *Về kỹ năng:* Phân tích bối cảnh của lãnh đạo theo đó các quan niệm, mô hình, và lý thuyết là phù hợp cho việc lãnh đạo hiệu quả. Phát triển các kỹ năng cốt yếu của lãnh đạo: hình thành tầm nhìn, truyền đạt tầm nhìn, tạo khả năng... các kỹ năng được quan tâm phát triển trong quá trình môn học là truyền đạt, giải quyết xung đột, phát triển đội, tương tác qua lại giữa các cá nhân.

- *Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:* Năng lực chủ động khám phá các vấn đề mới liên quan đến lĩnh vực lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo; có phẩm chất đạo đức trong nghiên cứu và trách nhiệm nghề nghiệp cũng như trong nghiên cứu học thuật.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1. Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Tiếp cận và hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo, các lý thuyết lãnh đạo và các mô hình lãnh đạo hiện đại
CLO2	Phân tích đặc điểm các đặc điểm, xu hướng, thách thức của lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số.
CLO3	Phát triển tư duy phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn của các hoạt động lãnh đạo làm nền tảng khám phá và bổ sung khoa học quản trị con người.

CLO4	Khám phá khoa học và nghệ thuật trong quản trị con người để duy trì và phát triển tổ chức gắn kết, hiệu quả thông qua khai thác trí tuệ và lòng nhiệt thành của từng cá nhân trong tổ chức.
CLO5	Thiết lập và tổ chức sáng tạo các hoạt động lãnh đạo trong các cấp đơn vị từ bộ phận đến tổng thể.
Về kỹ năng	
CLO6	Phân tích các luận cứ khoa học các kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo
CLO7	Nhận diện và đánh giá bối cảnh để lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp
CLO8	Kỹ thuật nhận diện tâm lý hành vi của các nhân trong tổ chức, từ đó lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp
CLO9	Kỹ năng nhận diện vấn đề toàn diện về xu hướng và yêu cầu mới trong lãnh đạo, lắng nghe và tư duy phản biện vấn đề.
CLO10	Kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng truyền cảm hứng, kỹ năng động viên và tạo động lực làm việc.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO11	Năng lực phát hiện và đề xuất các giải pháp mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo.
CLO12	Đảm nhận vai trò nhà lãnh đạo trong tất cả các loại hình tổ chức.
CLO13	Phát triển nhận thức về khoa học tâm lý hành vi con người và cách thức quản trị hành vi hiệu quả.
CLO14	Nhận thức và sáng tạo trước sự đa dạng- phức tạp trong công tác lãnh đạo, hình thành năng lực học tập nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi trong môi trường tổ chức.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R									
CLO 2		R								
CLO 3			M							
CLO 4			M							
CLO 5			R							
CLO 6				M						
CLO 7					M					
CLO 8						M				
CLO 9					M	M				
CLO 10					M	M				
CLO 11								M		
CLO 12									M	
CLO 13									M	R
CLO 14										M
Tổng hợp học phần	R	R	M-	M	M	M		M	M	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Mô hình giảng dạy và kế hoạch giảng dạy:						
Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
Tuần 1: Từ: Đến...	Chuyên đề 1: Các xu hướng và thách thức của Lãnh đạo trong bối cảnh quốc tế hóa. - Một số thuật ngữ - Bản chất của lãnh đạo - Đặc điểm Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 1; Tài liệu [2]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
Tuần 2: Từ: Đến...	Chuyên đề 2: Quyền lực và Sự ảnh hưởng - Một số khái niệm - Xu hướng - Các mô hình Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 1; Tài liệu [5] chương 8.
Tuần 3: Từ: Đến...	Chuyên đề 2: Quyền lực và Sự ảnh hưởng (tt) - Một số khái niệm - Xu hướng - Các mô hình Tình huống Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] chương 2,3; Tài liệu [2,3,4]
Tuần 4: Từ: Đến...	Chuyên đề 3: Phẩm chất và Kỹ năng của nhà lãnh đạo - Lãnh đạo và quản trị - Phẩm chất cần và đủ của nhà lãnh đạo - Kỹ năng của nhà lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa - Các yêu cầu đối với nhà lãnh đạo trong kỷ nguyên 4.0 Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1] , Tài liệu [5,8,9]
Tuần 5: Từ: Đến...	Chuyên đề 3: Phẩm chất và Kỹ năng của nhà lãnh đạo (tt) - Lãnh đạo và quản trị - Phẩm chất cần và đủ của nhà lãnh đạo - Kỹ năng của nhà lãnh đạo trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa - Các yêu cầu đối với nhà lãnh đạo trong kỷ nguyên 4.0 Tình huống	4	1	0	- Thuyết giảng/phát vấn - Thảo luận	Đọc tài liệu [1], [4], [6], [7]
Tuần 6: Từ: Đến...	Chuyên đề 4: Phong cách lãnh đạo - Một số khái niệm - Công thức của phong cách lãnh đạo - Các kiểu phong cách lãnh đạo - Lựa chọn phong cách lãnh đạo Tình huống	4	1	0	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc tài liệu [5], [8], [9]
Tuần 7: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các chủ đề chọn thuyết trình liên quan đến Lãnh đạo: Xu hướng, mô hình, thách thức, đặc điểm	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [7]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP				
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thuyết trình		
						đến [8]
Tuần 8: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các chủ đề chọn thuyết trình liên quan đến hoạt Quyền lực và sự ảnh hưởng	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [7] đến [9]
Tuần 9: Từ: Đến...	Thực hành: Học viên báo cáo các phong cách lãnh đạo Ôn tập Hỏi và giải đáp tình huống thực tế	0	0	5	- Thảo luận - Làm việc nhóm	Đọc các bài nghiên cứu từ [5] đến [6]
Tổng cộng		24	6	15		

4.2. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12	CLO13	CLO14
Thuyết giảng	X	X	X	X	X									
Thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Làm việc nhóm			X	X	X	X	X	X	X	X	X			
Thuyết trình						X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

[1] Ferguson, A & Moritz, M. (2015), Dẫn dắt: Lãnh đạo chứ không quản lý, NXB Trẻ, TP.HCM

5.2 Tài liệu tham khảo:

- [2] Nguyễn Thanh Hội, Nghệ thuật lãnh đạo - Viện quản trị doanh nghiệp
[3] Nguyễn Hữu Lam (19997), Nghệ thuật lãnh đạo - Nhà xuất bản giáo dục
[4] Maxwell. J.C (2007), Phát triển kỹ năng lãnh đạo (Developing the Leader within you) - NXB Lao động – xã hội

[5] Goleman, D (2000). Nghệ thuật lãnh đạo đạt thành quả - Harvard Business Review March-April

[6] Harmon, J.P. (2013). *Giám đốc – Thuật quản trị*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[7] Machiavelli, N. (2013). *Quân vương – Thuật cai trị*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[8] Collin, J. (2014). *Từ tốt đến Vĩ đại*, 17th Edition, NXB Trẻ, TP.HCM.

[9] Miao, C., Humphrey, R. H., & Qian, S. (2016). Leader emotional intelligence and subordinate job satisfaction: A meta-analysis of main, mediator, and moderator effects. *Personality and Individual Differences*, 102, 13-24.

[10] Book, L., Gatling, A., & Kim, J. (Sunny). (2019). The effects of leadership satisfaction on employee engagement, loyalty, and retention in the hospitality industry. *Journal of Human Resources in Hospitality and Tourism*, 18(3), 368–393.

<https://doi.org/10.1080/15332845.2019.1599787>

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Thảo luận nhóm Mỗi nhóm thực hiện một đề tài cụ thể trong phạm vi học phần. Theo thời gian phân bố, nhóm có: 20 phút thuyết trình 30 phút để thảo luận 10 phút trao đổi Giảng viên cho điểm chung cả nhóm và điểm thưởng cho từng thành viên theo mức độ tham gia vào công việc (căn cứ vào bảng đánh giá của nhóm và thực tiễn quan sát) Mỗi nhóm tối đa 5 học viên.	Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên các nhóm	CLO1,2,3,4,5	10%
		Đánh giá kỹ năng làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, quản lý thời gian v.v...	CLO 6,7,8,9,10	10%
		Đánh giá thái độ nghiêm túc, hợp tác, chia sẻ trong học tập, làm việc	CLO 11,12,13,14	20%
2	Bài thuyết trình tổng hợp	Theo các chủ đề đã đăng ký liên quan đến các hoạt động về lãnh đạo	CLO1,2,3,4,5,6,7, 8,9,11,12,13,14	60 %
	TỔNG			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

Bài tiểu luận cá nhân cuối kỳ Mỗi cá nhân thực hiện một chủ đề liên quan đến chiến lược, chính sách, chức năng hay mô hình của QTNNL đương đại. Bài báo cáo giao nộp giảng viên bao gồm: - 1 file word version - 1 file PDF version - Tiến độ nộp theo kế hoạch đào tạo do Viện đào tạo SDH công bố.	- Đánh giá sự am hiểu nội dung học phần của học viên. - Đánh giá khả năng nắm bắt và phát triển các nội hàm của lãnh đạo. - Đánh giá sự sáng tạo tư duy của học viên liên quan đến lãnh đạo.	CLO1,2,3,4,5	60%
	- Đánh giá kỹ năng trình bày văn bản, quản lý thời gian.	CLO 6,7,8,9,10	20%
	- Đánh giá thái độ nghiêm túc trong học tập, làm việc của học viên.	CLO 11,12,13,14	20%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá thảo luận nhóm

Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Mức độ tham dự theo TKB	50	Tham dự >90% buổi học	Tham dự từ 80- 90% buổi học	Tham dự từ 70- dưới 80% buổi học	Tham dự dưới 70% buổi học
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ đúng tiến độ cho nhóm trưởng/giảng viên Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài đầy đủ cho nhóm trưởng/giảng viên Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Chuẩn bị bài, nộp bài nhưng chưa đầy đủ Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không chuẩn bị bài. Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp

7.2 Rubric đánh giá bài thuyết trình tổng hợp

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Hình thức báo cáo	10%	Đúng quy định, ấn tượng	Đúng quy định	Nhiều lỗi kỹ thuật	Đơn điệu, sai quy định,

					nhiều lỗi chính tả
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	Nói rõ, tự tin, giao lưu người nghe	Nói nhỏ, kém tự tin, ít giao lưu người nghe	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi
Tham gia thực hiện	20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	70%-dưới 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	50%-dưới 70% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày

7. 3. Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Mô tả mức chất lượng			
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt
		10 – 9 điểm	8 – 7 điểm	6 – 5 điểm	4 – 0 điểm
Nắm vững lý thuyết	50%	Đúng nội dung yêu cầu, có sáng tạo	Đúng nội dung	Đáp ứng 50%	Sai nội dung
Phân tích và nhận định	50%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-dưới 80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-dưới 70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

TS. Huỳnh Thị Thu Sương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị hiệu quả kênh phân phối
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Effectively Distribution Channel Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Bài tập, thảo luận:	5 tiết
- Thực hành:	10 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Marketing cơ sở/Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần Quản trị hiệu quả kênh phân phối là học phần chuyên sâu nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng về bản chất của các kênh phân phối, xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của kênh phân phối, xử lý các xung đột trong kênh và quyết định những giải pháp quản trị kênh.

Học viên sẽ được chia sẻ những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về các tình huống, các quy trình thiết kế kênh và quản trị hiệu quả kênh phân phối, tăng cường định hướng nghiên cứu thông qua các bài tập tình huống và bài tập nhóm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Học viên được trang bị những kiến thức về hoạt động phân phối và cách thức quản trị hệ thống kênh phân phối của một doanh nghiệp.

- ❖ Về kỹ năng:
 - + Học viên có thể thiết kế được một hệ thống kênh phân phối và các giải pháp giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong kênh.
 - + Học viên hoạch định được một số chiến lược kênh phân phối phù hợp với đặc điểm mặt hàng kinh doanh và điều kiện của doanh nghiệp.
 - + Học viên có được những kỹ năng ở tầm vĩ mô để hoạch định các mục tiêu của doanh nghiệp trong hệ thống kênh phân phối.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Học viên có kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu. Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kênh phân phối, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
CLO1	Kiến thức và lập luận ngành
CLO1.1	Giới thiệu cho học viên biết các khái niệm cơ bản và vai trò của kênh phân phối, các chức năng và dòng chảy trong kênh
CLO1.2	Lý thuyết về quá trình phát triển phân phối
CLO2	Kiến thức chuyên ngành
CLO2.1	Nhận thức được sự tác động của các yếu tố môi trường bên trong và môi trường bên ngoài đến các hoạt động quản trị kênh
CLO2.2	Nắm được các loại cấu trúc kênh, phân biệt được các cấu trúc kênh chính và cấu trúc kênh hỗ trợ, và xác định được rõ ràng ai là đối tượng trong hoạt động quản trị kênh.
CLO2.3	Hiểu được thế nào là chiến lược kênh phân phối và mối quan hệ hữu cơ giữa chiến lược kênh phân phối với các chiến lược mục tiêu và chiến lược marketing mix của doanh nghiệp
CLO2.4	Biết được quy trình hoạt động thiết kế kênh phân phối để có thể thiết kế được một kênh phân phối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm của môi trường, đặc điểm của sản phẩm và điều kiện thực tế của doanh nghiệp
CLO2.5	Phải nhận diện được nguyên nhân và thực tế xung đột trong kênh, các cách thức để đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên kênh và biết cách vận dụng các yếu tố marketing mix để quản trị kênh
CLO2.6	Hiểu được sự tác động của công nghệ thông tin đối với kênh phân phối, và các vận dụng sao cho hoạt động quản trị kênh đạt hiệu quả tốt nhất.
CLO2.7	Nắm được bản chất của hoạt động hậu cần qua các dòng chảy trong kênh, từ đó tối thiểu hóa các chi phí trong toàn bộ hệ thống kênh
CLO3	Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)
CLO3.1	Thiết kế được một hệ thống kênh phân phối và các giải pháp giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong kênh.
CLO3.2	Hoạch định được một số chiến lược kênh phân phối phù hợp với đặc điểm mặt hàng kinh doanh và điều kiện của doanh nghiệp.

CLO3.3	Hoạch định các mục tiêu của doanh nghiệp trong hệ thống kênh phân phối.
CLO4	Kỹ năng mềm (cá nhân)
CLO4.1	Làm việc theo nhóm
CLO4.2	Trình bày một báo cáo nghiên cứu
CLO5	Thái độ/ năng lực cá nhân với xã hội (Kỹ năng và phẩm chất giữa các cá nhân)
CLO5.1	Ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu
CLO5.2	Phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kênh phân phối
CLO5.3	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Ví dụ:

CLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1					I					
CLO 2								M		
CLO 3				R						
CLO 4							R			
CLO 5						M				
Tổng hợp học phần				R	I	M	R	M		

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1 Buổi 1	Chương 1: Tổng quan về kênh phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	1.1- Khái niệm và vai trò của kênh phân phối 1.2- Các chức năng và dòng chảy trong kênh phân phối 1.3- Lý thuyết về quá trình phát triển phân phối						phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 2 Buổi 2	Chương 2: Môi trường kênh phân phối 2.1 - Môi trường bên ngoài kênh phân phối 2.2 - Môi trường bên trong kênh phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 3 Buổi 3	Chương 3: Cấu trúc kênh phân phối 3.1- Tổng quan cấu trúc kênh phân phối 3.2- Các thành viên trong kênh phân phối 3.3- Các tổ chức hỗ trợ kênh phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 4 Buổi 4	Chương 4: Chiến lược kênh phân phối 4.1- Khái quát về chiến lược kênh phân phối 4.2- Chiến lược kênh phân phối trong các mục tiêu chiến lược marketing của doanh nghiệp	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 5 Buổi 5	Chương 4: Chiến lược kênh phân phối (tt) 4.3- Chiến lược kênh phân phối với các chiến lược marketing mix	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	4.4 - Các loại chiến lược kênh phân phối						các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 6 Buổi 6	Chương 5: Thiết kế kênh phân phối 5.1- Khái quát về thiết kế kênh 5.2- Nhận dạng nhu cầu phải thiết kế kênh 5.3- Xác định và phối hợp các mục tiêu phân phối 5.4- Phân loại các công việc phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 7 Buổi 7	Chương 5: Thiết kế kênh phân phối (tt) 5.5- Phân tích các biến số ảnh hưởng đến cấu trúc kênh 5.6- Phát triển các cấu trúc kênh có thể thay thế 5.7- Lựa chọn cấu trúc kênh tối ưu 5.8- Lựa chọn các thành viên kênh phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 8 Buổi 8	Chương 6: Quản trị kênh phân phối 6.1- Bản chất của quản trị kênh 6.2- Nhận diện tiềm tàng và thực tại xung đột trong kênh	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 9 Buổi 9	Chương 6: Quản trị kênh phân phối (tt) 6.3- Đánh giá các thành viên và điều chỉnh hệ thống kênh phân phối	3	1				Đọc giáo trình QT kênh phân phối và tài liệu, chuẩn bị trả lời	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	6.4- Vận dụng các yếu tố marketing mix trong quản trị kênh 6.5- Động viên khuyến khích các thành viên trong kênh phân phối						các câu hỏi trắc nghiệm	
Tuần 10 Buổi 10	Chương 7: Công nghệ thông tin đối với kênh phân phối 7.1- Công nghệ thông tin đối với quản trị kênh phân phối truyền thống 7.2- Công nghệ thông tin trong xu thế thương mại điện tử	1	3				Thuyết trình nhóm theo chủ đề do giảng viên đưa ra	
Tuần 11 Buổi 11	Chương 8: Hoạt động hậu cần trong phân phối 8.1- Khái quát về hoạt động hậu cần trong phân phối 8.2- Tổ chức và quản lý hoạt động hậu cần trong phân phối	2	3				Thuyết trình nhóm theo chủ đề do giảng viên đưa ra	
Cộng: 45 tiết		30 tiết	15 tiết					

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Kết hợp các phương pháp thuyết giảng lý thuyết với minh họa	X				
Thuyết giảng, thảo luận tình huống, đề xuất giải pháp		X			
Báo cáo thuyết trình theo nhóm về những chủ đề thực tiễn			X		
Làm bài tiểu luận cá nhân xoay quanh kiến thức cơ bản				X	
Học viên đọc trước tài liệu để trả lời câu hỏi trắc nghiệm					X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- Quản trị Kênh phân phối do Trường ĐH Tài Chính Marketing phát hành
- Slide bài giảng của giảng viên

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- Quản trị Kênh phân phối – Trường Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội phát hành- PGS TS Trương Đình Chiến
- Robert W. Palmatier, Louis W. Stern and Adel I.El–Ansary, Marketing Channel Strategy, 8th ed, 2015 Pearson Education, Inc.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Bài tập trắc nghiệm nhóm - Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm	Mỗi học viên trong nhóm trả lời một câu và xoay vòng	CLO2 - CLO4 - CLO5	30%
2	Bài tiểu luận giữa kỳ - Báo cáo thuyết trình	Làm bài tiểu luận nhóm file word và power point	CLO2 - CLO3 - CLO4	70%
	Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số ...% (70% hoặc 60% hoặc 50%) trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN Bài thi 60 phút, bao gồm 2 câu hỏi cả lý thuyết và xử lý tình huống.	- Đánh giá về kiến thức:	CLO1 – CLO2	50%
	- Đánh giá về kỹ năng:	CLO4	40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm:	CLO5	10%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Rubic đánh giá bài tập trắc nghiệm

Đạt	Không đạt
Làm đúng trên 50% câu hỏi, mức độ đạt tùy thuộc vào số câu làm đúng	Số câu làm đúng dưới 50%

Rubric đánh giá bài tiểu luận giữa kỳ

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2. Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3. Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định. 4. Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 5. Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6. Nộp đúng quy định.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định. 3. Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 5. Nộp trễ hạn 3 ngày.	1. Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2. Các nỗ lực đóng góp dàn trải. 3. Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn

Rubric đánh giá bài thi tự luận

Đạt	Không đạt
Bài thi tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài thi tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS.GVC Nguyễn Xuân Trường

TS.GVC.Trần Văn Thi

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị thương hiệu
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Brand management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Định hướng nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20,5
- Bài tập:	8
- Thực hành, , thảo luận:	16,5
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị marketing toàn cầu
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Thương hiệu ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển bất kỳ tổ chức nào. Học phần quản trị thương hiệu sẽ giúp cho học viên chuyên ngành quản trị kinh doanh có kiến thức chuyên sâu về thương hiệu, quản trị thương hiệu, phân tích nội dung của công tác quản trị thương hiệu. Đồng thời bổ sung thêm kiến thức cho học viên thực hiện các nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh - marketing.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu
G1	Có những hiểu biết chuyên sâu về thương hiệu, quản trị thương hiệu
G2	Có khả năng vận dụng kiến thức quy trình quản trị thương hiệu, nội dung chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu vào thực tiễn.
G3	Có khả năng thiết kế các kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết liên quan đến chiến lược thương hiệu
G4	Có khả năng phân tích, tổng hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến thương hiệu và quản trị thương hiệu trong thực tiễn
G5	Có khả năng ứng dụng các phương pháp đo lường đánh giá hiệu quả và và giám sát công tác quản trị thương hiệu.

G6	Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong công tác quản trị thương hiệu, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân
----	--

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Có những hiểu biết chuyên sâu về thương hiệu, quản trị thương hiệu.
CLO2	Có những hiểu biết và phân tích một cách thấu đáo quy trình quản trị thương hiệu. Mô tả nội dung các quyết định cơ bản trong chiến lược thương hiệu.
CLO3	Có khả năng vận dụng kiến thức quy trình quản trị thương hiệu, nội dung chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu vào thực tiễn
CLO4	Hiểu được cách thức điều chỉnh thương hiệu theo thời gian và chiến lược xây dựng thương hiệu toàn cầu.
Về kỹ năng	
CLO5	Kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích các dữ liệu thị trường phục vụ cho việc ra quyết định liên quan đến công tác quản trị thương hiệu.
CLO6	Có kỹ năng thiết kế các kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết liên quan đến chiến lược thương hiệu;
CLO7	Có kỹ năng ứng dụng các phương pháp đo lường đánh giá hiệu quả và và giám sát công tác quản trị thương hiệu.
CLO8	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến thương hiệu và quản trị thương hiệu trong thực tiễn
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO9	Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu và nhà quản trị thương hiệu trong công ty và trên thị trường
CLO10	Hình thành ý thức tự học tập và chủ động trong nghiên cứu, phát triển năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề trong công tác quản trị thương hiệu, hình thành khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.*

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	R		R		R			R	
CLO 2	R	R		R			R			
CLO 3	R	R		R			R			
CLO 4	R	R		R			R			
CLO 5			M	M	M	M		M		
CLO 6			M	M	M	M		M		
CLO 7			M	M	M	M		M		
CLO 8			M	M	M	M		M		
CLO 9									M	M
CLO 10									M	M
Tổng hợp học phần	R	R	M	M	M	M	R	M	M	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian Buổi (4 tiết)	Nội dung	Hình thức học tập và giảng dạy			
		Giờ lên lớp			HV đọc Tài liệu nghiên cứu
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình/ thảo luận	
1	Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu - Khái niệm thương hiệu + Các yếu tố thương hiệu + Thương hiệu và sản phẩm - Hiểu biết việc xây dựng thương hiệu sản phẩm, B2B, tổ chức, con người, hàng công nghệ cao (Hi-Tech) - Quá trình quản trị thương hiệu chiến lược	2	1	1	Keller K. L. (2019). <i>Strategic Brand Management</i> , Chapter 1, P.30-66. Lisa Wood, 2000. Brands and brand equity: Definition and management. <i>Management Decision</i> , volume 38, Issue 9
2	Giá trị thương hiệu Mô hình giá trị thương hiệu của Aaker và giá trị thương hiệu dựa vào khách hàng của Keller - Khái niệm giá trị thương hiệu của Aaker - Các thành phần giá trị thương hiệu của Aaker - Khái niệm giá trị thương hiệu dựa trên khách hàng của Keller - Mô hình kiến thức thương hiệu	2	1	1	Keller K. L. (2019), <i>Strategic Brand Management</i> , chapter 1, Chap 3. Aaker David A., 1991. <i>Managing Brand Equity</i> , Chapter 1. Aaker David A., 1996. Measuring Brand equity across products and markets. <i>California Management Review</i> Vol.38. No.3. Keller K.L., 1993. Conceptualizing, measuring, and managing customer-based brand equity. <i>Journal of Marketing</i> , Vol.59.
3	Nhận diện thương hiệu và Định vị thương hiệu - Nhận diện thương hiệu + Khái niệm nhận diện thương hiệu (brand identity) + Thương hiệu như sản phẩm (brand as product) + Thương hiệu như con người (brand as person) + Thương hiệu như tổ chức (brand as organization)	2	-	2	Keller K. L. (2019). <i>Strategic Brand Management</i> , chapter 1, p.30-66 Aaker David A. và Joachimsthaler Enrich, 2000. <i>Brand Leadership</i> . Tobias Laue Friis, 2009. <i>Creating and communicating a</i>

	+ Thương hiệu như biểu tượng (brand as symbol). - Định vị thương hiệu + Khái niệm định vị thương hiệu + Khái niệm điểm tương đồng, điểm khác biệt + Hướng dẫn định vị thương hiệu - Xác định tuyên ngôn định vị thương hiệu + Khái niệm tuyên ngôn định vị thương hiệu (brand mantra) + Thiết kế tuyên ngôn định vị thương hiệu + Thực hiện tuyên ngôn định vị thương hiệu				<i>brand identity: The case of Somersby.</i> Aarhus University. Ghodeswar Bhimrao M., 2008. Building brand identity in competitive markets: a conceptual model. <i>Journal of Product & Brand Management</i> 17/1 (2008) 4–12. Emerald Group Publishing Limited.
4	Cộng hưởng thương hiệu và chuỗi giá trị thương hiệu - Sự cộng hưởng thương hiệu + 04 bước xây dựng thương hiệu mạnh theo mô hình tháp cộng hưởng thương hiệu (brand resonance pyramid) + Sự nổi trội thương hiệu (brand salience) + Hiệu năng thương hiệu (brand performance) + Hình tượng thương hiệu (brand imagery) + Đánh giá thương hiệu (brand judgments) + Cảm xúc thương hiệu (brand feelings) + Cộng hưởng thương hiệu (brand resonance) - Chuỗi giá trị thương hiệu + Khái niệm chuỗi giá trị thương hiệu (brand value chain) + Các giai đoạn chuỗi giá trị thương hiệu	2	1	1	Keller K. L. (2019), <i>Strategic Brand Management</i>, chapter 3, p.104-140 Keller K.L., 2001. Building customer-based brand equity: A blueprint for creating strong brands. <i>The Marketing Science Institute</i>.
5	Các yếu tố thương hiệu và chương trình marketing thương hiệu - Tiêu chuẩn lựa chọn yếu tố thương hiệu - Lựa chọn các yếu tố thương hiệu + Tên hiệu (brand name) + Tên miền (urls) + Biểu trưng (logo) + Biểu tượng (symbol) + Hình ảnh đại diện (characters) + Khẩu hiệu (slogans) + Nhạc hiệu (jingles)	2	-	2	Keller K. L. (2019). <i>Strategic Brand Management</i>, chapter 4, 5, và 6, p. 141-258. Yoo B., Donthu N. & Lee S., 2000. An examination of selected marketing mix elements and brand equity. <i>Journal of the Academy of Marketing Science</i>.

	+ Bao bì (packaging) - Thiết kế chương trình marketing để xây dựng giá trị thương hiệu + Quan điểm mới về marketing + Marketing tích hợp + Chiến lược sản phẩm + Chiến lược giá + Chiến lược phân phối + Truyền thông marketing tích hợp - Chiến lược hàng nhãn riêng				Vol.28, No.2.
6	Khai thác các nguồn liên tưởng thương hiệu thứ cấp - Khái niệm khai thác nguồn liên tưởng thương hiệu thứ cấp - Các nguồn liên tưởng thương hiệu thứ cấp + Công ty (company) + Nguồn gốc xuất xứ (country of origin hoặc other georaphic areas) + Kênh phân phối (channel) + Hợp tác thương hiệu (co-brand) + Cấp phép (licensing) + Chứng thực của người nổi tiếng (celebrity endorsement) + Các sự kiện văn hóa, thể thao hoặc sự kiện khác (sporting, cultural, or other events) + Nguồn bên thứ ba (third-party sources)	2	1	1	Keller K. L. (2019), <i>Strategic Brand Management</i>, chapter 7, P.259-291 Abhishek Dwivedi Lester Johnson Robert E. McDonald, (2015). Celebrity endorsement, self-brand connection and consumer-based brand equity. <i>Journal of Product & Brand Management</i>, Vol. 24 Iss 5.
7	Đo lường giá trị thương hiệu - Xây dựng hệ thống quản lý giá trị thương hiệu và đo lường giá trị thương hiệu + Đánh giá thương hiệu (brand audits) + Thiết kế việc nghiên cứu theo dõi thương hiệu (brand tracking studies) + Thiết lập hệ thống quản lý giá trị thương hiệu (brand equity management system) - Đo lường nguồn giá trị thương hiệu: nắm bắt tâm trí khách hàng (capture customer mind-set) + Kỹ thuật nghiên cứu định tính + Kỹ thuật nghiên cứu định lượng + Các mô hình tổng hợp giá trị thương hiệu dựa vào khách hàng: BrandDynamics và Young BrandAsset Valuator - Đo lường kết quả giá trị thương hiệu: nắm bắt hiệu năng thị trường	1,5	1	1,5	Keller K. L. (2019). <i>Strategic Brand Management</i>, chapter 8, 9, 10, p.291-386. Boonghee Yoo, Naveen Donthu, 2001. Developing and validating a multidimensional consumer-based brand equity scale. <i>Journal of Business Research</i> 52 (2001)

	(capture market performance) + Phương pháp so sánh + Phương pháp định giá của Interbrand				
8	Kiến trúc thương hiệu - Kiến trúc thương hiệu + Khái niệm kiến trúc thương hiệu (brand architecture) + Xác định tiềm năng thương hiệu + Xác định cơ hội phát triển thương hiệu + Gắn thương hiệu cho sản phẩm và dịch vụ mới. - Danh mục đa thương hiệu (multi-brand portfolio) + Phổ quan hệ thương hiệu (Brand relationship spectrum) + Thương hiệu động lực (driver brand) + Thương hiệu bảo trợ (endorser brand) + Thương hiệu chiến lược (strategic brand) + Thương hiệu phụ (subbrand) + Thương hiệu bổ sung thêm lợi ích thương hiệu (branding benefit) + Thương hiệu viên đạn bạc (silver bullet) - Cấp bậc thương hiệu + Khái niệm cấp bậc thương hiệu (brand hierarchies) + Cấp thương hiệu công ty (corporate brand level), + Cấp thương hiệu gia đình (family brand level), + Cấp thương hiệu cá biệt (individual brand level) + Cấp thương hiệu bổ trợ (modifier brand level) + Cấp thương hiệu mô tả sản phẩm (product descriptor level).	2	1	1	Keller K. L. (2019). <i>Strategic Brand Management</i> , chapter 11-12, P.385-476 Aaker David A. và Joachimsthaler E., 2000. <i>Brand Leadership</i> . The Free Press, USA. Aaker David A., Joachimsthaler E., 2000. The brand relationship spectrum: the key to the brand architecture challenge. <i>California Management Review</i> .
9	Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp và mở rộng thương hiệu - Xây dựng thương hiệu doanh nghiệp + Khái niệm xây dựng thương hiệu doanh nghiệp (corporate branding) + Thành phần hình ảnh doanh nghiệp (corporate image) + Marketing mang ý nghĩa xã hội (cause marketing) để phát triển	2	-	2	Hussain Shafqat & Rashid Yasir, 2016. Brand extension success elements: A conceptual framework. <i>Journal of business administration and education</i> .

	thương hiệu doanh nghiệp. - Mở rộng thương hiệu + Ma trận sản phẩm - thương hiệu + Mở rộng dòng sản phẩm (line extension) + Mở rộng thương hiệu (brand extension) + Những lợi thế và bất lợi mở rộng thương hiệu + Hiểu người tiêu dùng đánh giá như thế nào với việc mở rộng thương hiệu				
10	Quản trị thương hiệu theo thời gian và thương hiệu toàn cầu - củng cố và làm mới thương hiệu - Quản lý thương hiệu toàn cầu + Lý do xây dựng thương hiệu toàn cầu + Những lợi ích của hình ảnh toàn cầu + Những lợi thế và bất lợi trong chương trình marketing toàn cầu + Chiến lược thương hiệu toàn cầu	1	1	2	Keller K. L. (2019), <i>Strategic Brand Management</i> , chapter 13-14, p.477-546 Aaker David A., 1991. <i>Managing Brand Equity</i> , chapter 11.
11	Xây dựng thương hiệu trên phương tiện kỹ thuật số	1	1	2	Marco Casanova (2019), <i>Pop-up-brands: Business Excellence in Brand Management in the Industry 4.0 Era</i> , Bookstand Publishing;
12	Tổng kết học phần (1 tiết)	1			
TỔNG CỘNG: 45 tiết		20,5	8	16.5	

4.2 Phương pháp giảng dạy

Học phần sử dụng kết hợp các phương pháp thuyết giảng, nêu vấn đề, thuyết trình, thảo luận tình huống, tự nghiên cứu... Có sự tương tác cao giữa giảng viên với người học và giữa người học với nhau. Học viên sẽ làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề, phân tích các sự kiện và hoàn thành các bài tập được giao.

Mỗi học viên phải làm một bài tập cá nhân nghiên cứu case study là một bài báo từ các tạp chí nổi tiếng liên quan đến môn học. Bài trình bày gồm phần dịch sang tiếng Việt; Liên hệ thực tế việc ứng dụng vấn đề bài báo đề cập đối với các doanh nghiệp Việt Nam và Bài học rút ra. Hình thức trình bày theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo và của trường cho tiểu luận và luận văn thạc sĩ. Không giới hạn số trang và nộp file mềm, định dạng Microsoft word.

Học phần này có yêu cầu học viên đọc tài liệu tham khảo viết dự án nghiên cứu theo nhóm: Nhóm chọn một thương hiệu (thương hiệu Công ty, thương hiệu sản phẩm hoặc thương hiệu địa phương) phân tích thực trạng, đánh giá/ nhận định và đề xuất các giải pháp cho thương hiệu nghiên cứu nghiên cứu và trình bày trước lớp.

Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết giảng	X	X							X	
Nêu vấn đề		X	X	X	X	X			X	X
Bài tập tình huống (Case study)		X				X	X	X	X	X
Thuyết trình (Theo vấn đề)			X			X	X		X	X
Nghiên cứu cá nhân		X			X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính:

Kevin Lane Keller (2019). Strategic Brand Management: Building, Measuring, and Managing Brand Equity, NXB Pearson;

David A. Aaker (2009), Managing brand equity, Free Press.

5.2 Tài liệu tham khảo:

1. David A. Aaker (2009), Brand Portfolio Strategy: Creating Relevance, Differentiation, Energy, Leverage, and Clarity; Free Press;
2. Marco Casanova (2019), Pop-up-brands: Business Excellence in Brand Management in the Industry 4.0 Era, Bookstand Publishing;
3. Harsh V. Verma (2012), Brand Management Text and Cases, Pillappa Publishers.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40 % trong điểm học phần

Bài đánh giá/thời gian	Nội dung đánh giá	CĐR học phần	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
1	Thái độ học tập/chuyên cần	LO3.2 LO3.3	11 lần/ trong suốt các buổi học	Thái độ tích cực, có trách nhiệm	25
2	Bài làm nhóm trên lớp	LO1.1 LO1.2 LO1.3	các buổi	Hiểu bài, giải thích được, đề xuất giải pháp	25
3	Bài nghiên cứu case study tiếng Anh	LO1.2 LO1.3 LO2.2	1 lần/giao từ buổi học đầu, thu vào buổi học thứ 11	Dịch sang tiếng Việt, liên hệ thực tiễn và rút ra bài học	25
4	Bài tập nhóm thuyết trình	LO1.4 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO 3.3	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	25
Tổng					100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Thi tự luận	- Đánh giá về kiến thức: Hiểu, giải thích được, tổng hợp và nhận định một cách sâu sắc	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
	- Đánh giá về kỹ năng: Áp dụng, phân tích, đánh giá, đề xuất	CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	40%
	- Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Những nhận định cá nhân, mới và có cơ sở	CLO9, CLO10	30%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

Rubric đánh giá chuyên cần

Giảng viên sẽ cho các bài tập điểm danh trong các buổi học

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Hình thức trình bày bài thuyết trình (15%)	-Power point, phim, ảnh, mô hình, nhạc.. -Font chữ, màu sắc sáng rõ -Kết cấu nội dung trình bày logic -Kết hợp chữ, hình ảnh minh họa và thông tin thể hiện qua bảng – biểu đồ hợp lý	-Power point, phim, ảnh, mô hình, nhạc.. -Font chữ, màu sắc sáng rõ -Kết cấu nội dung trình bày logic -Kết hợp chữ, hình ảnh minh họa và thông tin thể hiện qua bảng – biểu đồ chưa hợp lý	-Power point, phim, ảnh, mô hình, nhạc.. -Font chữ, màu sắc sáng rõ -Kết cấu nội dung trình bày chưa logic Kết hợp chữ, hình ảnh minh họa và thông tin thể hiện qua bảng – biểu đồ chưa nhiều	-Power point, phim, ảnh, mô hình, nhạc.. -Font chữ, màu sắc không rõ -Kết cấu nội dung trình bày chưa logic Chưa có nhiều thông tin thông tin thể hiện qua bảng – biểu đồ	Không đạt yêu cầu

Nội dung bài thuyết trình (50%)	-Nêu rõ mục tiêu, giới hạn đề tài -Có thông tin, số liệu minh họa cập nhật -Có nhận định riêng của nhóm - Đề xuất kế hoạch	-Nêu rõ mục tiêu, giới hạn đề tài -Có thông tin, số liệu minh họa nhưng chưa cập nhật -Có nhận định riêng của nhóm nhưng chưa rõ, chưa đúng trọng tâm	-Nêu rõ mục tiêu, giới hạn đề tài -Có thông tin, số liệu minh họa nhưng chưa cập nhật -Chưa có nhận định riêng của nhóm	-Chưa rõ mục tiêu, giới hạn đề tài -Có thông tin, số liệu minh họa nhưng chưa cập nhật -Không có nhận định riêng của nhóm	-Không đạt tất cả yêu cầu
Kỹ năng thuyết trình (25%)	-Trình bày rất thuyết phục (Rõ ràng, rành mạch, đi vào trọng tâm) -Phân bố thời gian và nội dung thuyết trình hợp lý -Có sự giao lưu và tương tác với lớp -Lắng nghe và trả lời câu hỏi thấu đáo -Phối hợp nhóm tốt	-Trình bày khá thuyết phục (Rõ ràng, rành mạch) - Phân bố thời gian và nội dung thuyết trình hợp lý -Có sự giao lưu và tương tác với lớp -Lắng nghe và trả lời câu hỏi nhưng chưa thấu đáo -Phối hợp nhóm khá tốt	-Trình bày thuyết phục (đi vào trọng tâm nhưng chưa rõ) -Phân bố thời gian và nội dung thuyết trình chưa hợp lý -Có sự giao lưu và tương tác với lớp -Trả lời câu chưa hỏi thấu đáo -Phối hợp nhóm chưa tốt	-Trình bày không rõ ràng, rành mạch, chưa đi vào trọng tâm - Không phân bố thời gian và nội dung thuyết trình -Có sự giao lưu và tương tác với lớp -Không lắng nghe và trả lời câu hỏi sai và lấp liếm -Phối hợp nhóm tốt	Không đạt tất cả yêu cầu
Thời gian (10%)	Đúng thời gian	Quá thời gian gần 3 phút	Quá thời gian từ 3-5 phút	Quá thời gian gần 10 phút	Quá 10 phút

Rubric đánh giá thảo luận bài nhóm trên lớp

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Phân vai (30%)	- Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm - Luân phiên đổi vai trong các buổi thảo luận nhóm	- Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm - Có luân phiên đổi vai trong các buổi thảo luận nhóm nhưng không thường xuyên	- Có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm - Quá phụ thuộc vào một vài thành viên trong nhóm	- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm chưa rõ ràng, - Vẫn còn SV trong nhóm không tham gia thảo luận	Không đạt được các yêu cầu

Phối hợp thảo luận (20%)	- Phân bố thời gian cho quá trình thảo luận rất hợp lý - Các thành viên làm tốt vai trò được phân công - Thảo luận, thống nhất vấn đề và nội dung thảo luận	- Phân bố thời gian cho quá trình thảo luận hợp lý - Các thành viên làm tốt vai trò được phân công nhưng chưa ổn định - Thảo luận, thống nhất vấn đề và nội dung thảo luận	- Phân bố thời gian cho quá trình thảo luận hợp lý - Chỉ một số thành viên làm tốt vai trò được phân công - Thảo luận chưa nhiều, thống nhất vấn đề và nội dung thảo luận	- Phân bố thời gian cho quá trình thảo luận chưa hợp lý - Các thành viên chưa làm tốt vai trò được phân công - Thảo luận chưa nhiều, chưa thống nhất vấn đề và nội dung thảo luận	Không đạt được các yêu cầu
Kết quả đạt được (50%)	- Trình bày rõ ràng, súc tích - Phân tích được vấn đề - Nhận định được vấn đề - Trả lời và trình bày xuất sắc vấn đề theo yêu cầu của giảng viên	- Trình bày rõ ràng - Phân tích được vấn đề - Nhận định được vấn đề - Trả lời và trình bày đủ vấn đề theo yêu cầu của giảng viên	- Trình bày chưa rõ ràng - Phân tích được vấn đề - Nhận định được vấn đề - Trả lời và trình bày sơ sài vấn đề theo yêu cầu của giảng viên	- Trình bày chưa logic - Phân tích được vấn đề - Nhận định được vấn đề - Chưa trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên	Không đạt được các yêu cầu

Rubric đánh giá thi cuối kỳ

Dạng câu hỏi: tự luận kết hợp bài tập tình huống, thời gian làm bài từ 60-75 phút

Điểm Tiêu chí	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Nội dung bài làm 90%	Trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi, trình bày chi tiết vấn đề, cho ví dụ cụ thể, sáng tạo	Trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi, trình bày chi tiết vấn đề, cho ví dụ cụ thể.	Trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi, trình bày vấn đề chưa chi tiết.	Trả lời chưa đúng yêu cầu của câu hỏi	Không làm bài và hoặc trả lời sai hoàn toàn
Hình thức bài làm 10%	Bài làm logic Viết rõ ràng.	Bài làm tương đối logic Viết rõ ràng.	Bài làm chưa logic lắm	Bài làm lộn xộn, viết không rõ ràng.	Bài làm lộn xộn, viết không rõ ràng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 202

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Trường

TS. Ngô Thị Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Marketing kỹ thuật số
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Digital Marketing
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	32,5
- Bài tập, thảo luận:	10
- Thực hành:	2,5
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị Marketing / Khoa Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Nguyên lý Marketing
- Học phần học trước:	Quản trị Marketing
- Học phần song hành:	Thương mại điện tử

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần môn học Marketing kỹ thuật số giới thiệu tầm quan trọng của marketing trong thời đại kỹ thuật số. Học phần phân tích nội dung của Digital marketing, các công cụ của Marketing kỹ thuật số và cách thức triển khai chiến lược truyền thông marketing trong môi trường kỹ thuật số tại các doanh nghiệp hiện nay. Từ đó điều tra nghiên cứu các kiến thức mới.

Bên cạnh đó, các nội dung về Pháp luật và đạo đức trong Marketing kỹ thuật số cũng được đề cập nhằm trang bị cho người học cái nhìn tổng thể về thực trạng và xu hướng của hoạt động Marketing kỹ thuật số hiện tại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức: Giúp học viên nắm vững những kiến thức về hoạt động marketing trên môi trường truyền thông kỹ thuật số và các công cụ truyền thông cho sản phẩm số trên Internet. Cụ thể:

+ Cung cấp những kiến thức về Marketing kỹ thuật số

+ Nội dung các công cụ Marketing kỹ thuật số. Xây dựng kế hoạch Marketing kỹ thuật số.

+ Nghiên cứu đưa ra các kiến thức mới.

- Kỹ năng: Học viên có khả năng điều tra, tổng hợp, phân tích để đưa ra các giải pháp về quản trị một cách khoa học. Biết lập kế hoạch Marketing kỹ thuật số cho sản phẩm, triển khai thực hiện hoạt động truyền thông trên internet. Phân tích các dữ liệu của website và các số liệu truyền thông trên môi trường kỹ thuật số.

- Thái độ: Ý thức được vấn đề đạo đức và trách nhiệm của người làm marketing khi triển khai các chương trình marketing và hoạt động truyền thông trên Internet. Đề xuất cải tiến hoạt động chuyên môn.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu về tầm quan trọng của Marketing kỹ thuật số trong bối cảnh công nghệ khoa học phát triển mạnh mẽ và hành vi khách hàng liên tục thay đổi trong thời đại kết nối.
CLO2	Biết và hiểu được hành trình và hành vi khách hàng trực tuyến – khách hàng mục tiêu của doanh nghiệp và các hoạt động kết nối khách hàng trong môi trường công nghệ số. Từ đó điều tra nghiên cứu các kiến thức mới.
Về kỹ năng	
CLO3	Phân tích và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của môi trường Marketing kỹ thuật số và cách thức ứng xử phù hợp của doanh nghiệp
CLO4	Tổng hợp phân tích dữ liệu để đưa ra giải pháp quản trị một cách khoa học. Xây dựng chiến lược và lập ra kế hoạch Marketing kỹ thuật số
CLO5	Nhận biết và mô tả được các loại hình marketing kỹ thuật số; Ứng dụng được các công cụ Marketing kỹ thuật số như SEM, SMM, Email marketing... để nghiên cứu thị trường và hành vi khách hàng trực tuyến.
CLO6	Lựa chọn và vận dụng các công cụ Marketing kỹ thuật số để phân tích, thực hiện và đánh giá hoạt động Marketing kỹ thuật số
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Đưa ra được sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tế. Quản lý việc thực hiện các chương trình Marketing kỹ thuật số
CLO8	Kiểm tra, đánh giá và hiểu những thách thức của việc áp dụng các chương trình Marketing kỹ thuật số
CLO9	Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình hoạt động marketing trực tuyến

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I								
CLO 2	R			R		R				
CLO 3	R			M						
CLO 4	R		R	M						
CLO 5	R			M		R				
CLO 6				M		M				
CLO 7					M					
CLO 8						R		R		
CLO 9						R				
Tổng hợp học phần	R	I	R	M	M	R		R		

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1: Từ: Đến...	Topic 1: Tổng quan về Marketing kỹ thuật số 1.1 Giới thiệu thời đại kết nối và Marketing kỹ thuật số 1.2 Marketing kỹ thuật số và các thị trường B2B, B2C,	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	C2B và C2C 1.3 Định nghĩa 1.4 Các mục tiêu chiến lược của Marketing kỹ thuật số Các chiến thuật, hành động và kiểm soát					và giữa những người học với nhau.		
Tuần 2: Từ: Đến...	Topic 2: Phối thức Marketing kỹ thuật số 2.1 Giới thiệu phối thức Marketing 2.2 Phối thức Marketing kỹ thuật số 2.3 Phối thức Marketing kỹ thuật số là tùy chỉnh và biến thể 2.4 8P trong Marketing kỹ thuật số	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 3: Từ: Đến...	Topic 3: Các mô hình kỹ thuật số 3.1 Các mô hình doanh thu trực tuyến 3.2 Các mô hình trung gian 3.3 Các mô hình thuộc tính 3.4 Các mô hình truyền thông 3.5 Các mô hình xử lý thông tin khách hàng	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	3.6 Các mô hình về tiến trình mua của khách hàng 3.7 Các mô hình về lòng trung thành 3.8 Các mô hình về truyền thông xã hội 3.9 Các mô hình thương mại xã hội và mức độ gắn kết					nhau.		
Tuần 4: Từ: Đến...	Topic 4: Khách hàng trong môi trường kỹ thuật số 4.1 Giới thiệu về khách hàng kỹ thuật số 4.2 Các đặc trưng về động cơ, kỳ vọng và nỗi lo của khách hàng kỹ thuật số 4.3 Xử lý thông tin trực tuyến 4.4 Quy trình mua hàng trực tuyến 4.5 Các mối quan hệ trực tuyến và lòng trung thành 4.6 Cộng đồng và mạng xã hội 4.7 Hồ sơ khách hàng 4.8 Nghiên cứu khách hàng trực tuyến	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 5:	Topic 5: Marketing truyền thông xã hội	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề,		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ: Đến...	5.1 Vai trò của Marketing truyền thông xã hội 5.2 Thiết lập mục tiêu cho Marketing truyền thông xã hội 5.3 Lập kế hoạch và chiến lược để quản lý truyền thông xã hội 5.4 Lắng nghe cộng đồng và quản trị danh tiếng trực tuyến 5.5 Phát triển chiến lược gắn kết và nội dung marketing cho thương hiệu 5.6 Xác định chiến lược truyền thông xã hội 5.7 Xác định phương pháp tiếp cận cho các nền tảng truyền thông xã hội cốt lõi 5.8 Tối ưu hóa phương tiện truyền thông xã hội (SMO)					mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 6: Từ: Đến...	Topic 6: Thiết kế trải nghiệm kỹ thuật số 6.1 Giới thiệu về thiết kế trang web 6.2 Thiết kế tích hợp 6.3 Đề xuất giá trị trực tuyến 6.4 Định hướng khách hàng	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	6.5 Thiết kế năng động và cá nhân hóa 6.6 Thẩm mỹ 6,7 Thiết kế trang 6.8 Chiến lược nội dung và viết quảng cáo 6,9 Điều hướng và cấu trúc 6.10 Tương tác 6.11 Thiết kế trang web di động					người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 7: Từ: Đến...	Topic 7: Thiết kế dung lượng 7.1 Giới thiệu thiết kế dung lượng 7.2 Marketing công cụ tìm kiếm: SEO 7.3 Trả trước hoặc trả cho mỗi lần kích chuột qua công cụ marketing tìm kiếm 7.4 Biểu ngữ quảng cáo 7.5 Quảng cáo thuần túy 7.6 Quan hệ công chúng (PR) trực tuyến 7.7 Quan hệ đối tác trực tuyến 7.8 Email marketing 7.9 Tiếp thị lan truyền	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 8:	Topic 8: Quản lý quan hệ khách hàng	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề,		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Từ: Đến...	(CRM) 8.1 Giới thiệu về CRM trực tuyến 8.3 Cơ sở dữ liệu marketing và marketing tự động 8.4 Sử dụng công nghệ tiếp thị để hỗ trợ CRM 8.5 Hồ sơ 8.6 Cá nhân hóa 8.7 Email tiếp thị 8.8 Các vấn đề về kiểm soát 8,9 Làm sạch cơ sở dữ liệu					mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		
Tuần 9: Từ: Đến...	Topic 9: Chiến lược và quản lý Marketing kỹ thuật số 9.1 Môi trường kỹ thuật số toàn cầu và nghiên cứu thị trường trực tuyến 9.2 Kết nối khách hàng trực tuyến và thực hiện CRM trong môi trường kỹ thuật số 9.3 Phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu, chiến lược định vị và khác biệt 9.4 Ngân sách cho Marketing kỹ thuật	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	số 9.5 Đầu tư tiếp thị kỹ thuật số 9.6 Chọn đúng nhà cung cấp cho marketing kỹ thuật số 9.7 Quản lý thay đổi cho chuyển đổi kỹ thuật số 9.8 Đo lường và tối ưu hóa Marketing kỹ thuật số với các phân tích kỹ thuật số 9.9 Tự động hóa 9.10 Triển khai hệ thống mới 9.11 Quản lý chất lượng dữ liệu 9.12 Bảo mật kinh doanh trong thời kỳ kỹ thuật số							
Tuần 10: Từ: Đến...	Topic 10: Lập kế hoạch Marketing kỹ thuật số 10.1 Giới thiệu về kế hoạch Marketing kỹ thuật số 10.2 Phân tích cơ hội Markeitng kỹ thuật số 10.3 Thiết lập mục tiêu 10.4 Xác định chiến lược 10.5 Lựa chọn chiến thuật	3	1		8	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	10.6 Hành động 10.7 Điều khiển 10.8 Tài nguyên 3M: Nguồn lực (Men), Tiền (Money), và Thời gian (Minutes)							
Tuần 11: Từ: Đến...	Topic 11: Vấn đề pháp lý và đạo đức trong Markeitng kỹ thuật số 2.1 Thị trường trực tuyến toàn cầu 2.2 Các vấn đề về pháp lý và đạo đức	2,5	2.5		10	Thuyết giảng, nêu vấn đề, mind map, case study, truy vấn, thảo luận nhóm, phân tích ngành. Có sự tương tác giữa giảng viên với người học và giữa những người học với nhau.		

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng, nêu vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Mind map, Case study	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

Bài giảng

- Bài giảng Marketing kỹ thuật số của giảng viên.

Giáo trình

- Dave Chaffey, PR Smith, 2017. Digital Marketing Excellence: Planning, Optimizing and Integrating Online Marketing, 5th Edition, Prentice Hall.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- Strauss, Judy, Adel El-Ansary and Raymond Frost, E-Marketing, 7th edition, Prentice Hall: New Jersey, 2017.
- Dave Chaffey, PR Smith, 2007. eMarketing eXcellence: Planning and optimising your digital marketing (Emarketing Essentials), Prentice Hall.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần, bài tập cá nhân	Đi học đủ, tích cực tham gia hoạt động tương tác trao đổi trong lớp. Kiểm tra bài cá nhân 2-3 lần	Điểm danh, 2-3 lần	10%
2	Bài tập NHÓM	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	30%
	TỔNG			40%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN Bài thi 90 phút, bao gồm 2 câu hỏi vận	- Đánh giá về kiến thức:	Hiệu, giải thích được, đánh giá được	24%

dụng lý thuyết vào tình huống thực tế. (câu hỏi mở, được sử dụng tài liệu) hoặc BÀI TIỂU LUẬN NHÓM	- Đánh giá về kỹ năng:	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	36%
TỔNG			60%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

7.2 Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Đạt	Không đạt
Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

7.3 Rubric đánh giá bài tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3.Sự đóng góp của mỗi thành viên được	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3.Sự đóng góp của mỗi thành viên được	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2.Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định.	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2.Các nỗ lực đóng góp dàn trải.

xác định. 4.Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực. 5.Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6.Nộp đúng quy định.	xác định. 4.Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực. 5.Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn. 6.Nộp đúng quy định.	3.Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực 4.Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc. 5.Nộp trễ hạn 3 ngày.	3.Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực 4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn
--	--	--	---

7.4 Rubric đánh giá bài tập nhóm (bảng 7.4)

7.5 Rubric đánh giá bài thi tự luận (bảng 7.5)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Trường

TS. Tạ Văn Thành

Bảng 7.4 Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Xây dựng một chiến lược và kế hoạch marketing kỹ thuật số - <i>Đánh giá tình hình và hoạch định</i> (20%)	- Chiến lược và kế hoạch không đầy đủ, thiếu logic. - Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng trong thực tiễn cho bài tập như thế nào.	- Thể hiện một số khó khăn trong phân tích, đánh giá thị trường và đối thủ. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi tương đối đầy đủ, logic. - Việc sử dụng kiến thức, kỹ năng là rõ ràng nhưng không sâu.	- Áp dụng các kiến thức trong việc phân tích, đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh tương đối tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi khá đầy đủ, logic. - Sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng nhưng ít mở rộng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ khá tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng khá tốt kiến thức và kỹ năng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi rất đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng và sáng tạo cao.	CLO3 CLO4 CLO5
Hoạch định được chiến lược & kế hoạch marketing kỹ thuật số - <i>Giải quyết vấn đề đặt ra</i> (20%)	- Ý tưởng mới rất bình thường, đơn giản, không khác biệt. - Sử dụng các giải pháp rất bình thường. - Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra. - Chưa trả lời được đầy đủ các câu hỏi phản biện và chất vấn của các nhóm khác.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo trung bình. - Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức trung bình. - Trả lời các câu hỏi chất vấn ở mức bình thường.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo tương đối. - Sử dụng các giải pháp tương đối hiệu quả để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch hành động và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tương đối tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo khá cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả khá tốt để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời khá tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả cao để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết và khả thi về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	CLO3 CLO4 CLO5
Phối hợp nhóm trong thực hiện bài và thuyết trình	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm không	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm chưa rõ ràng. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm bình	- Có sự phân công, phối hợp tương đối rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp khá giữa các thành viên nhóm.	- Có sự phân công và phối hợp rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên nhóm.	- Có sự phân công và phối hợp rất rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp rất tốt giữa các thành viên	CLO4 CLO5

(20%)	tốt. • Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp kém.	thường. • Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp bình thường.	• Có sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	• Có sự tương tác tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	nhóm. • Có sự tương tác rất tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	
Kết cấu và bố cục của bài word & Powerpoint (10%)	• Kết cấu thiếu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.	• Kết cấu không chặt. • Bố cục bình thường. • Sự liên kết không chặt chẽ.	• Kết cấu tương đối chặt. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết chưa tốt. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu khá chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO7
Tính sáng tạo (10%)	• Đi theo lối mòn. • Không có phong cách riêng.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt khá rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ ràng.	CLO4 CLO5 CLO7
Hình Thức – (10%)	• Chưa theo đúng qui định và sai lỗi nhiều. • Thiếu sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày kém thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi khá nhiều. • Không có sự kết hợp giữa phần chữ, hình ảnh và video. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày một cách bình thường.	• Theo đúng qui định và sai lỗi tương đối ít. • Sự kết hợp không tốt giữa phần chữ, hình ảnh cũng như video. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày một cách tương đối thuyết phục.	• Theo đúng qui định và ít sai lỗi. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Không kết hợp đủ phần chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày khá thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi không đáng kể. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Có sự kết hợp chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Có tính thẩm mỹ cao. • Trình bày rất thuyết phục.	CLO5 CLO7
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (5%)	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác. • Phụ lục và tài liệu tham khảo chưa đầy đủ để tra	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu	CLO3 CLO4 CLO5

		khảo không đủ.	cứu, kiểm tra.	khảo tương đối đầy đủ.	tham khảo đầy đủ, đúng.	
Thời gian nộp bài (5%)	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 12h so với qui định.	• Chậm hơn 6h so với qui định.	• Đúng qui định.	CLO7 CLO8

Bảng 7.5 Rubric đánh giá bài thi tự luận

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Đáp ứng yêu cầu nội dung về kiến thức, kỹ năng và thái độ (90%)	• Chưa hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. • Trả lời còn nhiều sai sót. • Mức độ đáp ứng yêu cầu đặt ra chưa tốt. • Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.	• Hoàn thành được trên 50% yêu cầu đặt ra. • Trả lời đúng kết quả, sai sót không nhiều. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề bình thường.	• Hoàn thành gần hết các câu hỏi đặt ra. • Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề tương đối cao.	• Hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá cao.	• Hoàn thành rất tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Hình thức trình bày (10%)	• Chưa logic, hợp lý. • Khó đọc. • Không đẹp mắt.	• Mức độ logic, hợp lý bình thường. • Không dễ đọc. • Không đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Khá dễ đọc. • Bình thường.	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Khá đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Đẹp mắt.	CLO8 CLO9

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị đổi mới và Phát triển sản phẩm mới
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Innovation Management and New Product Development
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	22,5
- Bài tập, thảo luận:	22,5
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị Marketing / Khoa Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị Marketing,
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần này là: Để phát triển sự hiểu biết và nâng cao nhận thức về các lĩnh vực cơ bản trong việc phát triển sản phẩm mới trong bối cảnh ngày nay, đồng thời, học viên phát triển năng lực, kỹ năng và khả năng ra quyết định trong việc phát triển sản phẩm mới, đem lại thành công cho doanh nghiệp/tổ chức: từ hình thành ý tưởng sản phẩm, phát triển khái niệm, thiết kế, thử nghiệm, đến tung sản phẩm ra thị trường và quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức:

- Phát triển được sự hiểu biết sâu sắc về quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới
- Phát triển được năng lực quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới trong doanh nghiệp một cách hiệu quả.

❖ Về kỹ năng:

- Phân tích, đánh giá được hoạt động quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới ở cấp độ doanh nghiệp
- Áp dụng những kiến thức trong môn học này để có thể quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới cho một doanh nghiệp/ tổ chức.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Phát triển được năng lực để hoạch định, thực thi và đánh giá được chiến lược, kế hoạch đổi mới và phát triển sản phẩm mới của doanh nghiệp.
- Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình học tập
- **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:**

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Đối chiếu được các kiến thức sâu rộng về quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới và các kiến thức thực tế trong doanh nghiệp/ tổ chức.
CLO2	Phân tích, đánh giá được hoạt động đổi mới, phát triển sản phẩm mới ở doanh nghiệp/ tổ chức từ đó điều tra và nghiên cứu các kiến thức mới
CLO3	Hoạch định được chiến lược và chính sách đổi mới và phát triển sản phẩm mới cho một doanh nghiệp/ tổ chức.
Về kỹ năng	
CLO4	Phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp về quản trị đổi mới, phát triển một sản phẩm mới.
CLO5	Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề đổi mới và phát triển sản phẩm mới một cách hiệu quả.
CLO6	Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và trong đổi mới và phát triển sản phẩm mới.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới.
CLO8	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong việc đổi mới và phát triển sản phẩm mới.
CLO9	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thông qua quá trình đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm mới.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I								
CLO 2	R			R		R				
CLO 3	R			M						
CLO 4	R		R	M						
CLO 5	R			M		R				
CLO 6				M		M				
CLO 7					M					
CLO 8						R		R		
CLO 9						R				
Tổng hợp học phần	R	I	R	M	M	R		R		

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian Buổi (4 tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Giờ lên lớp			Tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy		
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng				
Buổi 1	Chương 1: Tổng quan về quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới 1.1 Khái quát về đổi mới và phát triển sản phẩm mới. 1.2 Chiến lược quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới.	2,0	2,0		8,0			

	1.3 Vai trò của chiến lược đổi mới và phát triển sản phẩm mới trong doanh nghiệp. 1.4 Nguyên tắc của đổi mới và phát triển sản phẩm mới. 1.5 Những yếu tố dẫn đến thành công hay thất bại trong quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm. 1.6 Các chiến lược đổi mới và phát triển sản phẩm mới.							
Buổi 2	Chương 2: Quản trị đổi mới trong các doanh nghiệp 2.1. Lý thuyết về các tổ chức và sự đổi mới. 2.2. Những khó khăn của đổi mới. 2.3. Quản trị là tất yếu. 2.4. Tổ chức và đổi mới. 2.5. Đặc điểm của tổ chức và qui trình đổi mới. 2.6. Vai trò của yếu tố cá nhân. 2.7. Thiết lập môi trường đổi mới.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 3	Chương 3 : Lập dự án đổi mới phát triển sản phẩm mới 3.1. Kế hoạch đổi mới và phát triển sản phẩm mới. 3.2. Những vấn đề xảy ra khi không có kế hoạch. 3.3. Phân loại dự án đổi mới và phát triển sản phẩm. 3.4. Những câu hỏi đặt ra khi lập kế hoạch đổi mới và phát triển sản phẩm. 3.5. Qui trình lập kế hoạch đổi mới và phát triển sản phẩm mới.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 4	Chương 4 : Sáng tạo khái niệm sản phẩm mới 4.1. Sáng tạo khái niệm sản phẩm mới. 4.2. Vai trò của sáng tạo khái niệm sản phẩm mới. 4.3. Chiến lược doanh nghiệp và ý tưởng sản phẩm mới.	2,0	2,0		8,0			

	4.4. Phương pháp phát triển khái niệm sản phẩm mới. 4.5. Quy trình sáng tạo khái niệm sản phẩm mới.							
Buổi 5	Chương 5: Đánh giá khái niệm và dự án phát triển sản phẩm mới 5.1. Hệ thống đánh giá khái niệm, dự án phát triển sản phẩm mới. 5.2. Phương pháp kiểm tra khái niệm. 5.3. Phương pháp sàng lọc đầy đủ. 5.4. Dự báo bán hàng.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 6	Chương 6: Thiết kế sản phẩm mới 6.1. Khái niệm thiết kế sản phẩm mới. 6.2. Vai trò của thiết kế trong qui trình phát triển sản phẩm mới. 6.3. Kiến trúc sản phẩm mới. 6.4. Phân tích nguyên mẫu 6.5. Quản lý giao diện trong thiết kế sản phẩm mới. 6.6. Cải thiện giao diện trong thiết kế sản phẩm mới. 6.7. Cải thiện trong thiết kế sản phẩm mới.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 7	Chương 7: Thử nghiệm sản phẩm mới 7.1. Tại sao cần thử nghiệm sử dụng sản phẩm mới. 7.2. Vai trò của Marketing trong phát triển sản phẩm mới. 7.3. Tầm quan trọng của thử nghiệm sử dụng. 7.4. Kiến thức thu được từ thử nghiệm sử dụng sản phẩm mới 7.5. Quyết định trong thử nghiệm sử dụng sản phẩm mới. 7.6. Những vấn đề đặc biệt trong thử nghiệm sử dụng sản	2,0	2,0		8,0			

	phẩm mới. 7.7. Thử nghiệm thị trường							
Buổi 8	Chương 8: Hoạch định chiến lược tung sản phẩm mới ra thị trường 8.1. Thiết lập chiến lược tung sản phẩm mới ra thị trường. 8.2. xác định mục tiêu chiến lược tung sản phẩm mới. 8.3. Quyết định chiến lược thị trường mục tiêu. 8.4. Quyết định thị trường mục tiêu. 8.5. Định vị sản phẩm. 8.6. Tạo giá trị cho định vị được chọn. 8.7. Thương hiệu và quản trị thương hiệu 8.8. Bao bì sản phẩm.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 9	Chương 9: Thực thi chiến lược tung sản phẩm mới 9.1. Các quyết định chiến lược nền tảng. 9.2. Quyết định thị trường mục tiêu. 9.3. Định vị sản phẩm. 9.4. Nhãn hiệu và thương hiệu. 9.6. Chu kỳ tung sản phẩm. 9.7. Chiến thuật tung sản phẩm. 9.8. Các yêu cầu A-T-A-R. 9.9. Khung kế hoạch tung sản phẩm. 9.10. Quản trị khởi động tung sản phẩm mới.	2,0	2,0		8,0			
Buổi 10	Chương 10: Phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực dịch vụ 10.1. Phát triển của dịch vụ mới. 10.2. Phân loại dịch vụ mới. 10.3. Đặc điểm của dịch vụ. 10.4. Cách thức đổi mới dịch vụ. 10.5. Phát triển mô hình dịch vụ	2,0	2,0		8,0			

	mới. 10.6. Thử nghiệm sử dụng dịch vụ.							
Buổi 11	Chương 11: Quản trị phát triển sản phẩm mới 11.1. Phát triển sản phẩm mới như một dự án. 11.2. Phát triển sản phẩm mới ở một số ngành. 11.3. Mô hình tổ chức hoạt động phát triển sản phẩm mới. 11.4. Xây dựng nhóm phát triển sản phẩm mới. 11.5. Quản lý nhóm phát triển sản phẩm mới. 11.6. Quản trị phát triển sản phẩm mới. 11.7. Dừng tiến trình phát triển sản phẩm mới và thay đổi hỗn hợp sản phẩm.	2,5	2,5		10			
Cộng		22,5 Giờ	22,5 Giờ		90 Giờ			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng, nêu vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Mind map, Case study	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

Bài giảng

- Bài giảng Quản trị đổi mới và phát triển sản phẩm mới của giảng viên.

Giáo trình

- Giáo trình: Nguyễn Xuân Trường. (2020). *Phát triển sản phẩm mới*, In lần thứ nhất. Nhà xuất bản Thanh Niên.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- Trott, P. (2017). *Innovation management and New product development*. 6th edition. Pearson
- Afuah, A. (2003). *Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo*. 2nd edition. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
- Mital, A., Desai, A., Subramanian, A., & Mital, A. (2014). *Product development: a structured approach to consumer product development, design, and manufacture*. Elsevier.
- Cross, N. (2021). *Engineering design methods: strategies for product design*. John Wiley & Sons.
- Kono, T., & Lynn, L. (2007). *Strategic new product development for the global economy*. Springer.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần, bài tập cá nhân	Đi học đủ, tích cực tham gia hoạt động tương tác trao đổi trong lớp. Kiểm tra bài cá nhân 2-3 lần	Điểm danh, 2-3 lần	15%
2	Bài tập NHÓM	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	25%
	TỔNG			40%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI TIỂU LUẬN Xây dựng đề án nghiên cứu phát triển sản phẩm mới	- Áp dụng cho mỗi cá nhân, nộp bài sau khi kết thúc học phần 1 tuần.	Hiệu, giải thích được, đánh giá được.	60%
TỔNG			60%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

7.2 Rubric đánh giá bài tập cá nhân (bảng 2 và bảng 3)

7.3 Rubric đánh giá bài tập nhóm (bảng 4 và bảng 5)

7.4. Rubric đánh giá bài tiểu luận (bảng 6)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Trường

TS. Tạ Văn Thành

BẢNG 2: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP CÁ NHÂN VỀ NHÀ (A1.1)

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Kết cấu và tính logic của bài viết (15%)	• Kết cấu không chặt chẽ. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.	• Kết cấu rõ ràng. • Sự liên kết không chặt chẽ. • Tính logic không cao	• Kết cấu rõ ràng. • Sự liên kết không tốt. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu chặt chẽ. • Có sự liên kết tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu chặt chẽ. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1
Phân dịch ra tiếng Việt (20%)	• Dịch kém, sai lỗi nhiều. • Dịch chưa hết bài viết. • Chưa thể hiện được tinh thần của bài viết.	• Dịch tương chưa tốt. • Dịch chưa hết bài viết. • Thể hiện mức độ bình thường.	• Dịch tương đối tốt. • Dịch tương đối đầy đủ. • Thể hiện được tinh thần của bài viết tương đối tốt.	• Dịch khá tốt. • Dịch đầy đủ bài viết. • Thể hiện được tinh thần của bài viết khá tốt.	• Dịch tốt. • Dịch đầy đủ bài viết. • Thể hiện được tinh thần của bài viết.	
Phân liên hệ thực tế (25%)	• Liên hệ chưa đủ 3 công ty hoặc ngành hàng. • Không có sự đa dạng của các công ty liên hệ. • Chưa sát thực, thông tin không mới mẻ. • Yếu, không cập nhật.	• Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. • Mức độ đa dạng của các công ty không cao. • Chưa sát thực, thông tin ít mới mẻ. • Không cập nhật.	• Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. • Mức độ đa dạng của các công ty cao. • Chưa sát thực, thông tin ít mới mẻ. • Tương đối tốt.	• Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. • Mức độ đa dạng của các công ty cao. • Sát thực, thông tin còn mới mẻ. • Tính thời sự khá tốt.	• Liên hệ được ít nhất 3 công ty hoặc ngành hàng. • Mức độ đa dạng của các công ty cao. • Sát thực, thông tin còn mới mẻ. • Tính thời sự cao.	
Phân rút ra bài học (25%)	• Bài học không sát với chủ đề và nội dung của case study. • Ít phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi không cao để áp dụng được vào thực	• Bài học tương đối sát với chủ đề và nội dung của case study. • Tương đối phù hợp với thực tế. • Tương đối dễ áp dụng	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Tương đối phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi tương đối cao để áp dụng được vào	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi tương đối cao để áp dụng được vào thực tế.	• Bài học sát với chủ đề và nội dung của case study. • Phù hợp với thực tế. • Có tính khả thi để áp dụng được vào các công ty.	

	tế.	được vào thực tế.	thực tế.			
Hình Thức (10%)	- Chưa đúng qui định. - Kém thẩm mỹ. - Sai lỗi chính tả > 20 lỗi.	- Theo đúng qui định. - Tính thẩm mỹ bình thường. - Sai lỗi chính tả 15 - 20 lỗi.	- Theo đúng qui định. - Tính thẩm mỹ tương đối cao. - Sai lỗi chính tả 10-15 lỗi.	- Theo đúng qui định. - Có tính thẩm mỹ cao. - Sai lỗi chính tả từ 5-10 lỗi.	- Theo đúng qui định. - Có tính thẩm mỹ cao. - Sai lỗi chính tả dưới 5 lỗi.	
Thời gian nộp (5%)	Chậm hơn 36h so với qui định.	Chậm hơn 24h so với qui định.	Chậm hơn 12h so với qui định.	Chậm hơn 6h so với qui định.	Đúng qui định.	

BẢNG 3: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP CÁ NHÂN TRÊN LỚP (A1.2)

Tiêu chí/ trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ					
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)	
Mức độ đáp ứng yêu cầu về nội dung (80%)	- Trả lời rất tốt yêu cầu đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.	- Trả lời tốt yêu cầu đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá.	- Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề tương đối cao.	- Trả lời được yêu cầu đặt ra. - Tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề bình thường.	- Trả lời yêu cầu đặt ra chưa tốt. - Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.	CLO1.3 CLO2.2 CLO3.2
Hình thức	- Logic, hợp lý. - Dễ đọc.	- Logic, hợp lý. - Dễ đọc.	- Logic, hợp lý. - Khá dễ đọc.	Mức độ logic, hợp lý bình thường.	- Chưa logic, hợp lý. - Khó đọc.	

trình bày (20%)	• Đẹp mắt.	• Khá đẹp mắt.	• Bình thường.	• Không dễ đọc. • Không đẹp mắt.	• Không đẹp mắt.	
--------------------	--	--	--	---	--	--

BẢNG 4: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM – THUYẾT TRÌNH (A1.3)

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Hoạch định được chiến lược Marketing <i>Đánh giá tình hình và hoạch định</i> (20%)	• Chiến lược và kế hoạch không đầy đủ, thiếu logic. • Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng trong thực tiễn cho bài tập như thế nào.	• Thể hiện một số khó khăn trong phân tích, đánh giá thị trường và đối thủ. • Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi tương đối đầy đủ, logic. • Việc sử dụng kiến thức, kỹ năng là rõ ràng nhưng không sâu.	• Áp dụng các kiến thức trong việc phân tích, đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh tương đối tốt. • Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi khá đầy đủ, logic. • Sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng nhưng ít mở rộng.	• Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ khá tốt. • Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi đầy đủ, logic. • Chứng tỏ một sự mở rộng khá tốt kiến thức và kỹ năng.	• Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ tốt. • Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi rất đầy đủ, logic. • Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng và sáng tạo cao.	CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1 CLO2.2 CLO2.3
Hoạch định được chiến lược & kế hoạch marketing <i>Giải quyết</i>	• Sử dụng các giải pháp rất bình thường. • Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra. • Chưa trả lời được đầy đủ các câu hỏi phản biện và chất vấn của các nhóm khác.	• Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. • Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức trung bình. • Trả lời các câu hỏi chất vấn ở mức bình thường.	• Sử dụng các giải pháp tương đối hiệu quả để giải quyết vấn đề đặt ra. • Có kế hoạch hành động và đo lường đánh giá chi tiết. • Trả lời tương đối tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	• Sử dụng các giải pháp có hiệu quả khá tốt để giải quyết vấn đề đặt ra. • Có kế hoạch chi tiết về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. • Trả lời khá tốt các câu hỏi	• Sử dụng các giải pháp có hiệu quả cao để giải quyết vấn đề đặt ra. • Có kế hoạch chi tiết và khả thi về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. • Trả lời tốt các câu hỏi	

vấn đề đặt ra (20%)				phản biện và chất vấn.	phản biện và chất vấn.	
Phối hợp nhóm trong thực hiện bài và thuyết trình (20%)	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp kém.	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm chưa rõ ràng. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm bình thường. - Sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp bình thường.	- Có sự phân công, phối hợp tương đối rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp khá giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	- Có sự phân công và phối hợp rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	- Có sự phân công và phối hợp rất rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp rất tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác rất tốt giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	
Kết cấu và bố cục của bài word & Powerpoint (10%)	- Kết cấu thiếu chặt chẽ. - Bố cục chưa hợp lý. - Thiếu sự liên kết. - Thiếu tính logic.	- Kết cấu không chặt. - Bố cục bình thường. - Sự liên kết không chặt chẽ.	- Kết cấu tương đối chặt. - Bố cục hợp lý. - Sự liên kết chưa tốt. - Tính logic chưa cao.	- Kết cấu khá chặt chẽ. - Bố cục hợp lý. - Có sự liên kết tốt. - Tính logic tương đối cao.	- Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. - Bố cục hợp lý. - Có sự liên kết tốt. - Có tính logic cao.	
Tính sáng tạo (10%)	- Đi theo lối mòn. - Không có phong cách riêng.	- Không có sự sáng tạo. - Có phong cách bình thường.	- Có sự sáng tạo tương đối cao. - Có phong cách riêng. - Sự khác biệt không rõ.	- Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. - Có phong cách sáng tạo riêng. - Có sự khác biệt khá rõ.	- Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. - Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. - Có sự khác biệt rõ ràng.	
Hình Thức – (10%)	- Chưa theo đúng qui định và sai lỗi nhiều. - Thiếu sáng tạo.	- Theo đúng qui định và sai lỗi khá nhiều. - Không có sự kết hợp giữa	- Theo đúng qui định và sai lỗi tương đối ít. - Sự kết hợp không tốt giữa	- Theo đúng qui định và ít sai lỗi. - Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ	- Theo đúng qui định và sai lỗi không đáng kể. - Kết hợp chữ, hình ảnh,	

	- Không có tính thẩm mỹ. - Trình bày kém thuyết phục.	phần chữ, hình ảnh và video. - Không có tính thẩm mỹ. - Trình bày một cách bình thường.	phần chữ, hình ảnh cũng như video. - Tính thẩm mỹ không cao. - Trình bày một cách tương đối thuyết phục.	thị trong trình bày. - Không kết hợp đủ phần chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. - Tính thẩm mỹ không cao.	đồ thị trong trình bày. - Có sự kết hợp chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. - Có tính thẩm mỹ cao.	
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (5%)	- Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. - Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.	- Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. - Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. - Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ.	- Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. - Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác. - Phụ lục và tài liệu tham khảo chưa đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	- Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất - Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, độ tin cậy cao. - Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ.	- Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. - Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. - Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ, đúng.	
Thời gian nộp bài (5%)	Chậm hơn 36h so với qui định.	Chậm hơn 24h so với qui định.	Chậm hơn 12h so với qui định.	Chậm hơn 6h so với qui định.	Đúng qui định.	

BẢNG 5: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM TRÊN LỚP (A1.4)

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ					Learning out come
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)	
Mức độ đáp ứng yêu cầu về	- Đáp ứng rất tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời rất tốt các câu hỏi chất vấn đặt ra.	- Đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời tốt các câu hỏi đặt ra.	- Đáp ứng khá tốt yêu cầu đặt ra. - Trả lời tương đối tốt câu hỏi đặt ra.	- Đáp ứng yêu cầu đặt ra ở mức độ bình thường. - Trả lời các câu hỏi đặt ra bình thường.	- Chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. - Trả lời chưa tốt các câu hỏi đặt ra.	CLO1.1

nội dung (35%)						CLO1.3 CLO2.3 CLO3.2
Mức độ phối hợp trong nhóm (25%)	- Có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	- Có sự phân công rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm tốt.	- Có sự phân công giữa các thành viên trong nhóm. - Mức độ phối hợp giữa các thành viên trong nhóm tương đối tốt.	- Có sự phân công nhưng không rõ ràng giữa các thành viên trong nhóm. - Phối hợp giữa các thành viên trong nhóm bình thường.	- Chưa có sự phân công giữa các thành viên trong nhóm. - Sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm kém.	
Thái độ tham gia (20%)	- Tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận rất sôi nổi trong nhóm.	- Tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận khá sôi nổi trong nhóm.	- Khá tích cực, nhiệt tình. - Thảo luận tương đối sôi nổi trong nhóm.	- Mức độ tích cực, nhiệt tình bình thường. - Thảo luận trong nhóm bình thường.	- Không tích cực, nhiệt tình. - Sự thảo luận trong nhóm kém.	
Hình thức trình bày (15%)	- Logic, hợp lý. - Dễ nhìn, dễ đọc. - Trình bày có tính thuyết phục cao.	- Logic, hợp lý. - Dễ nhìn, dễ đọc. - Trình bày có tính thuyết phục khá.	- Logic, tương đối hợp lý. - Mức độ nhìn và đọc bình thường. - Trình bày có tính thuyết phục bình thường.	- Mức độ logic, hợp lý bình thường. - Mức độ nhìn và đọc bình thường. - Trình bày kém thuyết p	- Mức độ logic, hợp lý kém. - Khó nhìn và khó đọc. - Trình bày kém thuyết phục.	
Thời gian hoàn thành và mức độ sẵn sàng (5%)	- Một trong 3 nhóm đầu tiên xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác rất tích cực.	- Nằm trong số nhóm 4 – 6 xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác tích cực.	- Nằm trong nhóm 7-8 nhóm xung phong. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác khá tích cực.	- Không xung phong nhưng khi yêu cầu sẽ lên trình bày ngay. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác bình thường.	- Không xung phong nhưng khi bị gọi lên thì chậm chạp. - Đặt câu hỏi cho nhóm khác không tích cực.	

BẢNG 6: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ TIÊU LUẬN MÔN HỌC (A2)

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN / TRỌNG SỐ	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ				
	Xuất sắc (9 – 10 đ)	Giỏi (8 - < 9 đ)	Khá (7 - < 8)	Trung bình (5 - < 7)	Kém (0 - < 5)
Kết cấu và bố cục (15%)	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết giữa tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết bình thường. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu rõ ràng. • Bố cục bình thường. • Thiếu sự liên kết.	• Kết cấu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.
Mở rộng kiến thức và kỹ năng (25%)	• Khám phá một lĩnh vực mới rất rõ ràng. • Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. • Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	• Có phát triển sang lĩnh vực mới nhưng chưa rõ ràng. • Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng. • Áp dụng kiến thức thông qua việc tạo ra chiến lược, giải pháp và đánh giá.	• Chưa có sự mở rộng về kiến thức và kỹ năng. • Việc sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng. • Áp dụng các kiến thức trong việc tạo ra và đánh giá tiêu luận của mình.	• Việc sử dụng kiến thức bề mặt là rõ ràng trong việc tự đánh giá. • Thể hiện một số khó khăn trong việc áp dụng kiến thức và đánh giá.	• Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng cho tiêu luận như thế nào.
Giải quyết vấn đề đặt ra (25%)	• Vấn đề đặt ra có tính phức tạp, khó khăn. • Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp và khó thích hợp để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian để hoàn thành tốt tiêu luận.	• Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp, khó khăn. • Sử dụng các giải pháp có mức độ phức tạp vừa phải để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không đầy đủ và nguồn lực, thời gian. • Giải quyết tốt vấn đề	• Vấn đề đặt ra tương đối phức tạp. • Sử dụng các giải pháp có mức độ ít phức tạp để giải quyết vấn đề đặt ra. • Vượt qua được sự khó khăn, phức tạp như số liệu không. • Giải quyết khá tốt vấn đề đặt ra.	• Vấn đề đặt ra có mức độ phức tạp trung bình. • Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. • Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức bình thường.	• Vấn đề đặt ra rất bình thường, không có gì phức tạp. • Sử dụng các giải pháp rất bình thường. • Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra.

	• Giải quyết tốt vấn đề đặt ra.	đặt ra.			
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (10%)	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.
Tính sáng tạo (15%)	• Thể hiện được sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt tương đối rõ.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Đi theo lối mòn • Không có phong cách riêng.
Hình Thức (7%)	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo cao. • Có tính thẩm mỹ cao.	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo khá. • Có tính thẩm mỹ khá cao.	• Theo đúng qui định. • Có sự sáng tạo ít. • Tính thẩm mỹ bình thường.	• Theo đúng qui định. • Thiếu sự sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ.	• Chưa theo đúng qui định. • Thiếu sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ.
Thời gian nộp (3%)	• Đúng qui định.	Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 48h so với qui định.	• Chậm hơn 72h so với qui định.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Truyền thông marketing tích hợp
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Intergrated Marketing Communication
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	22,5
- Bài tập, thảo luận:	22,5
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị Marketing / Khoa Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị Marketing
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Truyền thông marketing là một bộ phận quan trọng trong chiến lược marketing, đang phát triển rất nhanh cùng với sự bùng nổ của các phương tiện truyền thông, internet trong quá trình toàn cầu hóa. Môn học nhằm giúp học viên hiểu quá trình phát triển chiến lược và kế hoạch truyền thông marketing cho một sản phẩm hoặc một dịch vụ, kết hợp giữa các phương thức: quảng cáo, bán hàng, khuyến mãi, quan hệ công chúng (PR), và marketing trực tiếp với chiến lược của công ty, trên cơ sở đó điều tra nghiên cứu các kiến thức mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Giúp học viên nắm vững những nội dung chủ yếu của môn học liên quan đến việc xác định mục tiêu; dự đoán nhu cầu marketing và nhu cầu truyền thông; xác định thông điệp chiến lược, lập kế hoạch marketing – truyền thông; thực thi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chiến lược và kế hoạch truyền thông tiếp thị. Nghiên cứu đưa ra các kiến thức mới.

❖ Về kỹ năng:

Học viên có khả năng điều tra, tổng hợp, phân tích để đưa ra các giải pháp về quản trị một cách khoa học. Học viên biết lập kế hoạch và triển khai hoạt động Truyền thông Marketing tích hợp cho sản phẩm, doanh nghiệp.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Ý thức được vấn đề đạo đức và trách nhiệm của người làm marketing khi triển khai các chương trình truyền thông marketing. Đề xuất cải tiến hoạt động chuyên môn.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Phân tích và so sánh các lý thuyết, quan điểm, triết lý, phương thức, tầm quan trọng của Truyền thông marketing tích hợp với doanh nghiệp trong nền kinh tế trong bối cảnh phức tạp và thay đổi liên tục hiện nay
CLO2	Giúp học viên giải thích được các khái niệm và các lý thuyết quan trọng liên quan đến Truyền thông marketing tích hợp. Từ đó điều tra nghiên cứu các kiến thức mới.
CLO3	Nắm vững các kiến thức về nghiên cứu marketing và hành vi khách hàng trong môi trường điện tử, các khái niệm căn bản về phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường trong môi trường kinh doanh trực tuyến, chiến lược định vị và khác biệt hóa, các chính xác marketing hỗn hợp và CRM
Về kỹ năng	
CLO4	Tổ chức và hoạch định một chương trình Truyền thông marketing tích hợp, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động IMC của doanh nghiệp, quản trị một cách khoa học.
CLO5	Nhận biết và mô tả được các loại hình Truyền thông marketing tích hợp. Đúc kết các kinh nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu sâu.
CLO6	Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong hoạt động IMC. Áp dụng được kiến thức vào trường hợp trong các ngữ cảnh khác nhau
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Năng lực tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới liên quan đến các chương trình Truyền thông marketing tích hợp.
CLO8	Tích cực đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động IMC
CLO9	Duy trì đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động quản trị IMC

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M	I								
CLO 2		M								
CLO 3			M							
CLO 4				R						
CLO 5					R					
CLO 6						M				
CLO 7							R	M		
CLO 8								M		R
CLO 9									R	
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	R	M	R	M	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Buổi 1	Chương 1. Tổng quan về truyền thông marketing tích hợp 1.1. Khái niệm và vai trò của truyền thông Marketing tích hợp 1.1.1. Khái niệm truyền thông marketing tích hợp 1.1.2. Nguyên nhân hình thành, phát triển truyền thông marketing tích hợp 1.1.3. Vai trò của truyền thông marketing tích hợp 1.1.4. Truyền thông marketing tích hợp trong truyền thông thương hiệu	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	1.2. Các công cụ cơ bản của truyền thông marketing tích hợp 1.2.1. Quảng cáo 1.2.2. Marketing trực tiếp 1.2.3. Xúc tiến bán 1.2.4. Quan hệ công chúng 1.2.5. Bán hàng cá nhân 1.2.6. Marketing trực tuyến							
Buổi 2	Chương 1. Tổng quan về truyền thông marketing tích hợp (TT) 1.3. Quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing tích hợp 1.3.1. Xem xét các kế hoạch marketing 1.3.2. Phân tích tình huống chương trình truyền thông 1.3.3. Phân tích quy trình truyền thông 1.3.4. Thiết lập mục tiêu và ngân sách truyền thông 1.3.5. Phát triển chương trình truyền thông marketing tích hợp 1.3.6. Giám sát, đánh giá, kiểm soát chương trình truyền thông marketing tích hợp	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận		
Buổi 3	Chương 2: Phân tích tình huống truyền	2,0	2,0		8,0			

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	thông marketing tích hợp 2.1. Tổ chức hoạt động truyền thông marketing: vai trò của các đại lý và các tổ chức truyền thông marketing khác 2.1.1. Các tổ chức tham gia vào hoạt động truyền thông marketing 2.1.2. Các mô hình tổ chức hoạt động truyền thông trong doanh nghiệp 2.1.3. Công ty (đại lý) truyền thông marketing 2.2. Phản ứng của người tiêu dùng trong truyền thông marketing tích hợp 2.2.1. Quy trình quyết định mua của người tiêu dùng 2.2.2. Các yếu tố môi trường tác động đến hành vi người tiêu dùng 2.2.3. Các tiếp cận về hành vi người tiêu dùng					Thuyết giảng, thảo luận		
Buổi 4	Chương 3: Phân tích quy trình truyền thông 3.1. Quy trình truyền thông 3.1.1. Bản chất của truyền thông 3.1.2. Mô hình truyền	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	thông cơ bản 3.1.3. Phân tích công chúng mục tiêu 3.1.4. Quy trình phản ứng đáp lại 3.1.5. Quy trình nhận thức truyền thông 3.2. Các yếu tố về nguồn phát, thông điệp và kênh truyền thông 3.2.1. Kế hoạch truyền thông thông qua ma trận thuyết phục 3.2.2. Các yếu tố nguồn phát 3.2.3. Thông điệp truyền thông 3.2.4. Kênh truyền thông							
Buổi 5	Chương 4: Mục tiêu và ngân sách truyền thông marketing 4.1. Thiết lập mục tiêu truyền thông marketing 4.1.1. Yêu cầu khi thiết lập các mục tiêu truyền thông 4.1.2. Mục tiêu IMC trong mối quan hệ với mục tiêu marketing và mục tiêu bán hàng 4.1.3. Thiết lập mục tiêu theo mô hình DAGMAR	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		
Buổi 6	Chương 4: Mục tiêu và ngân sách truyền thông marketing (TT) 4.2. Thiết lập và phân bổ	2,0	2,0		8,0			

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	ngân sách truyền thông marketing 4.2.1. Xác định ngân sách truyền thông theo lý thuyết 4.2.2. Xác định ngân sách truyền thông theo thực tế 4.2.3. Phương pháp xác định theo tỷ lệ doanh số bán 4.2.4. Phương pháp cân bằng cạnh tranh 4.2.5. Phương pháp căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ 4.2.6. Phương pháp chi theo khả năng 4.2.7. Xác lập ngân sách cho các thành tố của hỗn hợp truyền thông 4.3. Phân bổ ngân sách 4.3.1. Dựa vào các chính sách của khách hàng/công ty truyền thông 4.3.2. Dựa vào quy mô thị trường 4.3.3. Dựa vào mục tiêu thị phần 4.3.4. Dựa vào tính kinh tế theo quy mô trong quảng cáo 4.3.5. Dựa vào đặc điểm của tổ chức					Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Buổi 7	Chương 5: Phát triển chương trình truyền thông marketing tích hợp 5.1. Sáng tạo trong truyền thông marketing 5.1.1. Chiến lược sáng tạo trong truyền thông marketing. 5.1.2. Triển khai và đánh giá chiến lược sáng tạo 5.1.3. Chiến thuật sáng tạo trên các phương tiện truyền thông 5.1.4. Đánh giá và chấp nhận của công chúng về thông điệp sáng tạo 5.2. Hoạch định chiến lược sử dụng các phương tiện truyền thông 5.2.1. Hoạch định phương tiện truyền thông 5.2.2. Phát triển và triển khai các chiến lược phương tiện truyền thông 5.2.3. Đánh giá và theo dõi 5.3. Các phương tiện truyền thông 5.3.1. Phương tiện truyền hình và phát thanh 5.3.2. Phương tiện tạp chí và báo viết	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	5.3.3. Truyền thông trực tuyến trên internet và qua phương tiện truyền thông xã hội, phương tiện truyền thông số 5.3.4. Các phương tiện khác							
Buổi 8	Chương 6: Các công cụ truyền thông trong hoạt động truyền thông marketing tích hợp 6.1. Marketing trực tiếp 6.1.1. Khái niệm, vai trò marketing trực tiếp trong chương trình marketing tích hợp 6.1.2. Mục tiêu của marketing trực tiếp 6.1.3. Đặc điểm markerting trực tiếp 6.2. Bán hàng cá nhân 6.2.1. Khái niệm và vai trò, đặc trưng bán hàng cá nhân 6.2.2. Tích hợp bán hàng cá nhân với các công cụ truyền thông marketing khác	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		
Buổi 9	Chương 6: Các công cụ truyền thông trong hoạt động truyền thông marketing tích hợp (TT) 6.3. Xúc tiến bán 6.3.1. Bản chất và vai trò xúc tiến bán 6.3.2. Những nhân tố	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng,		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	thúc đẩy hoạt động xúc tiến bán hàng ngày càng phát triển 6.3.3. Xúc tiến bán định hướng khách hàng 6.3.4. Xúc tiến bán định hướng thương mại 6.3.5. Tích hợp xúc tiến bán với quảng cáo và các công cụ truyền thông marketing khác 6.4. Quan hệ công chúng 6.4.1. Khái niệm, vai trò và đặc điểm của quan hệ công chúng 6.4.2. Các công cụ của quan hệ công chúng 6.4.3. Quy trình quan hệ công chúng 6.5. Quảng cáo 6.5.1. Khái niệm và chức năng của quảng cáo 6.5.2. Quy trình quản trị hoạt động quảng cáo 6.5.3. Tích hợp quảng cáo với các công cụ truyền thông marketing khác					thảo luận, thuyết trình nhóm		
Buổi 10	Chương 7: Giám sát, đánh giá, kiểm soát chương trình truyền thông marketing tích hợp 7.1. Ý nghĩa, đặc trưng của hoạt động đánh giá hiệu quả truyền thông 7.1.1. Ý nghĩa của hoạt	2,0	2,0		8,0	Thuyết giảng,		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	động đánh giá hiệu quả truyền thông 7.1.2. Đặc trưng của hoạt động đánh giá hiệu quả truyền thông 7.2. Quy trình đánh giá hiệu quả truyền thông 7.2.1. Xem xét kế hoạch và mục tiêu marketing 7.2.2. Xác định các chỉ tiêu đánh giá 7.2.3. Các yếu tố của hệ thống đánh giá hiệu quả 7.2.4. Xác định và phân bổ ngân sách đánh giá 7.2.5. So sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu đánh giá 7.2.6. Điều chỉnh hoạt động truyền thông					thảo luận, thuyết trình nhóm		
Buổi 11	Chương 8: Khía cạnh xã hội, đạo đức và pháp lý đối với hoạt động truyền thông 8.1. Khía cạnh xã hội trong hoạt động truyền thông marketing 8.1.1. Truyền tải kiến thức tới người tiêu dùng 8.1.2. Nâng cao điều kiện sống 8.1.3. Ảnh hưởng tới phương tiện truyền thông đại chúng 8.1.4. Ảnh hưởng tới hình ảnh của doanh	2,5	2,5		10,0	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình nhóm		

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	nghiệp 8.2. Khía cạnh đạo đức trong hoạt động truyền thông marketing 8.2.1. Sự thật trong hoạt động truyền thông marketing 8.2.2. Quảng cáo sai sự thật 8.2.3. Truyền thông marketing tác động tới hành vi của trẻ em 8.2.4. Hoạt động truyền thông marketing với trách nhiệm xã hội 8.2.5. Hoạt động truyền thông marketing với giới tính và bạo lực 8.3. Khía cạnh pháp luật của hoạt động truyền thông marketing 8.3.1. Cơ chế tổ chức hoạt động truyền thông marketing 8.3.2. Một số quy định đối với hoạt động truyền thông marketing							
Tổng		22,5 Giờ	22,5 Giờ		90,0 Giờ			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng,	X	X	X	X	X	X	X	X	X

nêu vấn đề									
Mind map, Case study	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

Bài giảng

- Bài giảng Truyền thông marketing tích hợp của giảng viên.

Giáo trình

- George Belch, Michael Belch, Advertising and Promotion: An Integrated Marketing Communications Perspective (8th edition), McGraw-Hill, 2017.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- William Chitty , Nigel Barker, Terence A. Shimp, Integrated Marketing Communication (2th edition), Thomas Nelson Australia, 2008.
- Terence A. Shimp, Advertising, Promotion and others aspects of Integrated Marketing Communications (8th edition), South-Western, a part of Cengage Learning, 2010.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần, bài tập cá nhân	Đi học đủ, tích cực tham gia hoạt động tương tác trao đổi trong lớp. Kiểm tra bài cá nhân 2-3 lần	Điểm danh, 2-3 lần	10%
2	Bài tập NHÓM	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	30%
	TỔNG			40%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
----------------------	-------	-----------------------	--------------------------

BÀI THI TỰ LUẬN Bài thi 90 phút, bao gồm 2 câu hỏi vận dụng lý thuyết vào tình huống thực tế. <i>(câu hỏi mở, được sử dụng tài liệu)</i> hoặc BÀI TIỂU LUẬN NHÓM	- Đánh giá về kiến thức:	Hiểu, giải thích được, đánh giá được	24%
	- Đánh giá về kỹ năng:	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	36%
TỔNG			60%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

7.2 Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Đạt	Không đạt
Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

7.3 Rubric đánh giá bài tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên. 2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng. 3.Sự đóng góp của	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên 2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng. 3.Sự đóng góp của	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2.Sự đóng góp của mỗi thành viên không được	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo. 2.Các nỗ lực đóng

mỗi thành viên được xác định.	mỗi thành viên được xác định.	xác định.	góp dàn trải.
4.Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực.	4.Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực.	3.Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực	3.Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực
5.Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn.	5.Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn.	4.Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc.	4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn
6.Nộp đúng quy định.	6.Nộp đúng quy định.	5.Nộp trễ hạn 3 ngày.	

7.4 Rubric đánh giá bài tập nhóm (bảng 7.4)

7.5 Rubric đánh giá bài thi tự luận (bảng 7.5)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Trường

TS. Tạ Văn Thành

BẢNG 7.4: Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning outcome
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Xây dựng một chiến lược và kế hoạch Truyền thông marketing tích hợp - <i>Đánh giá tình hình và hoạch định</i> (20%)	- Chiến lược và kế hoạch không đầy đủ, thiếu logic. - Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng trong thực tiễn cho bài tập như thế nào.	- Thể hiện một số khó khăn trong phân tích, đánh giá thị trường và đối thủ. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi tương đối đầy đủ, logic. - Việc sử dụng kiến thức, kỹ năng là rõ ràng nhưng không sâu.	- Áp dụng các kiến thức trong việc phân tích, đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh tương đối tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi khá đầy đủ, logic. - Sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng nhưng ít mở rộng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ khá tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng khá tốt kiến thức và kỹ năng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi rất đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng và sáng tạo cao.	CLO4 CLO5 CLO6
Hoạch định được chiến lược & kế hoạch Truyền thông marketing tích hợp - <i>Giải quyết vấn đề đặt ra</i> (20%)	- Ý tưởng mới rất bình thường, đơn giản, không khác biệt. - Sử dụng các giải pháp rất bình thường. - Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra. - Chưa trả lời được đầy đủ các câu hỏi phản biện và chất vấn của các nhóm khác.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo trung bình. - Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức trung bình. - Trả lời các câu hỏi chất vấn ở mức bình thường.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo tương đối. - Sử dụng các giải pháp tương đối hiệu quả để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch hành động và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tương đối tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo khá cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả khá tốt để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời khá tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả cao để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết và khả thi về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	CLO4 CLO5 CLO6
Phối hợp nhóm trong thực hiện bài và thuyết trình (20%)	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự tương tác khá giữa các	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm chưa rõ ràng. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm bình thường. - Sự tương tác khá giữa các	- Có sự phân công, phối hợp tương đối rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp khá giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với	- Có sự phân công và phối hợp rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác tốt giữa các thành viên nhóm với	- Có sự phân công và phối hợp rất rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp rất tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác rất tốt	CLO5 CLO6

	thành viên nhóm với nhau và với lớp kém.	thành viên nhóm với nhau và với lớp bình thường.	nhau và với lớp.	nhau và với lớp.	giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	
Kết cấu và bố cục của bài word & Powerpoint (10%)	• Kết cấu thiếu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.	• Kết cấu không chặt. • Bố cục bình thường. • Sự liên kết không chặt chẽ.	• Kết cấu tương đối chặt. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết chưa tốt. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu khá chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	CLO4 CLO5 CLO6
Tính sáng tạo (10%)	• Đi theo lối mòn. • Không có phong cách riêng.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt khá rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ ràng.	CLO5 CLO6
Hình Thức – (10%)	• Chưa theo đúng qui định và sai lỗi nhiều. • Thiếu sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày kém thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi khá nhiều. • Không có sự kết hợp giữa phần chữ, hình ảnh và video. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày một cách bình thường.	• Theo đúng qui định và sai lỗi tương đối ít. • Sự kết hợp không tốt giữa phần chữ, hình ảnh cũng như video. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày một cách tương đối thuyết phục.	• Theo đúng qui định và ít sai lỗi. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Không kết hợp đủ phần chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày khá thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi không đáng kể. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Có sự kết hợp chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Có tính thẩm mỹ cao. • Trình bày rất thuyết phục.	CLO6
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (5%)	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ.	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác. • Phụ lục và tài liệu tham khảo chưa đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ, đúng.	CLO4 CLO5 CLO6
Thời gian nộp bài (5%)	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 12h so với qui định.	• Chậm hơn 6h so với qui định.	• Đúng qui định.	CLO7

BẢNG 7.5: Rubric đánh giá bài thi tự luận

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Đáp ứng yêu cầu nội dung về kiến thức, kỹ năng và thái độ (90%)	- Chưa hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. - Trả lời còn nhiều sai sót. - Mức độ đáp ứng yêu cầu đặt ra chưa tốt. - Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.	- Hoàn thành được trên 50% yêu cầu đặt ra. - Trả lời đúng kết quả, sai sót không nhiều. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề bình thường.	- Hoàn thành gần hết các câu hỏi đặt ra. - Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề tương đối cao.	- Hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá cao.	- Hoàn thành rất tốt yêu cầu đặt ra. - Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Hình thức trình bày (10%)	- Chưa logic, hợp lý. - Khó đọc. - Không đẹp mắt.	- Mức độ logic, hợp lý bình thường. - Không dễ đọc. - Không đẹp mắt.	- Logic, hợp lý. - Khá dễ đọc. - Bình thường.	- Logic, hợp lý. - Dễ đọc. - Khá đẹp mắt.	- Logic, hợp lý. - Dễ đọc. - Đẹp mắt.	CLO7 CLO8

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị khủng hoảng truyền thông
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Crisis Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	21
- Bài tập, thảo luận:	13
- Thực hành:	11
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị Marketing / Khoa Marketing
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị Marketing, Truyền thông marketing tích hợp
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần này giúp người học có thể đạt được các mục tiêu sau:

- Nhận thức được tầm quan trọng của Quản trị khủng hoảng trong truyền thông.
- Giải thích và phân biệt được các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến khủng hoảng truyền thông quản trị khủng hoảng truyền thông.
- Có những hiểu biết sâu sắc và các phương pháp tiếp cận để nhận diện khủng hoảng truyền thông.
- Có thể đề xuất các hướng giải quyết và phương pháp quản trị trong giai đoạn khủng hoảng và hậu khủng hoảng.

Biết cách xây dựng bản kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông và kế hoạch marketing để khôi phục hình ảnh thương hiệu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Người học có thể giải thích và phân loại các thuật ngữ và các khái niệm về khủng hoảng truyền thông và quản trị khủng hoảng truyền thông.
- Mô tả quá trình quản trị khủng hoảng
- Hiểu được cách thiết kế kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông; Mô tả nội dung của một bản kế hoạch xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Có sự hiểu biết sâu sắc cơ sở lý thuyết để dự đoán các cuộc khủng hoảng tiềm ẩn và phát triển các phương pháp tránh hoặc giảm thiểu thiệt hại vận dụng trong thực tiễn.

❖ Về kỹ năng:

- Có khả năng phân tích và đánh giá được tác động của các cuộc khủng hoảng lên cộng đồng, về tổ chức và các bên liên quan của nó.
- Có khả năng thiết kế Bản kế hoạch giải quyết khủng hoảng truyền thông (crisis communication plan -CCP)
- Có năng lực vận dụng các phương pháp chẩn đoán và giải quyết các tình huống khủng hoảng.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Phát triển thái độ tích cực và trách nhiệm trong việc giải quyết khủng hoảng truyền thông.
- Nhận thức được đạo đức trong quản trị khủng hoảng truyền thông.
- Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình học tập

- **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:**

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Đối chiếu các kiến thức sâu rộng của ngành với các kiến thức thực tế tại doanh nghiệp và tổ chức về quản trị khủng hoảng truyền thông.
CLO2	Đánh giá và tranh luận các vấn đề chuyên sâu lĩnh vực quản trị khủng hoảng từ đó điều tra và nghiên cứu các kiến thức mới.
CLO3	Hoạch định chiến lược và chính sách quản trị khủng hoảng truyền thông cho các tổ chức và doanh nghiệp.
Về kỹ năng	
CLO4	Phân tích, tổng hợp dữ liệu và thông tin để đưa ra các giải pháp về quản trị khủng hoảng truyền thông một cách khoa học
CLO5	Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học về quản trị khủng hoảng.
CLO6	Nghiên cứu phát triển và sử dụng khoa học công nghệ một cách sáng tạo trong

	lĩnh vực giải quyết khủng hoảng truyền thông (crisis communication plan -CCP)
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO7	Tự nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong lĩnh vực giải quyết khủng hoảng truyền thông.
CLO8	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực về quản trị khủng hoảng.
CLO9	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị khủng hoảng truyền thông.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu*
- *A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.*

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I								
CLO 2	R			R		R				
CLO 3	R			M						
CLO 4	R		R	M						
CLO 5	R			M		R				
CLO 6				M		M				
CLO 7					M					
CLO 8						R		R		
CLO 9						R				
Tổng hợp học phần	R	I	R	M	M	R		R		

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian Buổi (4 tiết)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học		Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn	Ghi chú
		Giờ lên lớp	Tự học, tự nghiên cứu			

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng			bị trước khi đến lớp	
1	Chương 1: Khái quát chung về khủng hoảng truyền thông 1.1 Khủng hoảng truyền thông Khái niệm khủng hoảng truyền thông Phân loại khủng hoảng 1.2 Quản trị khủng hoảng truyền thông: - Khái niệm quản trị khủng hoảng - Tầm quan trọng của quản trị khủng hoảng - Vai trò của quan hệ công chúng trong quản trị khủng hoảng	2	1	1	- W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: Chapter 1 - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u> : Chapter1, 2			
2	Chương 1: Khái quát chung về khủng hoảng truyền thông (tiếp) 1.3 Mô hình quản trị khủng hoảng truyền thông 1.4 Ảnh hưởng của môi trường trực tuyến đến khủng hoảng và	2	1	1	- W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: Chapter 1,2 - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective Crisis</u>			

	quản trị khủng hoảng.				<u>Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u>			
3	Chương 2: Các chức năng quản lý chủ động và quản trị khủng hoảng 2.1 Các chức năng quản lý chủ động - Quản lý vấn đề - Quản lý danh tiếng - Quản lý rủi ro 2.2 Môi trường quan giữa các chức năng quản lý chủ động	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng: - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: chapter 3 - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u>			
4	Chương 3: Nhận diện khủng hoảng (How To Identify a Crisis) 3.1 Nhận diện những mối nguy hiểm tiềm tàng: - Nguồn gốc khủng hoảng tiềm tàng - Nhận diện những khủng hoảng có khả năng xảy ra 3.2 Các dấu hiệu cảnh báo về khủng hoảng sắp xảy ra 3.3 Khủng hoảng và nhu cầu thông tin - Tập hợp thông tin - Xử lý thông tin - Các khó khăn và	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng Ch. 1 (p. 13), ch.5 (97) - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: Ch. 4			

	sai lầm trong xử lý thông tin 3.4 Ngăn ngừa khủng hoảng (Crisis prevention)							
5	Chương 4: Chuẩn bị cho khủng hoảng (Crisis preparation) 4.1 Lỗi hổng chẩn đoán 4.2 Đánh giá các loại khủng hoảng 4.3 Chọn và huấn luyện nhóm quản trị khủng hoảng: - Nhóm chức năng - Phân tích công việc - Ra quyết định nhóm - Làm việc nhóm - Viết bản kế hoạch quản trị khủng hoảng - Lắng nghe - Triển khai lựa chọn nhóm quản trị khủng hoảng 4.4 Lựa chọn và huấn luyện người phát ngôn	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: ch.5 - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u>			
6	Chương 4: Chuẩn bị cho khủng hoảng (Crisis preparation) (tiếp theo) 4.5 Xây dựng kế hoạch quản trị khủng hoảng truyền thông (crisis management plan CMP)	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: ch.6			

	4.6 Đánh giá và rà soát hệ thống truyền thông khủng hoảng: - Hệ thống cảnh báo (notification) - Trung tâm kiểm soát khủng hoảng - Mạng truyền thông nội bộ và internet 4.7 Xác định các bên liên quan và công tác chuẩn bị							
7	Chương 5: Xử lý khủng hoảng (Crisis response) 5.1 Xác nhận khủng hoảng 5.2 Các hình thức xử lý khủng hoảng ch.8 5.3 Nội dung xử lý khủng hoảng: - Cấu trúc thông tin - Điều chỉnh thông tin - Quản trị danh tiếng	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng: Ch.6 (113) - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding ch.7, ch.8			
8	Chương 5: Xử lý khủng hoảng (Crisis response) tiếp 5.5 Chiến lược xử lý khủng hoảng: -Đánh giá các nguy cơ -Ảnh hưởng của niềm tin và danh tiếng trước đây đối với chiến lược đối phó khủng hoảng -Lập hồ sơ hành	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng: Ch.6 (113) - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: Ch.8 - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective</u>			

	động: • Mục tiêu • Xác định những hoạt động cần phải thực hiện: • Giải pháp tình thế • Phục hồi danh tiếng • Định hướng hành vi • Thiết kế thông điệp • Lựa chọn kênh truyền thông: • Truyền thông với các nhóm liên quan khác nhau • Giám sát quá trình truyền thông • Quản trị quan hệ với giới truyền thông 5.5 Các vấn đề đạo đức: - Vấn đề đạo đức - Các giá trị - Trách nhiệm và trách nhiệm giải trình				<u>Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u>			
9	Chương 6 Thiết kế thông điệp (Creating a key message) 6.1 Khái niệm Thông điệp truyền thông - Khái niệm - Sự cần thiết phải thiết kế thông điệp truyền thông - Yêu cầu: Nhanh	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng: ch.7 (134) - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding: Ch.8 - Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả,			

	chống, chính xác và nhất quán 6.2 Thiết kế thông điệp truyền thông 6.3 Chọn Kênh truyền thông - Công cụ truyền thông truyền thống - Công cụ truyền thông trực tuyến - Quản trị Trợ giúp Truyền đạt Thông điệp Chân thành 6.4 Người phát ngôn				chương 6, (trang 145)			
10	Chương 7: Giải quyết Hậu khủng hoảng (Post crisis Concerns) 7.1 Đánh giá hậu quả khủng hoảng 7.2 Ghi nhận và rút kinh nghiệm 7.3 Thiết kế và triển khai các hoạt động hậu khủng hoảng	2	1	1	- Tủ sách Harvard, 2017, Quản lý Khủng hoảng - W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding - Robert R. Ulmer Paperback, 2015 <u>Effective Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity</u>			
11	Báo cáo thuyết trình nhóm Tổng kết học phần	1	3	1				
TỔNG CỘNG		21	13	11	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
Thuyết giảng, nêu vấn đề	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Mind map, Case study	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

Bài giảng

- Bài giảng Quản trị khủng hoảng truyền thông của giảng viên.

Giáo trình

- Tủ sách Harvard, 2017 (tái bản), Quản lý Khủng hoảng, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- W. Timothy Coombs, 2014, Ongoing Crisis Communication: Planning, Managing, and Responding, SAGE Publications, Inc
- Timothy Coombs, 2014, Applied Crisis Communication and Crisis Management: Cases and Exercises, SAGE Publications, Inc
- Anne Gregory, Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả, 2017 (tái bản), Nhà Xuất bản Trẻ TP.HCM
- Robert R. Ulmer Paperback, 2015 Effective Crisis Communication: Moving From Crisis to Opportunity, SAGE Publications, Inc

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Chuyên cần, bài tập cá nhân	Đi học đủ, tích cực tham gia hoạt động tương tác trao đổi trong lớp. Kiểm tra bài cá nhân 2-3 lần	Điểm danh, 2-3 lần	25%

2	Bài tập NHÓM	1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	15%
	TỔNG			40%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN Bài thi 90 phút, bao gồm 2 câu hỏi vận dụng lý thuyết vào tình huống thực tế. <i>(câu hỏi mở, được sử dụng tài liệu)</i> hoặc BÀI TIỂU LUẬN NHÓM	- Đánh giá về kiến thức:	Hiểu, giải thích được, đánh giá được	24%
	- Đánh giá về kỹ năng:	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	36%
TỔNG			60%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

7.2 Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Đạt	Không đạt
Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài tập tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

7.3 Rubric đánh giá bài tiểu luận nhóm

10-8 điểm	7-6 điểm	6-5 điểm	Không đạt
-----------	----------	----------	-----------

1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên.	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ đồng đều giữa các thành viên	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo.	1.Khối lượng công việc và các nhiệm vụ liên quan được phân bổ không đồng đều giữa các thành viên hoặc ít nhất một thành viên được giao cho những nhiệm vụ đơn giản như viết báo cáo.
2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau là rõ ràng.	2.Vai trò lãnh đạo được đảm nhận bởi mỗi thành viên cho các nhiệm vụ khác nhau không rõ ràng.	2.Sự đóng góp của mỗi thành viên không được xác định.	2.Các nỗ lực đóng góp dàn trải.
3.Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định.	3.Sự đóng góp của mỗi thành viên được xác định.	3.Trình bày khá, kết cấu chưa chuẩn mực	3.Trình bày chưa tốt, kết cấu chưa chuẩn mực
4.Trình bày đẹp, kết cấu chuẩn mực.	4.Trình bày khá, kết cấu chuẩn mực.	4.Nội dung trung bình, chưa có sự liên hệ thực tiễn sâu sắc.	4. Nội dung không đầy đủ về lý thuyết lẫn thực tiễn
5.Nội dung đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn.	5.Nội dung khá đầy đủ về lý thuyết và thực tiễn.	5.Nộp trễ hạn 3 ngày.	
6.Nộp đúng quy định.	6.Nộp đúng quy định.		

7.4 Rubric đánh giá bài tập nhóm (bảng 7.4)

7.5 Rubric đánh giá bài thi tự luận (bảng 7.5)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 202

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Trường TS. Nguyễn Thành Nam

BẢNG 7.4: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Xây dựng một chiến lược và kế hoạch marketing kỹ thuật số - <i>Đánh giá tình hình và hoạch định</i> (20%)	- Chiến lược và kế hoạch không đầy đủ, thiếu logic. - Không mở rộng được kiến thức, chứng tỏ học vẹt / hoặc ít hoặc không có sự hiểu biết về nội dung kiến thức áp dụng trong thực tiễn cho bài tập như thế nào.	- Thể hiện một số khó khăn trong phân tích, đánh giá thị trường và đối thủ. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi tương đối đầy đủ, logic. - Việc sử dụng kiến thức, kỹ năng là rõ ràng nhưng không sâu.	- Áp dụng các kiến thức trong việc phân tích, đánh giá thị trường, đối thủ cạnh tranh tương đối tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi khá đầy đủ, logic. - Sử dụng các kiến thức tổng quát là rõ ràng nhưng ít mở rộng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ khá tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng khá tốt kiến thức và kỹ năng.	- Áp dụng kiến thức, kỹ năng để phân tích, đánh giá môi trường, thị trường, đối thủ và nội bộ tốt. - Hoạch định được chiến lược và kế hoạch thực thi rất đầy đủ, logic. - Chứng tỏ một sự mở rộng kiến thức và kỹ năng và sáng tạo cao.	CLO3 CLO4 CLO5
Hoạch định được chiến lược & kế hoạch marketing kỹ thuật số - <i>Giải quyết vấn đề đặt ra</i> (20%)	- Ý tưởng mới rất bình thường, đơn giản, không khác biệt. - Sử dụng các giải pháp rất bình thường. - Chưa giải quyết chưa được vấn đề đặt ra. - Chưa trả lời được đầy đủ các câu hỏi phản biện và chất vấn của các nhóm khác.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo trung bình. - Sử dụng các giải pháp có mức độ đơn giản để giải quyết vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề đặt ra ở mức trung bình. - Trả lời các câu hỏi chất vấn ở mức bình thường.	- Ý tưởng mới phát triển ra có mức độ độc đáo tương đối. - Sử dụng các giải pháp tương đối hiệu quả để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch hành động và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tương đối tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo khá cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả khá tốt để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời khá tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	- Ý tưởng mới phát triển ra có độ độc đáo cao. - Sử dụng các giải pháp có hiệu quả cao để giải quyết vấn đề đặt ra. - Có kế hoạch chi tiết và khả thi về con người, nguồn lực, thời gian và đo lường đánh giá chi tiết. - Trả lời tốt các câu hỏi phản biện và chất vấn.	CLO3 CLO4 CLO5
Phối hợp nhóm trong thực hiện bài và thuyết trình (20%)	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm không tốt. - Sự tương tác khá giữa các	- Sự phân công, phối hợp giữa các thành viên nhóm chưa rõ ràng. - Sự phối hợp giữa các thành viên nhóm bình thường. - Sự tương tác khá giữa các	- Có sự phân công, phối hợp tương đối rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp khá giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác khá giữa các thành viên nhóm với	- Có sự phân công và phối hợp rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác tốt giữa các thành viên nhóm với	- Có sự phân công và phối hợp rất rõ ràng giữa các thành viên nhóm. - Có sự phối hợp rất tốt giữa các thành viên nhóm. - Có sự tương tác rất tốt	CLO4 CLO5

	thành viên nhóm với nhau và với lớp kém.	thành viên nhóm với nhau và với lớp bình thường.	nhau và với lớp.	nhau và với lớp.	giữa các thành viên nhóm với nhau và với lớp.	
Kết cấu và bố cục của bài word & Powerpoint (10%)	• Kết cấu thiếu chặt chẽ. • Bố cục chưa hợp lý. • Thiếu sự liên kết. • Thiếu tính logic.	• Kết cấu không chặt. • Bố cục bình thường. • Sự liên kết không chặt chẽ.	• Kết cấu tương đối chặt. • Bố cục hợp lý. • Sự liên kết chưa tốt. • Tính logic chưa cao.	• Kết cấu khá chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Tính logic tương đối cao.	• Kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. • Bố cục hợp lý. • Có sự liên kết tốt. • Có tính logic cao.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO7
Tính sáng tạo (10%)	• Đi theo lối mòn. • Không có phong cách riêng.	• Không có sự sáng tạo. • Có phong cách bình thường.	• Có sự sáng tạo tương đối cao. • Có phong cách riêng. • Sự khác biệt không rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt khá rõ.	• Có sự sáng tạo cao trong việc đề xuất chiến lược và các giải pháp. • Có phong cách độc đáo, sáng tạo riêng. • Có sự khác biệt rõ ràng.	CLO4 CLO5 CLO7
Hình Thức – (10%)	• Chưa theo đúng qui định và sai lỗi nhiều. • Thiếu sáng tạo. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày kém thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi khá nhiều. • Không có sự kết hợp giữa phần chữ, hình ảnh và video. • Không có tính thẩm mỹ. • Trình bày một cách bình thường.	• Theo đúng qui định và sai lỗi tương đối ít. • Sự kết hợp không tốt giữa phần chữ, hình ảnh cũng như video. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày một cách tương đối thuyết phục.	• Theo đúng qui định và ít sai lỗi. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Không kết hợp đủ phần chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Tính thẩm mỹ không cao. • Trình bày khá thuyết phục.	• Theo đúng qui định và sai lỗi không đáng kể. • Kết hợp chữ, hình ảnh, đồ thị trong trình bày. • Có sự kết hợp chữ, hình ảnh, video trong trình bày powerpoint. • Có tính thẩm mỹ cao. • Trình bày rất thuyết phục.	CLO5 CLO7
Chứng cứ tài liệu, mức độ tin cậy (5%)	• Dữ liệu không đầy đủ, các đề xuất thiếu tính thuyết phục. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao.	• Dữ liệu còn hạn chế làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn không đầy đủ và thời gian chính xác, độ tin cậy không cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo không đủ.	• Dữ liệu tương đối đầy đủ làm cơ sở cho các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác. • Phụ lục và tài liệu tham khảo chưa đầy đủ để tra cứu, kiểm tra.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, độ tin cậy cao. • Phụ lục và tài liệu tham khảo tương đối đầy đủ.	• Có đầy đủ dữ liệu làm cơ sở cho phân tích, đánh giá và các đề xuất. • Các dữ liệu có nguồn và thời gian chính xác, mức độ tin cậy cao. • Có phụ lục và tài liệu tham khảo đầy đủ, đúng.	CLO3 CLO4 CLO5

Thời gian nộp bài (5%)	• Chậm hơn 36h so với qui định.	• Chậm hơn 24h so với qui định.	• Chậm hơn 12h so với qui định.	• Chậm hơn 6h so với qui định.	• Đúng qui định.	CLO7 CLO8
------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	--------------------------------	------------------	--------------

BẢNG 7.5: CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ BÀI THI TỰ LUẬN

Tiêu chí Trọng số	CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ (ĐIỂM)					Learning out come
	Kém (0 - < 5)	Trung bình (5 - < 7)	Khá (7 - < 8)	Giỏi (8 - < 9)	Xuất sắc (9 – 10)	
Đáp ứng yêu cầu nội dung về kiến thức, kỹ năng và thái độ (90%)	• Chưa hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. • Trả lời còn nhiều sai sót. • Mức độ đáp ứng yêu cầu đặt ra chưa tốt. • Không có tính sáng tạo, không mở rộng được vấn đề.	• Hoàn thành được trên 50% yêu cầu đặt ra. • Trả lời đúng kết quả, sai sót không nhiều. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề bình thường.	• Hoàn thành gần hết các câu hỏi đặt ra. • Trả lời khá tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề tương đối cao.	• Hoàn thành hết các câu hỏi đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá cao và mở rộng vấn đề khá cao.	• Hoàn thành rất tốt yêu cầu đặt ra. • Có tính sáng tạo, tìm tòi, khám phá và mở rộng vấn đề cao.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8
Hình thức trình bày (10%)	• Chưa logic, hợp lý. • Khó đọc. • Không đẹp mắt.	• Mức độ logic, hợp lý bình thường. • Không dễ đọc. • Không đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Khá dễ đọc. • Bình thường.	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Khá đẹp mắt.	• Logic, hợp lý. • Dễ đọc. • Đẹp mắt.	CLO8 CLO9

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Luật Thương mại quốc tế
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	International Commercial Law
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	25
- Bài tập, thảo luận:	20
- Thực hành:	-
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Thương mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

- Học phần này cung cấp cho sinh viên khung tham khảo pháp lý đối với các vấn đề chiến lược và các vấn đề hàng ngày trong hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp.

- Trang bị cho nhà quản trị những kiến thức và kỹ năng, thái độ trong việc xác lập, giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế, từ đó giúp họ quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế đúng pháp luật và tránh được những cạm bẫy pháp lý hoặc sớm xác định được những vấn đề tiềm năng có thể gây ra những bất lợi hoặc tổn thất.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Học viên nắm vững những kiến thức căn bản về các nguyên tắc, qui phạm điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế; các qui chế pháp lý về hợp đồng

mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế và giải quyết tranh chấp trong hoạt động thương mại quốc tế.

- Vận dụng các kiến thức Luật thương mại quốc tế giải thích, được các vấn đề pháp lý nảy sinh trong hoạt động thương mại quốc tế và giải quyết các tình huống không thường xuyên trong phát sinh hoạt động thương mại quốc tế.

❖ **Về kỹ năng:**

- Vận dụng linh hoạt những kiến thức trên đây để giải thích, phân tích, xác lập và dự báo các vấn đề pháp lý nảy sinh và giải quyết các tình huống từ đơn giản đến phức tạp trong hoạt động thương mại quốc tế.

- Thành thạo trong việc phân tích, đánh giá, xác lập và dự báo các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động thương mại quốc tế tại doanh nghiệp và đề xuất phương hướng giải quyết

❖ **Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:**

- Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.

- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với xu thế phát triển của hoạt động kinh doanh trên thế giới. Hình thành tác phong chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

- Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm và giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện môi trường pháp lý kinh doanh thay đổi.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về Kiến thức	
CLO1	Hệ thống hóa và giải thích được các nguyên tắc điều chỉnh của Luật Thương mại quốc tế; nội dung điều chỉnh của các bộ qui tắc của Luật Thương mại quốc tế theo từng lĩnh vực thương mại quốc tế.
CLO2	Vận dụng các kiến thức Luật thương mại quốc tế giải thích được các vấn đề pháp lý nảy sinh trong hoạt động thương mại quốc tế.
Về kỹ năng	
CLO3	Hướng dẫn người khác nhận thức được các nguyên tắc và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế.
CLO4	Phản biện các vấn đề pháp lý cụ thể thường gặp phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế một cách chính xác.
CLO5	Xử lý được các tình huống pháp lý không thường gặp phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế một cách sáng tạo.

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO6	Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm.
CLO7	Có năng lực hướng dẫn người khác nhận thức các nguyên tắc và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế.
CLO8	Tự chủ và sáng tạo, có quan điểm, chính kiến rõ ràng trong việc giải thích, xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong thương mại quốc tế.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R				R					
CLO 2		R		R				R		
CLO 3	R				M				R	
CLO 4		M						R		R
CLO 5			R						R	M
CLO 6				R					M	
CLO 7					M					M
CLO 8			M					M		
Tổng hợp học phần	R	M	M	R	M			M	M	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học			Tự nghiên cứu	Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Bài tập	Thuyết trình				
Tuần 1 -2	Chuyên đề 1: Tổng quan về Luật Thương mại quốc	4	2	2	16	Thuyết giảng, đặt câu hỏi truy vấn, thảo	Nghiên cứu tài liệu	

	tế					luận tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân		
Tuần 3-5	Chuyên đề 2 : Pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của thương mại quốc tế	6	2	2	20	Thuyết giảng, đặt câu hỏi truy vấn, thảo luận tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm và bài tập	
Tuần 6-7	Chuyên đề 3: Pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	5	2	2	18	Thuyết giảng, đặt câu hỏi truy vấn, thảo luận tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm và bài tập	
Tuần 8-9	Chuyên đề 4: Hợp đồng cung ứng dịch vụ quốc tế	4	2	2	16	Thuyết giảng, đặt câu hỏi truy vấn, thảo luận tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm và bài tập	
Tuần 10 - 11	Chuyên đề 5: Giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế	4	2	2	16	Thuyết giảng, đặt câu hỏi truy vấn, thảo luận tình huống, bài tập nhóm, bài tập cá nhân	Nghiên cứu tài liệu và thảo luận nhóm, bài tập và ôn tập	
	Cộng	25	10	10	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
1. Thuyết giảng	x	x						
2. Đặt câu hỏi truy vấn	x	x	x					
3. Thảo luận tình huống		x	x		x	x		
4. Bài tập nhóm				x		x	x	x
5. Bài tập cá nhân				x	x		x	

5. HỌC LIỆU

5.1. Tài liệu chính

1. Nông Quốc Bình – Chủ biên (2014), *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Hằng - Chủ biên (2012), *Giáo trình Pháp luật kinh doanh quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Surya P. Subedi. (2015). *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế - Trường Đại học Luật Hà Nội*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo khác

5.2.1. Sách

1. Mai Hồng Quỳ và Trần Việt Dũng (2012), *Luật Thương mại quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM.
2. Luật thương mại Việt Nam (2005) - Sửa đổi, bổ sung (2017). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Luật trọng tài thương mại. (2010). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Keizer, J. & H. Wevers, H. (2008). *A basic guide to international business law*. Wolters Noordhof, 2008.

5.2.2. Các bài báo khoa học chuyên ngành liên quan học phần

1. Hoàng Văn Châu. (2009). Mẫu hợp đồng mua bán gạo Thái GAFTA. *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, số 120/ 2009.
2. Nguyễn Minh Hằng. (2007). Nguyên tắc thiện chí và trung thực – Nguyên tắc cơ bản trong pháp luật hợp đồng. *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*. số 24/2007, tr. 19 – 27.
3. Nguyễn Minh Hằng. (2007). Áp dụng nguyên tắc thiện chí và trung thực để giải quyết tranh chấp tại Việt Nam . *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*. số 26/2007, tr. 66 – 73.
4. Trần Văn Nam. (2007). Việt Nam “TRIP” on WTO Rules: Strict Protection of IP Righ disadvantages developing world. *Việt Nam Law & Legal Forum. Thông tấn xã Việt Nam Phát hành số 160*.
5. Buckley, P. J, Clegg, L. J, Cross, A. R., Liu, X., Voss, H. & Zheng, P. (2007). The determinants of Chinese outward foreign direct investment. *Journal of International Business Studies*, 38, 499–518. doi: 10.1057/palgrave.jibs.8400277
6. Wei, W. X., & Alon, I. (2010). Chinese outward direct investment: a study on macroeconomic determinants. *International Journal of Business and Emerging Markets*, 2(4), 352-369.

7. Wu, J., & Chen, X. (2014). Home country institutional environments and foreign expansion of emerging market firms. *International Business Review*, 23(5), 862-872. doi: 10.1016/j.ibusrev.2014.01.004

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1. Đánh giá quá trình: (tỉ trọng 40%, bao gồm: Điểm chuyên cần, Thảo luận, Kiểm tra giữa kỳ)

Loại hình đánh giá	Mô tả	Các chuẩn đầu ra được đánh giá	Cấu trúc điểm thành phần
1. Điểm chuyên cần (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 20%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp và số lần phát biểu	Đánh giá tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm	CLO6 CLO7	100%
2. Thảo luận (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 30%): Mỗi các nhóm (3-5 sinh viên) được phân công chuẩn bị 01 đề tài thảo luận, trong thời gian 20 phút để thực hiện việc thảo luận và có 5 phút để trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Giảng viên đánh giá điểm chung của cả nhóm dựa trên kết quả trình bày và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.	Đánh giá tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm	CLO6 CLO7	20%
	Đánh giá năng lực hướng dẫn người khác nhận thức các nguyên tắc và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5 CLO6	30%
	Đánh giá năng lực sáng tạo và khả năng xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong thương mại quốc tế.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5 CLO7	50%
3. Kiểm tra giữa kỳ (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Được thực hiện trong thời gian 50 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm tự luận và 01 bài tập tình huống nhằm kiểm tra các kiến thức và kỹ năng tư duy, lập luận, giải quyết vấn đề phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế	Đánh giá mức độ hiểu biết, năng lực tư duy, lập luận của sinh viên về các chính sách và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CLO1, CLO2, CLO5	50%
	Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức để giải thích, phản biện và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CLO3, CLO4, CLO5 CLO8	50%

6.2. Đánh giá cuối kỳ: (tỉ trọng 60%)

Loại hình đánh giá	Mô tả	Các chuẩn đầu ra được đánh giá	Cấu trúc điểm thành phần
Bài thi tự luận Được thực hiện trong thời gian từ 60 đến 75 phút. Đề thi bao gồm các câu hỏi trắc nghiệm tự luận và 01 bài tập tình huống, yêu cầu sinh viên giải thích, phân tích, đánh giá và trình bày quan điểm, chính kiến của mình về xử lý tình huống pháp lý phát sinh trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, cung ứng dịch vụ quốc tế, đầu tư quốc tế và tranh chấp trong hoạt động kinh doanh quốc tế	Đánh giá mức độ hiểu biết, năng lực tư duy, lập luận của sinh viên về các chính sách và quy chế pháp lý điều chỉnh quan hệ thương mại trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CLO1, CLO2,	40%
	Đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức để giải thích, phản biện và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CLO3, CLO4, CLO5	40%
	Đánh giá năng lực hướng dẫn, quan điểm, chính kiến của sinh viên trong việc phát hiện và giải quyết tình huống pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh quốc tế	CLO6 CLO7 CLO8	20%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1. Thang điểm đánh giá chuyên cần và tích cực, chủ động trong quá trình học tập

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu (chuẩn bị bài tập) trước khi đến lớp và số lần phát biểu ý kiến xây dựng bài	Đáp ứng đủ 3 điều kiện: - Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ; - Chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 03 lần phát biểu ý kiến trở lên	- 01 lần vắng mặt không có lý do chính đáng - Hoặc 01 lần chưa chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 02 lần phát biểu ý kiến	- 02 lần vắng mặt, không có lý do chính đáng - Hoặc 02 lần chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Và có 01 lần phát biểu ý kiến	- 03 lần trở lên vắng mặt, hoặc chưa nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp - Hoặc 03 lần trở lên chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Hoàn toàn không phát biểu ý kiến	

7.2. Thang điểm đánh giá kết quả thảo luận tình huống

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
----------------------	--------------	--------------	---------------	----------	------

Nội dung (50%)	Xác định đúng vấn đề; phương pháp xử lý phù hợp; hoàn chỉnh các nội dung	Xác định đúng vấn đề, nhưng phương pháp chưa phù hợp; hoặc hoàn thành ở mức 80 – 90%	Xác định vấn đề chưa rõ và phương pháp chưa phù hợp; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Xác định nhầm vấn đề; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (25%)	Đạt 4 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; thuyết trình lôi cuốn	Không đạt 1 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc tất cả đều ở mức trung bình	
Mức độ tham gia (15%)	Sôi nổi; có sự tham gia đồng đều của các thành viên	Thiếu sôi nổi; hoặc sự tham gia của các thành viên chưa đồng đều	Thiếu sôi nổi và sự tham gia của các thành viên chưa đồng đều	Thiếu sôi nổi và chỉ có sự tham gia của một số ít thành viên	
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 2 phút	Trễ thời gian qui định 2 - 4 phút	Trễ thời gian qui định > 4 phút	

7.3. Thang điểm đánh giá kết quả bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý xử liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình	
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 1,5 phút	Trễ thời gian qui định 1,5 - 3 phút	Trễ thời gian qui định > 3 phút	

7.4. Thang điểm đánh giá kết quả bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
----------------------	--------------	--------------	---------------	----------	------

Nội dung (70%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý xử liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70- < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luyện giải logic; hình thức đẹp; văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Hiệp

TS. Nguyễn Xuân Hiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Logistics and Supply Chain Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	15
- Bài tập, thảo luận:	30
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Logistics/Khoa Thương mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Quản trị xuất nhập khẩu

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về hoạt động quản trị Logistics và chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp sản xuất và thương mại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Trang bị cho học viên những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về logistics và quản trị chuỗi cung ứng.

Trang bị cho học viên kiến thức về hoạch định chuỗi cung ứng, quản trị thu mua, quản trị sản xuất, quản trị phân phối và quản trị thu hồi trong chuỗi cung ứng.

Trang bị cho học viên các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống logistics và chuỗi cung ứng trong một tổ chức sản xuất hoặc kinh doanh.

❖ Về kỹ năng:

Học viên có khả năng nhận diện và phân tích cấu trúc của một chuỗi cung ứng

Học viên có khả năng hoạch định thiết kế một chuỗi cung ứng, đưa ra các quyết định về quản trị thu mua, quản trị sản xuất, quản trị phân phối và thu hồi

Học viên có khả năng đánh giá hiệu quả của một hệ thống Logistics và chuỗi cung ứng của một tổ chức hoặc doanh nghiệp trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Logistics/ chuỗi cung của một tổ chức/doanh nghiệp.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới liên quan đến thiết kế và vận hành một chuỗi cung ứng;

Có khả năng dẫn dắt chuyên môn cho các đồng nghiệp và đưa ra các quyết định trong hoạt động quản trị chuỗi cung ứng.

Tác phong chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập trong môi trường cạnh tranh của kinh doanh quốc tế;

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Nắm vững các lý thuyết nâng cao và chuyên sâu về Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, các mô hình quản trị chuỗi
CLO2	Đạt được các kiến thức về lập kế hoạch, quản trị thu mua, quản trị sản xuất, quản trị phân phối và quản trị thu hồi trong chuỗi cung ứng
CLO3	Đạt được kiến thức về đánh giá hiệu quả một hệ thống logistics và chuỗi cung ứng
Về kỹ năng	
CLO4	Có khả năng thiết kế, vận hành và đánh giá hiệu quả của một hệ thống logistics và chuỗi cung ứng
CLO5	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong đọc các chứng từ xuất nhập khẩu, giải quyết các vấn đề liên quan đến logistics và quản trị chuỗi cung ứng.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO6	Có khả năng tự nghiên cứu những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn quản trị logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp
CLO7	Có phẩm chất đạo đức chính trị, nghề nghiệp, làm việc độc lập, chịu được áp lực cao trong môi trường kinh doanh quốc tế
CLO8	Có khả năng tự chịu trách nhiệm trước các quyết định liên quan đến việc quản lý, vận hành và nâng cao hiệu quả của một chuỗi cung ứng

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

PLO	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO 1	R									
CLO 2		R		M						R
CLO 3				M						R
CLO 4	R	R	M		R					
CLO 5				R	R		R			
CLO6						R		R		R
CLO7									M	
CLO8										R
Tổng hợp học phần	R	R	M	M	R	R	R	R	M	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1	Chuyên đề 1: Tổng quan về Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	3	2	0	10	Giảng dạy tích cực		
Tuần 2	Báo cáo nhóm về nhận diện và phân tích cấu trúc 1 chuỗi cung ứng của doanh nghiệp thực tế	0	05	0	10	Làm việc nhóm, thuyết trình	Thảo luận nhóm	

Tuần 3	Chuyên đề 2: Hoạch định và thiết kế chuỗi cung ứng	2	3	0	10	Giảng dạy tích cực	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 4	Chuyên đề 3: Quản trị mua hàng và kho bãi	2	3	0	10	Thuyết giảng, làm bài tập cá nhân	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 5	Chuyên đề 4: Quản trị sản xuất	2	3	0	10	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 6	Chuyên đề 5: Quản trị phân phối	2	3	0	10	Thuyết giảng, thảo luận	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 7	Chuyên đề 6: Quản trị thu hồi	2	3	0	10	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 8	Chuyên đề 7: Đánh giá hiệu quả quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	2	3	0	10	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1,2,3	
Tuần 9	Thuyết trình báo cáo cuối kỳ	0	05	0	10	Làm việc nhóm	Đọc tài liệu 1 - 8	
Tổng cộng		15	30	0	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x
Thuyết giảng và giảng dạy tích cực	x	x	x	x	x	x	x	x
Tự học và làm bài tập cá nhân		x	x	x	x	x	x	x
Bài tập nhóm và thuyết trình				x	x	x		x

5. HỌC LIỆU:

5.1. Tài liệu chính

1. Daniel Stanton (2019), *Quản lý chuỗi cung ứng*, (Khánh trang dịch). Nhà xuất bản Công thương.
2. Huỳnh Thị Thúy Giang (2017), *Quản trị chuỗi cung ứng*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
3. John Mangan; Chandra Lalwani; Tim Butcher & Roya Javadpour (2012). *Global Logistics & Supply chain Management*. 2nd Edition, Wiley & Son, ltd;

5.2. Tài liệu tham khảo khác

4. David Blanchard (2011). *Quản trị chuỗi cung ứng – Những trải nghiệm tuyệt vời*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Đoàn Thị Hồng Vân; Kim Ngọc Đạt; Kim Ngọc Tuấn; Bùi Văn Thiên (2011). Nhà xuất bản Lao động Xã hội.
5. Peter Bolstorff; Robert Rosenbaum (2011). *Quản trị chuỗi cung ứng hoàn hảo*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Ngọc Lý, Thúy Ngọc (2011). NXB Lao động - Xã hội.
6. Phòng Thương mại Quốc tế và Trường Đại học Ngoại thương (2010). *Incoterms 2010*. Dịch từ tiếng Anh, Người dịch: Nguyễn Văn Hồng và Ctg. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông (2010).
7. Phòng Thương mại Quốc tế và Trường Đại học Ngoại thương (2010). *Incoterms 2010*. Dịch từ tiếng Anh, Người dịch: Nguyễn Văn Hồng và Ctg. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông (2010)
8. Shoshanah Cohen & Joseph Roussel (2005). *Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng*. Dịch từ tiếng Anh. Người dịch Phạm Như Hiền, Đỗ Huy Bình, Nguyễn Hoàng Dũng, (2011). Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: (tỉ trọng 50%, bao gồm: Điểm chuyên cần, Thảo luận)

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. Điểm chuyên cần và tích cực, chủ động (Tỉ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân trên lớp và hoạt động nhóm.	CLO1	50%

trước khi đến lớp và số lần phát biểu.			
2. Bài tập nhóm (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Mỗi các nhóm (3-6 học viên) phải hoàn thành các bài tập ứng dụng của các chương của học phần. Nội dung các bài tập được trình bày file Power point (thuyết trình trên lớp có phản biện của các nhóm khác). Giảng viên căn cứ vào chất lượng bài làm trên file Power point, kỹ năng tương tác, phản biện trong quá trình thuyết trình để đánh giá điểm chung của cả nhóm và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.	Đánh giá khả năng tiếp thu lý thuyết và sử dụng lý thuyết để phân tích đánh giá các nghiệp vụ Logistics và quản trị chuỗi cung ứng tại các đơn vị sản xuất và kinh doanh.	CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8	50%
	Đánh giá thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia trình bày phản biện các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ logistics và quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp	CLO1, 2,3,4,5 6,7,8	
Tổng			100%

6.2 Đánh giá cuối kỳ: (tỉ trọng 50%)

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Tiểu luận cá nhân <i>“Hoàn thiện quản trị một chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp”</i> Thời gian thực hiện: 01 tháng	- Trình bày được cơ sở lý thuyết về Logistics và quản trị chuỗi cung ứng: ý nghĩa, vai trò, mô hình chuỗi cung ứng điển hình. - Cấu trúc của một chuỗi cung ứng - Nội dung quản trị Logistics và chuỗi cung ứng - Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị chuỗi cung ứng; - Kinh nghiệm phát triển/ hoàn thiện một chuỗi cung ứng của một đơn vị tương tự	CLO1, 2,3	30%
	Đánh giá thực trạng quản trị chuỗi cung ứng của một đơn vị cụ thể: - Về cấu trúc;	CLO4, 5,6,7,8	40%

	- Về quản trị chuỗi (lập kế hoạch, thu mua, sản xuất, phân phối, thu hồi) - Nhận xét đánh giá		
	Đề xuất các giải pháp hoàn thiện: - Về cấu trúc - Về quản trị chuỗi cung ứng	CLO1, 2,3,4,5, 6,7,8	30%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1. Thang điểm đánh giá chuyên cần và tích cực, chủ động trong quá trình học tập

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu (chuẩn bị bài tập) trước khi đến lớp và số lần phát biểu ý kiến xây dựng bài	Đáp ứng đủ 3 điều kiện: - Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ; - Chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 03 lần phát biểu ý kiến trở lên	- 01 lần vắng mặt không có lý do chính đáng - Hoặc 01 lần chưa chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 02 lần phát biểu ý kiến	- 02 lần vắng mặt, không có lý do chính đáng - Hoặc 02 lần chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Và có 01 lần phát biểu ý kiến	- 03 lần trở lên vắng mặt, hoặc chưa nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp - Hoặc 03 lần trở lên chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Hoàn toàn không phát biểu ý kiến	

7.2. Thang điểm đánh giá kết quả bài tập nhóm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: < 5	Điểm
Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai 1 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (15%)	Đạt 4 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; thuyết trình lôi cuốn	Không đạt 1 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc tất cả đều ở mức trung bình	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị xuất nhập khẩu
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Import-Export Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	12
- Bài tập, thảo luận:	33
- Thực hành:	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Thương mại quốc tế/Khoa Thương mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	Luật Thương mại quốc tế
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về nâng cao và chuyên sâu về hoạt động quản trị xuất nhập khẩu trong các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức về các nghiệp vụ trong hoạt động xuất nhập khẩu bao gồm: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Quản lý hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu và đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu.

- Vận dụng sáng tạo những kiến thức của môn học vào thực tiễn Quản trị xuất nhập khẩu của doanh nghiệp/đất nước.

- Vận dụng tốt những kiến thức của môn học vào việc viết Luận văn tốt nghiệp cao học.

❖ Về kỹ năng:

- Có khả năng giải thích, phân tích, dự báo các vấn đề phát sinh và giải quyết các tình huống trong hoạt động xuất nhập khẩu.

- Phân tích các tình huống kinh doanh thương mại quốc tế và việc vận dụng các kiến thức vào thực tế ở Việt Nam

- Phát triển kỹ năng thuyết trình thông qua hình thức trình bày theo cá nhân hay cả nhóm trước lớp và trả lời các câu hỏi

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp

- Có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo

- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với xu thế phát triển của hoạt động kinh doanh trên thế giới. Hình thành tác phong chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế;

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu
CLO2	Phân tích về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
CLO3	Phân tích về hợp đồng ngoại thương chuyên biệt
CLO4	Phân tích tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu
CLO5	Đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp
Về kỹ năng	
CLO6	Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành: có thể đọc hiểu báo cáo về hầu hết các chủ đề trong công việc có liên quan đến ngành đào tạo, có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường, có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn, trình bày được các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật một cách rõ ràng.
Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
CLO7	Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và luôn trách nhiệm trong công việc, vì công việc;
CLO8	Thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác với cộng sự trong quá trình làm việc, tôn trọng sự đa dạng của văn hoá trong môi trường kinh doanh quốc tế

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1			R							
CLO2	M						M			
CLO3	M						M			
CLO4			R	R						R
CLO5			R							R
CLO6							M			
CLO7								R		
CLO8									R	
Tổng hợp học phần	M		R	R			M	R	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Buổi 1	Chuyên Đề 1: Tổng Quan Về Quản Trị Xuất Nhập Khẩu	2	2	0	8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1	
Buổi 2	Chuyên đề 2: Hoạch Định Chiến Lược Và Kế Hoạch Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu	2	2	0	8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1	

Buổi 3	Chuyên đề 3: Quản Trị Hợp Đồng Xuất Nhập Khẩu		4	0	8	Thảo luận nhóm, vấn đáp, bài tập	Đọc tài liệu 1,2	
Buổi 4	Chuyên đề 4: Quản Trị Hợp Đồng Ngoại Thương Chuyên Biệt (gia công, nhập khẩu thiết bị toàn bộ, chuyển giao công nghệ, mua bán license)	2	2	0	8	Thuyết giảng, vấn đáp, bài tập	Đọc tài liệu 1,2	
Buổi 5	Chuyên đề 4: (tiếp theo): Quản Trị Hợp Đồng Ngoại Thương Chuyên Biệt (gia công, nhập khẩu thiết bị toàn bộ, chuyển giao công nghệ, mua bán license)	2	2	0	8	Thuyết giảng, bài tập	Đọc tài liệu 1,2	
Buổi 6	Chuyên đề 5: Đàm Phán Hợp Đồng Xuất Nhập Khẩu	0	4	0	8	Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1	
Buổi 7	Chuyên đề 6: Tổ Chức Thực Hiện Hợp Đồng Xuất Nhập Khẩu	0	4	0	8	Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 1	
Buổi 8	Chuyên đề 7: Rủi Ro Và Biện Pháp Phòng Ngừa Trong Tổ Chức	0	4	0	8	Thảo luận nhóm	Đọc tài liệu 3	

	Thực Hiện Hợp Đồng Xuất Nhập Khẩu							
Buổi 9	Chuyên đề 8: Quản Trị Chi Phí Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu	2	2	0	8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập	Đọc tài liệu 4	
Buổi 10	Chuyên đề 9: Đánh Giá Kết Quả Và Hiệu Quả Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu	2	2	0	8	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập	Đọc tài liệu 4	
Buổi 11	Chuyên đề 10: Tình Hình, Triển Vọng Và Các Tình Huống Xuất Nhập Khẩu Tại Việt Nam	0	5	0	10	Thảo luận nhóm		
Tổng		12	33	0	90			

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Thuyết giảng	x	x	x	x	x		
Vấn đáp		x	x			x	
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x		x
Thuyết trình				x	x	x	x
Bài tập		x	x	x	x		

5. HỌC LIỆU:

5.1. Tài liệu chính

1. Đoàn Thị Hồng Vân– Kim Ngọc Đạt (2017). *Quản trị xuất nhập khẩu*. NXB Kinh tế.
2. Vũ Hữu Tửu (2006). *Giáo trình kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương*. NXB Giáo dục.
3. Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt, Hà Đức Sơn (2013). *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*. NXB Lao động – xã hội.

4. Nguyễn Xuân Hiệp. (2016). *Bài giảng Phân tích hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu*, Trường Đại học Tài chính – Marketing.

5.2. Tài liệu tham khảo khác

5.2.1 Sách

Albaum, G., Stradskov, J., and Duerr, E. (2002). *International Marketing and Export Management*. New York: Prentice Hall.

Jonathan Reuvid & Jim Sherlock (2011). *International Trade*. Kogan Page

Justin Paul (2013). *Export import management*. Oxford

Thomas A. Cook (2012). *Mastering import & export management*. AMACOM

Weiss, K. (1987). *Building an Import/Export Business*. New York: John Wiley and Sons.

5.2.2 Các bài báo khoa học chuyên ngành liên quan học phần

Anderson, P. (2005). *Export intermediation and the Internet: An activity unbundling approach*. *International Marketing Review*, 22(2): P.147.

Atkinson, K., and Tillen, J. (2005). *The Foreign Corrupt Practices Act: Compliance issues in the tax and customs area*. *The Tax Executive*: P. 446.

Beamish, P., Karavis, L., Goerzon, A., and Lane, C. (1999). *The relationship between organizational structure and export performance*. *Management International Review*, 39(1): P.37.

Beamish, P., Karavis, L., Goerzon, A., and Lane, C. (1999). *The relationship between organizational structure and export performance*. *Management International Review*, 39(1): P.37.

Bello, D., and Gilliland, D. (1997). *The effect of output controls, process controls and flexibility on export channel performance*. *Journal of Marketing*, 61: P.22.

Hannah, D. (2006). *Keeping trade secrets secret*. *MIT Sloan Management Review*, 47(3): P.17. ^[1]_{SEP}

Kaynak, E., and Kothavi, V. (1984). *Export behavior of small and medium-sized manufacturers: Some policy guidelines for international marketers*. *Management International Review*, 24: P.61.

Lutz, J. (1994). *To import or to protect? Industrialized countries and manufactured products*. *Journal of World Trade*, 28(4): P.123.

Rosenblith, R. (1991). *Letter of credit law*. *Uniform Commercial Code Law Journal*, 21(3): P.171. ^[1]_{SEP}

Schwartz, M. (July 10, 2006). *ABM research finds trade shows attract buyers: Despite success of Internet, traditional advertising still pushing sales needle*. *B to B*, 9: P.7.

Tesfom, G., Lutz, C., and Ghauri, P. (2004). *Comparing export marketing channels: Developed versus developing countries*. International Marketing Review, 21(4/5): P.409.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: (trọng số 50%, bao gồm: Điểm chuyên cần, Thảo luận, Kiểm tra giữa kỳ)

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. Điểm chuyên cần và tích cực, chủ động (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 20%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp và số lần phát biểu.	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm.	CLO7, CLO8	20%
2. Bài tập nhóm (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 30%): Mỗi các nhóm (3-6 sinh viên) phải hoàn thành các bài tập ứng dụng của các chương của học phần. Nội dung các bài tập được trình bày trên file word (buổi học cuối cùng nộp giảng viên) và file Power point (thuyết trình trên lớp có phần biện của các nhóm khác). Giảng viên căn cứ vào chất lượng bài làm trên file word; file Power point, kỹ năng tương tác, phần biện trong quá trình thuyết trình để đánh giá điểm chung của cả nhóm và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.	Đánh giá thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	30%
	Đánh giá năng lực giải thích, hướng dẫn người khác nhận thức, tổ chức thực hiện quản trị xuất nhập khẩu.	CLO7, CLO8	
	Đánh giá năng lực tự chủ lập kế hoạch, kỹ năng phối hợp tổ chức quản trị xuất nhập khẩu.	CLO7, CLO8	
3. Kiểm tra giữa kỳ (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Được thực hiện trong thời gian 50 phút. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi tự luận (giải tích, phân tích, tổng hợp) và 01 bài tập ứng dụng nhằm kiểm tra các kiến thức và kỹ năng về phân tích, đánh giá quản trị chiến lược trong một tình huống, hoàn cảnh cụ thể của hoạt động quản trị xuất nhập khẩu.	Đánh giá mức độ hiểu biết, năng lực giải thích, phân tích, đánh giá của học viên về quản trị xuất nhập khẩu.	CLO2, CLO3, CLO4,	50%
	Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức để giải thích, phân tích, thực hiện quản trị hoạt động xuất nhập khẩu.	CLO7, CLO8	
Tổng			100%

6.2 Đánh giá cuối kỳ: (trọng số 50%)

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài thi tự luận Được thực hiện trong thời gian từ 60 đến 75 phút. Đề thi bao gồm các câu hỏi liên quan nội dung kiến thức từ chương 1 đến chương 5.	Đánh giá mức độ hiểu biết, năng lực giải thích, phân tích, đánh giá của sinh viên về quản trị hoạt động xuất nhập khẩu.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	40%
	Đánh giá năng lực vận dụng kiến thức để giải thích, phân tích, đánh giá về hoạt động quản trị xuất nhập khẩu.	CLO7, CLO8	40%
	Đánh giá năng lực tự chủ, sáng tạo của sinh viên trong đề xuất thiết lập chiến lược hiệu quả trong hoạt động xuất nhập khẩu	CLO7, CLO8	20%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

1.Thang điểm đánh giá chuyên cần và tích cực, chủ động trong quá trình học tập

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu (chuẩn bị bài tập) trước khi đến lớp và số lần phát biểu ý kiến xây dựng bài	Đáp ứng đủ 3 điều kiện: - Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ; - Chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 03 lần phát biểu ý kiến trở lên	- 01 lần vắng mặt không có lý do chính đáng - Hoặc 01 lần chưa chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 02 lần phát biểu ý kiến	- 02 lần vắng mặt, không có lý do chính đáng - Hoặc 02 lần chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Và có 01 lần phát biểu ý kiến	- 03 lần trở lên vắng mặt, hoặc chưa nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp - Hoặc 03 lần trở lên chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Hoàn toàn không phát biểu ý kiến	

2. Thang điểm đánh giá kết quả bài tập nhóm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: < 5	Điểm
----------------------	--------------	--------------	---------------	-----------	------

Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai 1 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý xử liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (15%)	Đạt 4 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luyện giải logic; hình thức đẹp; thuyết trình lôi cuốn	Không đạt 1 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc tất cả đều ở mức trung bình	
Mức độ tham gia (15%)	Có sự tham gia đầy đủ và đồng đều của các thành viên	Có sự tham gia đầy đủ nhưng không đồng đều của các thành viên không tham gia	Có 1 thành viên không tham gia trở lên	Có hơn 1 thành viên không tham gia	
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 2 phút	Trễ thời gian qui định 2 - 4 phút	Trễ thời gian qui định > 4 phút	

3. Thang điểm đánh giá kết quả bài kiểm tra giữa kỳ

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý xử liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; kuận giải logic; hình thức đẹp;	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình	

	văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả				
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 1,5 phút	Trễ thời gian qui định 1,5 - 3 phút	Trễ thời gian qui định > 3 phút	

4. Thang điểm đánh giá kết quả bài thi kết thúc học phần

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Nội dung (70%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý xử liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70- < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Hiệp TS. Nguyễn Xuân Hiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Đầu tư quốc tế
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	International Investment
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	30
- Bài tập, thảo luận:	15
- Thực hành	
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Quản trị Kinh doanh quốc tế/Khoa Thương mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

- Học phần trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về hoạt động/hình thức đầu tư quốc tế (FDI, FPI truyền thống và hiện đại) đang diễn ra trong thực tiễn trong nước và quốc tế.
- Học phần còn giúp cho người học hiểu rõ phương pháp đánh giá, lựa chọn, triển khai dự án đầu tư nước ngoài, các hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài của một doanh nghiệp hoặc một địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- Cung cấp các lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về đầu tư quốc tế như các hình thức đầu tư quốc tế, nguyên nhân hình thành đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.

- Hướng dẫn phương pháp nghiên cứu, lựa chọn, ra quyết định, triển khai dự án đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài.
- Hướng dẫn phương pháp triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư quốc tế của doanh nghiệp/tổ chức.

❖ Về kỹ năng:

- Học viên có năng lực nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn, thiết lập dự án đầu tư quốc tế khả thi;
- Có khả năng triển khai, quản trị dự án đầu tư quốc tế;
- Có khả năng tổ chức hoạt động xúc tiến (thu hút/thúc đẩy) dự án đầu tư quốc tế

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới liên quan lĩnh vực đầu tư quốc tế.
- Có khả năng lãnh đạo chuyên môn cho các đồng nghiệp và đưa ra các quyết định trong hoạt động phân tích, lựa chọn, triển khai dự án đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.
- Có khả năng tư duy, ra quyết định độc lập trong hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO 1	Giải thích được vai trò, nhận dạng nguyên nhân đầu tư ra nước ngoài đối với doanh nghiệp
CLO 2	Tóm tắt các hình thức/công cụ đầu tư quốc tế: truyền thống, phái sinh, thay thế
CLO 3	Khái quát hóa, hoạch định, thiết kế hoạt động tổ chức thực hiện dự án đầu tư nước ngoài.
CLO 4	Khái quát hóa, hoạch định, thiết kế hoạt động tổ chức xúc tiến dự án đầu tư nước ngoài
Về kỹ năng	
CLO 5	Nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn, thiết lập dự án đầu tư quốc tế khả thi
CLO 6	Triển khai, thực hiện các chức năng của quản trị đối với dự án đầu tư quốc tế
CLO 7	Triển khai các hoạt động xúc tiến (thu hút/thúc đẩy) dự án đầu tư quốc tế
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO 8	Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá các vấn đề mới liên quan lĩnh vực đầu tư quốc tế.
CLO 9	Có khả năng lãnh đạo chuyên môn cho các đồng nghiệp và đưa ra các quyết định trong hoạt động phân tích, lựa chọn, triển khai dự án đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.
CLO 10	Có khả năng tư duy, ra quyết định độc lập trong hoạt động đầu tư quốc tế của doanh nghiệp.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

**Ma trận liên kết chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra
của chương trình đào tạo**

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
CLO 1	R	R	R							
CLO 2				M		M				
CLO 3	M	M	M							
CLO 4	M	M	M							
CLO 5				M	M	M				
CLO 6				M	M	M				
CLO 7				M	M	M				
CLO 8							R	R	R	R
CLO 9								R	R	R
CLO 10								R	R	R
Tổng hợp học phần	M	M	M	M	M	M	R	R	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp	Ghi chú
		SỐ TIẾT						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp: Bài tập/ Thảo luận	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
01	Chương 1: Những vấn đề chung về đầu tư quốc tế	4	1		10	<i>Thuyết giảng, thảo luận cá nhân</i>	<i>Đọc quyển 1, 3</i>	
02	Chương 2: Các lý thuyết về đầu tư nước ngoài	3	2		10	<i>Thuyết giảng, thảo luận nhóm</i>	<i>Đọc quyển 1, 3</i>	

03-04	Chương 3: Quyết định ngân sách vốn cho đầu tư trực tiếp nước ngoài	7	3		20	<i>Thuyết giảng, bài tập cá nhân, bài tập nhóm</i>	Đọc quyển 1, 5	
05	Chương 4: Các hình thức đầu tư quốc tế thay thế	4	1		10	<i>Thuyết giảng, bài tập cá nhân, nhóm</i>	Đọc quyển 1, 3, 4, 6	
06	Chương 5: Các hình thức đầu tư quốc tế phái sinh	4	1		10	<i>Thuyết giảng, bài tập cá nhân</i>	Đọc quyển 3, 4, 6	
07	Chương 6. Quy trình thực hiện đầu tư nước ngoài	4	1		10	<i>Thuyết giảng, thảo luận cá nhân</i>	Đọc quyển 1, 2, 8	
08	Chương 7: Xúc tiến đầu tư nước ngoài	4	1		10	<i>Thuyết giảng, thảo luận nhóm</i>	Đọc quyển 5, 8	
09	Seminar các chủ đề với sự điều phối của giảng viên		5		10	Thuyết trình của học viên Thảo luận		
	Tổng cộng	30	15	90				

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO 10
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận								X	X	X
Thuyết giảng + thảo luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thuyết giảng + bài tập		X			X	X			X	
Thuyết trình của học viên								X	X	X

5. HỌC LIỆU:

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- (1). Lê Quang Huy (2013), *Đầu tư quốc tế*, NXB Kinh tế Tp.HCM.
- (2). Võ Thanh Thu & Ngô Thị Ngọc Huyền (2011), *Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài*, Nhà xuất bản Tổng hợp Tp.HCM.
- (3). Solnik, B., & McLeavey, D. (2013), *Global investments*, Pearson New International Edition, 6/E, Pearson Education, Inc.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- (4). CFA Institution (2020), *Derivative, Alternative investments, and Portfolio Management*, CFA Program Exam Prep, eBook 5.
- (5). Dayananda, D., Irons, R., Harrison, S., Herbohn, J., & Rowland, P. (2002), *Capital budgeting: Financial appraisals of investment project*, Cambridge University Press
- (6). Hull, J. C. (2012), *Options – futures and other derivatives*, 8th, Pearson.
- (7).. Moosa, I. A. (2002), *Foreign Direct Investment, Theory – Evident and practice*, Palgrave.
- (8) Wells, L. T., & Wint, J. G. (2000), *Marketing a country – Promotion as a tool for attracting foreign investment*, International Finance Corporation, World Bank

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 50% trong điểm học phần

Loại hình đánh giá	Mô tả	Các chuẩn đầu ra được đánh giá	Cấu trúc điểm thành phần
1. Chuyên cần (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 20%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp và số lần phát biểu.	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm.	CLO8	100%
2. Bài tập nhóm (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 80%): Mỗi các nhóm (3-6 sinh viên) phải hoàn thành các bài tập ứng	Đánh giá thái độ tích cực, chủ chủ động, sáng tạo tham gia các hoạt động học tập cá nhân và hoạt động nhóm.	CLO8, CLO10	20%

dụng của các chương của học phần. Nội dung các bài tập, bài thảo luận nhóm, Seminar được trình bày ngay tại lớp. Giảng viên căn cứ vào chất lượng các bài tập, bài thảo luận nhóm; Seminar trên file word; file Power point, kỹ năng tương tác, phản biện trong quá trình thuyết trình để đánh giá điểm chung của cả nhóm và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.			
	Đánh giá năng lực giải thích, hướng dẫn người khác nhận thức, tổ chức thực hiện giải quyết bài tập tình huống, đề tài seminar.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10	30%
	Đánh giá năng lực tự chủ lập kế hoạch, kỹ năng phối hợp tổ chức thực hiện phân tích, giải quyết bài tập tình huống, đề tài seminar.	CLO8, CLO9, CLO10	50%
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 50 % trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài tiểu luận cá nhân Được thực hiện trong thời gian 01 tháng Học viên lựa chọn 1 trong 2 chủ đề: 1. Phân tích môi trường đầu tư của một quốc gia/địa phương/địa điểm. 2. Đề xuất 1 dự án FDI/FPI của 1 doanh nghiệp. 3. Phân tích hoạt động/xây dựng hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Doanh nghiệp.	- Trình bày được cơ sở lý thuyết về đầu tư, môi trường đầu tư, các phương pháp, chỉ tiêu phân tích môi trường đầu tư, phương pháp chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư FDI/FPI		30%
	Đánh giá được thực trạng môi trường đầu tư/hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng như các nhân tố tác động đến môi trường đầu tư. Hoặc: đánh giá lựa chọn dự án FDI/FPI khả thi trên		40%

	cơ sở có phương pháp nghiên cứu khoa học		
	Đề xuất các giải pháp khả thi liên quan: hoàn thiện môi trường đầu tư, triển khai dự án đầu tư, thu hút vốn đầu tư		30%
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

7.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	9-10	7-<9	5- <7	3 -<5	0<3
Tiêu chí					
Có mặt trên lớp	10- 11 buổi	7-9 buổi	5- 6 buổi	4 buổi	Dưới 3 buổi

7.2 Rubric đánh giá bài tập nhóm

Tiêu chí	Không chấp nhận < 5	Tạm chấp nhận 5 - 6	Khá 7 - <8	Tốt 8 - <9	Xuất sắc 9=<
Hình thức/ cách thức trình bày	- Không theo trình tự, lộn xộn - Luống cuống, không nắm được vấn đề	- Theo trình tự - Diễn đạt chưa rõ ràng	- Theo trình tự - Diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu	- Theo trình tự - Diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu	- Theo trình tự - Diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu, súc tích, thu hút người nghe/đọc.
Nội dung	- Không nêu được ý nào thuộc vấn đề - Lạc đề	Nêu được một 50% số ý của vấn đề	- Nêu được một số ý của vấn đề (50%< - 80%)	- Nhưng không liên hệ với thực tế, mở rộng, sáng tạo.	- Nêu được đầy đủ các ý của vấn đề - Liên hệ với thực tế, mở rộng, sáng tạo

7.3 Rubric đánh giá bài tiểu luận cá nhân

Tiêu chí	Kém <5	Trung bình 5=<, <7	Khá 7=<, <8	Tốt 8=< - <9	Xuất sắc 9=<
----------	-----------	-----------------------	----------------	-----------------	-----------------

Trình bày 10%	- Lộn xộn - văn phong cầu thả - Tác phong thiếu tự tin, không nghiêm túc	- Khó hiểu - Lộn xộn	- Tương đối dễ hiểu	- Dễ hiểu - Chưa được rõ ràng - Chưa được thu hút	- Dễ hiểu - Rõ ràng - Logic - Thu hút
Nội dung 50%	- Không nêu được ý nào thuộc vấn đề - Lạc đề	- Nêu được một số ý của vấn đề (< 70% tổng số ý)	- Nêu được một số ý của vấn đề (70%- 80% tổng số ý)	- Nêu được vấn đề (80%- 90% tổng số ý)	- Nêu được vấn đề (> 90% tổng số ý)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 202

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. NGUYỄN XUÂN HIỆP TS. LÊ QUANG HUY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Multinational Financial Management
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	03
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	20
- Bài tập, thảo luận:	10
- Thực hành:	15
- Tự học:	90
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Tài chính – Ngân hàng
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quản trị tài chính doanh nghiệp
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Học phần trang bị kiến thức về **quản trị tài chính công ty đa quốc gia (MFM)** – một trong những nghiệp vụ quản trị quan trọng của doanh nghiệp trong thời đại hội nhập toàn cầu. Môn học giải quyết ba quyết định của TCDN nhưng ở phạm vi của **công ty đa quốc gia (MNC)**, trong đó tập trung giải quyết vấn đề rủi ro tỷ giá tác động đến ba quyết định của tài chính.

Về kiến thức: Học viên cần nắm bắt được những lợi ích của toàn cầu hóa, vai trò của các tập đoàn đa quốc gia trong cạnh tranh toàn cầu. Các kiến thức chung về động lực của các công ty khi đầu tư trực tiếp nước ngoài. Học viên nắm bắt được các mục tiêu của một tập đoàn đa quốc gia trong quá trình toàn cầu hóa, các mục tiêu và yêu cầu quản trị đối với những tập đoàn này trên các phương diện vi mô và chịu sự tác động của yếu tố vĩ

mô toàn cầu. Nắm bắt được các rủi ro trong quản trị tài chính công ty đa quốc gia trên cơ sở đó có đối sách quản trị phù hợp.

Về kỹ năng: Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá của học viên; phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày và thảo luận, kỹ năng làm việc nhóm

Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Nâng cao khả năng nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề thực tế của học viên; nâng cao năng lực dẫn dắt chuyên môn; nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của học viên

2.2. Mục tiêu cụ thể

- ❖ Về kiến thức:
 - Hiểu rõ về quản trị tài chính doanh nghiệp, phân biệt được sự khác nhau giữa quản trị TCDN và quản trị tài chính ở công ty đa quốc gia.
 - Xác định được mục tiêu quản trị tài chính ở công ty đa quốc gia.
 - Hiểu rõ các quyết định của TCDN và ra các quyết định quản trị tài chính ở công ty đa quốc gia nhằm đạt được mục tiêu của chủ sở hữu công ty.
 - Vận dụng thành thạo các công cụ TCDN để quản trị như các công cụ phái sinh giúp phòng ngừa rủi ro và kinh doanh kiếm lời
 - Hiểu và có đối sách thích hợp với hoạt động chuyên gia ở công ty đa quốc gia.
- ❖ Về kỹ năng:
 - Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề quản trị tài chính.
 - Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các khía cạnh của tài chính MNC trong bối cảnh hội nhập sâu, rộng.
 - Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về QTTC MNC với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.
 - Có kỹ năng làm việc với các chuyên gia tài chính bậc cao trong tập đoàn hay tổng công ty.
- ❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:
 - Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học MFM.
 - Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực MFM; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

- Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp và kinh tế bền vững.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hiểu được rõ mục tiêu của quản trị tài chính công ty đa quốc gia và tổ chức được hoạt động tài chính của công ty.
CLO2	Phân tích môi trường rủi ro quốc gia của công ty đa quốc gia, làm cơ sở để nghiên cứu và ra quyết định đầu tư hiệu quả.
CLO3	Phân tích quyết định đầu tư và quản trị tài sản trong công ty đa quốc gia nhằm đạt mục tiêu của chủ sở hữu.
CLO4	Phân tích, xây dựng chính sách rủi ro nhất là rủi ro tỷ giá ở các công ty đa quốc gia
CLO5	Phân tích, ra quyết định khai thác và quản trị nguồn tài trợ với chi phí hợp lý
CLO6	Phân tích, đánh giá hoạt động chuyển giá của các công ty đa quốc gia
Về kỹ năng	
CLO7	Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá của học viên đối với các vấn đề quản trị tài chính
CLO8	Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các khía cạnh của tài chính doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu, rộng.
CLO9	Phát triển kỹ năng trình bày và thảo luận vấn đề chuyên môn về MFM với chuyên gia hoặc trong nhóm nghiên cứu.
CLO10	Có kỹ năng làm việc với các chuyên gia tài chính bậc cao trong tập đoàn hay tổng công ty
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
CLO11	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng để giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong môn học QTTC
CLO12	Năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về lĩnh vực QTTC; trung thực, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.
CLO13	Nhận thức được trách nhiệm xã hội của các công ty đa quốc gia một cách đúng đắn để hài hoà các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				I				
CLO2		I	R	I						
CLO3	R	R	M		M	M				
CLO4			M	M	R	M				
CLO5	R	R	M	M	M	R				
CLO6			M	M		R				
CLO7				R		M				
CLO8				M	R					
CLO9				R	R	R	R			
CLO10				M	M	M	M			
CLO11								R		
CLO12								M	R	
CLO13										R
Tổng hợp học phần	R	R	M	M	M	M	M	M	R	R

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1	Chương 1: Tổng quan về Quản trị Tài chính MNC - Khái quát về MNC	3				Thuyết giảng	[1], [2], [3]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	- MNC và công ty nội địa - Tổng quan về quản trị tài chính MNC							
Tuần 2	Chương 2: Phân tích rủi ro quốc gia của MNC - Tổng quan về rủi ro quốc gia - Rủi ro chính trị - Rủi ro kinh tế - Rủi ro thiên nhiên	2	2			Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập	[1], [2], [3]	
Tuần 3	Chương 3: Thị trường tương lai và thị trường quyền chọn - Forward - Future - Option	1	3			Thuyết giảng; Bài tập	[1], [2], [3], [8]	
Tuần 4	Chương 4: Hợp đồng hoán đổi và phái sinh lãi suất - Hoán đổi - SWAP lãi suất	2	2			Thuyết giảng; Bài tập	[1], [2], [3], [8]	
Tuần 5	Chương 5: Quản trị rủi ro tỷ giá trong MNC	2	3			Thuyết giảng;	[1], [2], [3], [4], [5], [8]	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	- Rủi ro tỷ giá - Quản trị RR hoạt động - Quản trị RR giao dịch - Quản trị RR chuyển đổi					Thảo luận; Bài tập		
Tuần 6	Chương 6: Các nguồn tài trợ quốc tế - Thị trường vốn quốc tế - Nguồn vốn tài trợ ở MNC	2	3			Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập	[1], [2], [3], [6]	
Tuần 7	Chương 7: Chi phí sử dụng vốn ở MNC - Chi phí sử dụng vốn - WACC	2	3			Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập	[1], [2], [3], [4],	
Tuần 8	Chương 8: Quyết định đầu tư của MNC -Đầu tư tài chính - Đầu tư thực - QĐ đầu tư ở MNC	2	3			Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập	[1], [2], [3], [4], [5], [7]	
Tuần 9	Chương 9: Quản trị vốn luân chuyển MNC	2	3			Thuyết giảng;	[1], [2], [3], [4], [5],	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	- Vốn luân chuyển - Quản trị vốn luân chuyển					Thảo luận; Bài tập		
Tuần 10	Chương 10: Vấn đề chuyển giá trong MNC - Khái niệm về giá chuyển giao, chuyển giá - Nguyên tắc định giá chuyển giao - Chuyển giá	2	3			Thuyết giảng; Thảo luận; Bài tập	[1], [3], [5]	

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6	CLO 7	CLO 8	CLO 9	CLO 10	CLO 11	CLO 12	CLO 13
Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x				x		
Bài tập		x	x	x	x	x	x	x			x	x	
Thảo luận		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

5. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

[1] ALan C. Shapiro, Multinational Financial Management, 10th edition, Wiley.

- [2] Jeff Madura (2012), International Financial management, 11th edition, Thompson South-Western
- [3] Phan Thị Nhi Hiếu (chủ biên) (2015), Tài chính công ty đa quốc gia, NXB Kinh tế TPHCM.

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- [1] Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Jeffrey Jaffe, “Corporate Finance”, 9th edition, McGrawHill International Edition.
- [2] International Transfer Pricing 2013/14 - PWC
- [3] Ngô Thị Ngọc Huyền (2009), Quản trị tài chính quốc tế, NXB Thống Kê.
- [4] Corporate Finance, Ross Westerfield Jaffe, 10rd edition, NXB McGraw-Hill
- [5] M. Chance Don; Robert Brooks, Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính, NXB Cengage Learning, 2015.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1	Điểm danh	Đánh giá tính chuyên cần	CLO11, CLO12, CLO13	12,5%
2	Nhật ký theo dõi	Đánh giá thái độ chủ động, tích cực trong học tập thông qua việc phát biểu trong buổi học	CLO11, CLO12, CLO13	25%
3	Bài tập cá nhân	Hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao trên lớp và về nhà	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	12,5%
4	Tiểu luận nhóm	Báo cáo tiểu luận về chủ đề liên quan tới môn học làm theo nhóm (5 sinh viên)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO11, CLO12, CLO13 CLO7, CLO8, CLO8, CLO9.	37,5%
5	Kiểm tra giữa kỳ: Bài thi tự luận gồm 2 bài tập để vận dụng lý thuyết đã học vào phân tích và xử lý tình huống	Bài tập 1	CLO7, CLO8, CLO8, CLO8, CLO11, CLO12, CLO13	6,25%
		Bài tập 2	CLO5, CLO6, CLO11, CLO12, CLO13, CLO7, CLO8, CLO8, CLO9	6,25%
TỔNG				100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÀI THI TỰ LUẬN KẾT HỢP TRẮC NGHIỆM: Bài thi 60 phút gồm.... câu trắc nghiệm và 2 bài tập tự luận có nội dung liên quan cả về lý thuyết và vận dụng phân tích, xử lý tình huống	Phần trắc nghiệm: Lý thuyết và bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6,	50%
	Phần tự luận: Bài tập 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
	Bài tập 2	CLO4, CLO5, CLO6,	25%
	Tổng		100%

7. HOLISTIC RUBRIC :

Rubric đánh giá tính điểm danh

Tiêu chí đánh giá	Mô tả mức đạt chuẩn quy định (4 mức)			
	0-5 điểm	6-7 điểm	8-8,5 điểm	9-10 điểm
Mức độ tham dự buổi học theo TKB	Tham dự từ 50% số buổi học trở xuống	Tham dự từ 50%-70% số buổi học	Tham dự từ 70-85% số buổi học	Tham dự trên 85% số buổi học

Rubric đánh giá nhật ký theo dõi

Tiêu chí đánh giá	Mô tả mức đạt chuẩn quy định (4 mức)			
	0-5 điểm	6-7 điểm	8-8,5 điểm	9-10 điểm
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	Tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp, làm bài tập trên lớp dưới 3 lần	Có đặt/trả lời câu hỏi, làm bài trên lớp từ 3 - 4 lần	Có đặt/trả lời câu hỏi, làm bài tập trên lớp từ 5-6 lần	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời câu hỏi, làm bài tập trên lớp trên 6 lần

Rubric đánh giá bài tập cá nhân

Tiêu chí đánh giá	Mô tả mức đạt chuẩn quy định (4 mức)			
	0-5 điểm	6-7 điểm	8-8,5 điểm	9-10 điểm
Mức độ hoàn thành bài	Làm dưới 50% số bài được giao	Làm từ 50%-70% số bài được giao	Làm từ 70%-85% số bài được giao	Làm trên 85% số bài được giao
Tỷ lệ trả lời đúng	Tỷ lệ trả lời đúng $\leq 50\%$	Tỷ lệ trả lời đúng 50-70%	Tỷ lệ trả lời đúng 70-85%	Tỷ lệ trả lời đúng 85-100%

Rubric đánh giá bài tiểu luận nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mô tả mức đạt chuẩn quy định (4 mức)			
	0-5 điểm	6-7 điểm	8-8,5 điểm	9-10 điểm
Hình thức báo cáo	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	Đơn điệu, chữ to rõ, ít lỗi chính tả	Rõ ràng, không lỗi chính tả	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả
Nội dung báo cáo/ chất lượng sản phẩm	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	Đáp ứng 50% - 70% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 85% yêu cầu	Đáp ứng 85% - 100% yêu cầu
Tham gia thực hiện	Dưới 60% thành viên tham gia thực hiện	60% - 80% thành viên tham gia thực hiện	Từ 80% - 95% thành viên tham gia thực hiện	95%-100% thành viên tham gia thực hiện

Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ

Đạt	Không đạt
Bài kiểm tra tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài kiểm tra tự luận gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

Rubric đánh giá bài thi tự luận kết hợp trắc nghiệm

Đạt	Không đạt
Bài thi gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Đạt khi bài thi từ 5 điểm trở lên.	Bài thi gồm hai câu hỏi, mỗi câu 5 điểm. Không đạt khi bài thi dưới 5 điểm.

Hiệu trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20
 Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

PGS.TS Hồ Thủy Tiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Quản trị Đa Văn Hóa
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Multicultural differences
1.3 Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
1.4 Hướng đào tạo:	Nghiên cứu
1.5 Mã học phần:	
1.6 Số tín chỉ:	3
1.7 Phân bổ thời gian:	
- Lý thuyết:	27
- Bài tập, thảo luận:	18
- Thực hành:	
- Tự học:	
1.8 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Khoa Thương Mại
1.9 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

2.1 Mục tiêu chung

Có khả năng phân tích cơ bản sự khác biệt trong văn hoá.

Nhận biết các nguyên tắc cơ bản và các thông tin quan trọng làm cầu nối giữa mọi người đến từ các quốc gia khác nhau để làm việc chung trong một tổ chức.

Có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp các đề tài liên quan đến đa văn hóa

2.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

Học viên nắm vững kiến thức cơ bản về văn hóa, quản trị đa văn hóa, ý nghĩa của quản trị đa văn hóa, lãnh đạo và chuẩn mực lãnh đạo trong nhóm đa văn hóa; các kiểu văn hóa, các mô hình quản trị đa văn hóa hiện nay trên thế giới và ứng dụng vào Việt Nam. Học viên nắm vững phương thức vận dụng các công cụ giao tiếp, quản lý các mối quan hệ giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ của doanh nghiệp mình.

❖ Về Kỹ năng:

Học viên có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản về văn hóa, quản trị doanh nghiệp trong môi trường đa văn hóa, phân tích sự khác biệt các nền văn hóa trên thế giới, sự đa dạng văn hóa trong doanh nghiệp mình quản lý. Học viên có khả năng vận dụng kỹ năng và công cụ giao tiếp trong môi trường kinh doanh của công ty cũng như cách ứng xử nhân viên trong doanh nghiệp đa quốc văn hóa, đa quốc tịch nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc cũng như trong môi trường đa văn hóa.

❖ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

Học viên, tích cực, chủ động tìm hiểu về kiến thức có liên quan đến bài học, đọc tài liệu, làm việc nhóm, cá nhân trên lớp cũng như hoàn thiện các bài tiểu luận, tham dự học tập, tham dự giờ giảng lý thuyết trên 80% số tiết học.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

3.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

Ký hiệu	Nội dung
Về kiến thức	
CLO1	Hệ thống hóa các kiến thức chuyên sâu về các chức năng trong quản trị đa văn hoá.
CLO2	Cập nhật kiến thức về các mô hình quản trị đa văn hoá doanh nghiệp hiện đại trên thế giới.
CLO3	Tư duy phân tích các vấn đề phát sinh trong thực tiễn có luận cứ khoa học.
Về kỹ năng	
CLO4	Phân tích, đánh giá một cách khoa học các kiến thức chuyên ngành để áp dụng vào thực tiễn đa văn hoá.
CLO5	Phân tích giao tiếp trong môi trường kinh doanh của công ty.
CLO6	Nhận diện, đánh giá và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình ứng xử nhân viên trong doanh nghiệp đa quốc văn hóa, đa quốc tịch nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc cũng như trong môi trường đa văn hóa.
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	

CLO7	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong doanh nghiệp.
CLO8	Khát vọng vươn lên để trở thành những nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.
CLO9	Trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc để nâng cao giá trị cuộc sống.

3.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
- *R (Reinforced)* – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- *M (Mastery)* – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		I		R						
CLO2			I				R			
CLO3					M			R		
CLO4	R		R			M			M	
CLO5										
CLO5		R		M						M
CLO7					M			M		
CLO8			M			R			M	
CLO9							R	M		M
Tổng hợp học phần	R	I	M	M	M	M	R	M	M	M

4. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

4.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:

1.1 Nội dung và kế hoạch giảng dạy:								
Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thu yết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiê n cứu			
Tuần 1: Từ:	Chương 1: Toàn cầu hóa và liên kết quốc tế	3	2			Thảo luận		

Đến...	1.1 Tổng quan kết nối thế giới 1.2 Hệ thống kinh tế toàn cầu 1.3 Đạo đức, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững của doanh nghiệp							
Tuần 2: Từ: Đến...	Chương 2: Vai trò của văn hóa 2.1 Ý nghĩa và các khía cạnh văn hóa 2.2 Đặc trưng văn hóa 2.3 Đa dạng văn hóa 2.4 Giá trị văn hóa 2.5 Kết hợp văn hóa và quản trị	3	2			Thảo luận		
Tuần 3: Từ: Đến...	Chương 3: Quản trị đa văn hóa (QTDVH) 3.1 Chiến lược QTDVH 3.2 Các đặc điểm tương đồng và khác biệt của đa văn hóa 3.3 Khác biệt văn hóa ở một số quốc gia và khu vực	3	2			Thảo luận		
Tuần 4: Từ: Đến...	Chương 4: Văn hóa tổ chức và sự đa dạng 4.1 Tính chất của văn hóa tổ chức 4.2 Sự tương tác giữa văn hóa quốc gia và văn hóa tổ chức 4.3 Văn hóa tổ chức tại các tập đoàn đa quốc gia MNCs 4.4 Quản trị chủ nghĩa đa	3	2			Thảo luận		

	văn hóa và sự đa dạng							
Tuần 5: Từ: Đến...	Chương 5: Giao tiếp đa văn hóa và đàm phán 5.1 Tổng quan về quá trình giao tiếp 5.2 Quy trình giao tiếp 5.3 Các rào cản giao tiếp 5.4 Nâng cao hiệu quả giao tiếp 5.5 Quản trị đàm phán đa văn hóa	3	2			Thảo luận		
Tuần 6: Từ: Đến...	Chương 6: Thúc đẩy nhân viên trong môi trường ĐVH 6.1 Bản chất của thúc đẩy nhân viên 6.2 Các lý thuyết thúc đẩy nhân viên: Thuyết nhu cầu, thuyết hai nhân tố, thuyết thành tựu động viên, thuyết lựa chọn quá trình 6.3 Ứng dụng thúc đẩy nhân viên trong thiết kế công việc, công việc tập trung và hệ thống khen thưởng 6.4 Khen thưởng động viên và văn hóa	3	2			Thảo luận		
Tuần 7: Từ: Đến...	Chương 7: Lãnh đạo trong môi trường đa văn hóa 7.1 Tổng quan về Lãnh đạo 7.2 Các lý thuyết chính và các trường phái lãnh đạo 7.3 Lãnh	3	2			Thảo luận		

	đạo trong môi trường quốc tế 7.4 Các nghiên cứu thực nghiệm về phong cách lãnh đạo							
Tuần 8: Từ: Đến...	Chương 8: Chọn lựa và phát triển nguồn nhân lực đa văn hóa 8.1 Tầm quan trọng của nguồn nhân lực quốc tế 8.2 Các nguồn nhân sự 8.3 Tính thích ứng của nhân lực trong thay đổi văn hóa	3	2			Thảo luận		
Tuần 9: Từ: Đến...	Trình bày nhóm	3	2					

4.2 Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9
	X								
		X							
				X					
					X				
		X				X		X	
					X				

5. HỌC LIỆU:

(Lưu ý: học liệu được chọn phải là những tài liệu được cập nhật mới nhất.)

5.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

1. Luthans, F., & Doh, P.J. (2017), International Management: Culture, Strategy and Behavior (10th ed.). McGraw-Hill.
2. French, R. 2010. Cross-Cultural Management in Work Organisations, 2nd Edition. London, UK: CIPD.
3. Charlene M. Solomon Michael S. Schell, (Nguyễn Thọ Nhân) dịch, 2010, Quản lý

xuyên văn hóa - Management across Cultures, Nxb. Tổng hợp TP.HCM và Nxb. Mc Graw - Hill

5.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

1. Brad Stone and Sarah Frier (2015). “Evan Spiegel Reveals Plan to Turn Snapchat into a Real Business,” Bloomberg, May 26, 2015, <http://www.bloomberg.com/news/features/2015-05-26/evan-spiegel-reveals-plan-to-turn-snapchat-into-a-real-business>.
2. David M. Barreda (2013). “Who Supplies Apple? (It’s Not Just China),” China File, February 14, 2013, www.chinafile.com/who-supplies-apple-it-s-not-just-china-interactive-map.
3. Ernst & Young (2015). “Talent Trends in India, 2015: People and Organization,” [www.ey.com/Publication/vwLUAssets/ey-talent-trends-in-india-2015/\\$FILE/ey-talent-trends-in-india-2015.pdf](http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/ey-talent-trends-in-india-2015/$FILE/ey-talent-trends-in-india-2015.pdf).
4. Julie Steinberg (2016). “Citi to Sell 20% Stake in China Guangfa Bank for \$3 Billion,” The Wall Street Journal, February 29, 2016, www.wsj.com/articles/citi-to-sell-20-stake-in-china-guangfa-bank-for-3-billion-1456739999.
5. Peter Dorfman, Mansour Javidan, Paul Hanges, Ali Dastmalchian, and Robert House (2012). “GLOBE: A Twenty Year Journey into the Intriguing World of Culture and Leadership,” Journal of World Business 47 (2012), pp. 504–518.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Đánh giá quá trình: trọng số: 40% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
1. Điểm chuyên cần và tích cực, chủ động (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Dựa vào tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp và số lần phát biểu.	Đánh giá tính chuyên cần, thái độ tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập cá nhân trên lớp và hoạt động nhóm.	CLO1	50%
2. Bài tập nhóm (Tỷ trọng trong đánh giá quá trình: 50%): Mỗi các nhóm (3-6 học viên) phải hoàn thành các bài tập ứng dụng của các chương của học phần. Nội dung các bài tập được trình bày file	Đánh giá khả năng tiếp thu lý thuyết và sử dụng lý thuyết để phân tích đánh giá các công cụ giao tiếp, quản lý các mối quan hệ giao tiếp trong	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	50%

Power point (thuyết trình trên lớp có phản biện của các nhóm khác). Giảng viên căn cứ vào chất lượng bài làm trên file Power point, kỹ năng tương tác, phản biện trong quá trình thuyết trình để đánh giá điểm chung của cả nhóm và điểm cá nhân theo mức độ tham gia, đóng góp của các thành viên trong nhóm.	môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ của doanh nghiệp	CLO7 CLO8 CLO9	
	Đánh giá thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo tham gia trình bày phản biện các vấn đề liên quan đến công cụ giao tiếp, quản lý các mối quan hệ giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ của doanh nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	
Tổng			100%

6.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Bài tiểu luận cá nhân Được thực hiện trong thời gian 01 tháng	- Trình bày được cơ sở lý thuyết về giao tiếp, quản lý các mối quan hệ giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ của doanh nghiệp - Kinh nghiệm quản trị đa văn hoá của một DN tương tự	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Đánh giá thực trạng quản trị đa văn hoá của một đơn vị cụ thể: - Giao tiếp, quản lý các mối quan hệ giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, đa ngôn ngữ của doanh nghiệp - Nhận xét đánh giá	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO8 CLO9	40%
	Đề xuất các giải pháp hoàn thiện: - Về cấu trúc - Về quản trị đa văn hoá	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	30%

		CLO7 CLO8 CLO9	
Tổng			100%

7. HOLISTIC RUBRIC:

(Lưu ý : mọi phương pháp đánh giá trong đề cương phải được lập Rubric)

7.1.Thang điểm đánh giá chuyên cần và tích cực, chủ động trong quá trình học tập

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Tần suất tham dự giờ học trên lớp và nghiên cứu tài liệu (chuẩn bị bài tập) trước khi đến lớp và số lần phát biểu ý kiến xây dựng bài	Đáp ứng đủ 3 điều kiện: - Tham dự các buổi học trên lớp đầy đủ; - Chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 03 lần phát biểu ý kiến trở lên	- 01 lần vắng mặt không có lý do chính đáng - Hoặc 01 lần chưa chuẩn bị đầy đủ bài tập trước khi đến lớp - Và có 02 lần phát biểu ý kiến	- 02 lần vắng mặt, không có lý do chính đáng - Hoặc 02 lần chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Và có 01 lần phát biểu ý kiến	- 03 lần trở lên vắng mặt, hoặc chưa nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp - Hoặc 03 lần trở lên chưa chuẩn bị bài tập trước khi đến lớp - Hoàn toàn không phát biểu ý kiến	

7.2. Thang điểm đánh giá kết quả bài tập nhóm

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: < 5	Điểm
Nội dung (60%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai 1 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70 - < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý dữ liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (15%)	Đạt 4 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; thuyết trình lôi cuốn	Không đạt 1 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 4 tiêu chuẩn; hoặc tất cả đều ở mức trung bình	

Mức độ tham gia (15%)	Có sự tham gia đầy đủ và đồng đều của các thành viên	Có sự tham gia đầy đủ nhưng không đồng đều của các thành viên không tham gia	Có 1 thành viên không tham gia trở lên	Có hơn 1 thành viên không tham gia	
Thời gian (10%)	Đúng thời gian qui định	Trễ thời gian qui định < 2 phút	Trễ thời gian qui định 2 - 4 phút	Trễ thời gian qui định > 4 phút	

7.3. Thang điểm đánh giá tiểu luận kết thúc học phần

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm: 9 - 10	Điểm: 7- < 9	Điểm: 5 - < 7	Điểm: <5	Điểm
Nội dung (70%)	Hoàn chỉnh và đúng toàn bộ	Sai một lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành trên 80 - 90%	Sai 2- 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc hoàn thành ở mức 70- < 80%	Sai trên 3 lỗi xử lý số liệu; hoặc sai phương pháp; hoặc hoàn thành dưới 70%	
Hình thức (30%)	Đạt 5 tiêu chuẩn: kết cấu hợp lý; luận giải logic; hình thức đẹp; văn phong chiết khúc; ít lỗi chính tả	Không đạt 1 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 2 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 2 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 3 tiêu chuẩn ở mức trung bình	Không đạt 3 trong 5 tiêu chuẩn; hoặc 4 tiêu chuẩn ở mức trung bình	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm 20

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Xuân Hiệp

Nguyễn Ngọc Duy Phương

PHẦN CHÍNH LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Yêu cầu đối với luận văn định hướng nghiên cứu là có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo, có khối lượng 12 tín chỉ.

- Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

Tùy theo mục tiêu nghiên cứu và nội dung nghiên cứu, học viên có thể trình bày kết cấu phần chính cho phù hợp, nhưng phải đảm bảo tính logic. Một kết cấu phù hợp để trình bày kết quả nghiên cứu có thể bao gồm các nội dung sau:

Chương 1: Mở đầu

Chương này bao gồm các nội dung:

- (1) Đặt vấn đề hay lý do chọn đề tài;
- (2) Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể;
- (3) Câu hỏi nghiên cứu;
- (4) Đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu;
- (5) Phương pháp nghiên cứu;
- (6) Ý nghĩa khoa học và thực tiễn;
- (7) Kết cấu của luận văn.

Chương 2: Cơ sở lý thuyết

Chương 2 gồm có hai nội dung:

- (1) Tổng quan vùng nghiên cứu: bao gồm việc trình bày các khái niệm nghiên cứu, các lý thuyết giải thích mối quan hệ giữa các biến nghiên cứu;

(2) Tổng thuật các công trình nghiên cứu đã công bố của các tác giả trong và ngoài nước có liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu của tác giả về phương pháp, hoặc nội dung, hoặc kết quả nghiên cứu, hoặc cả ba vấn đề trên.

Đối với luận văn thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, trong chương này có thể hình thành mô hình nghiên cứu.

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu

Nội dung chương 3 bao gồm:

- (1) Giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu;
- (2) Phương pháp thu thập dữ liệu;
- (3) Phương pháp xử lý dữ liệu.

Chương 4: Kết quả và thảo luận

Các nội dung trình bày trong phần kết quả và thảo luận phải được sắp xếp theo thứ tự từng mục tiêu cụ thể của đề tài.

Mô tả các công việc nghiên cứu khoa học được tiến hành, các số liệu trong quá trình nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm, điều tra khảo sát,...

Phân thảo luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác có liên quan thông qua tài liệu tham khảo.

Chương 5: Kết luận và hàm ý

Phân kết luận cần trình bày ngắn gọn, khẳng định những gì rút ra được từ kết quả nghiên cứu theo các mục tiêu cụ thể đã được phân tích ở chương 4.

Phần kiến nghị/hàm ý quản trị phải xuất phát từ các kết quả nghiên cứu. Ngoài ra, có thể đề nghị những vấn đề cần nghiên cứu thêm, những đề xuất phát triển từ đề tài nghiên cứu. Những đề nghị phải cụ thể, rõ ràng, thiết thực và khả thi.

Hạn chế của nghiên cứu thể hiện ở cách tiếp cận, mô hình, nguồn dữ liệu, cách thức xử lý. Tác giả nên có đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo để khắc phục những hạn chế đã nêu.